

BÁCH KHOA

SỐ 43 - NGÀY 15.10.1958

Trong số này :

HUYNH-VĂN-LANG	Những kẻ phá hoại Chế độ
RICHARD HUGUES } TIÊU-DÂN (dịch) }	Thực trạng của Trung- hóa đại lục.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Bao trước một tin mừng.
ĐOÀN-THÊM	Vài nhận xét về Hiến pháp mới của nước Pháp.
SÀO-PHÙ-VIỆT và } NTMTĐ }	Vào Đại án am thám thi sĩ Đông-Hồ.
TRẦN-HÔNG-HUNG	Người làng Phú-dòng.
BINH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGU-Í }	Tiếng Địa phương.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Lược khảo về Tam- quốc điển nghĩa.
TRẦN-VĂN-KHẾ	Hát quan họ.
PHAN-LAC-TUYẾN	Nhạc Jazz
LƯU-NGHI	Mùa gày vườn hương (truyện ngắn).
Ngũ-Í } NGUYỄN-HỮU-NGU }	Cũng nói đến Thu (thơ).
NGUYỄN-PHAN-AN	Thu hẳn sông núi
VÕ-HÂN	Bài ca mai sau
KIỀU-YIÊU (dịch Liễu-Trang)	Cầm-Sét
THÁI-BACH (dịch thơ Chiêu-Quân)	Tam-quai-sâu
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Đanh từ y ngữ.
VĨ-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kinh thành

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lao-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tch-Tho-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

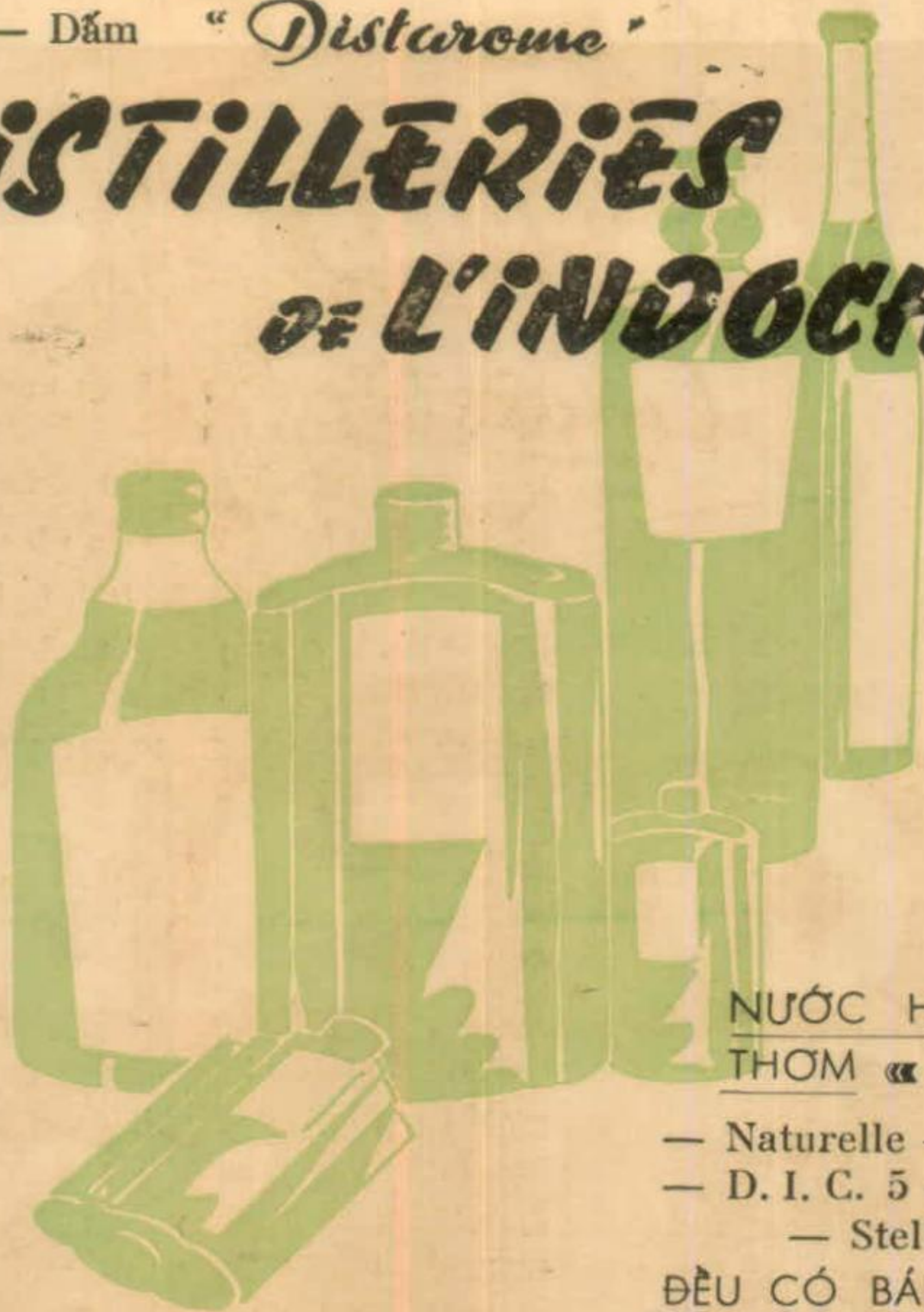
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

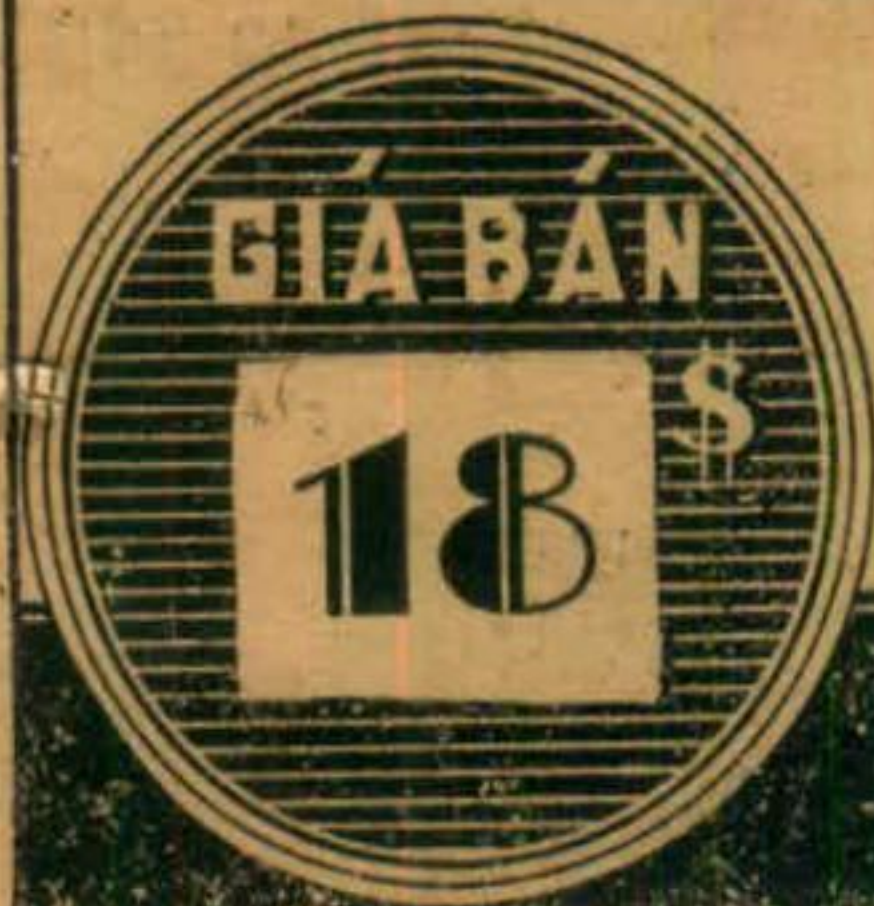
ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

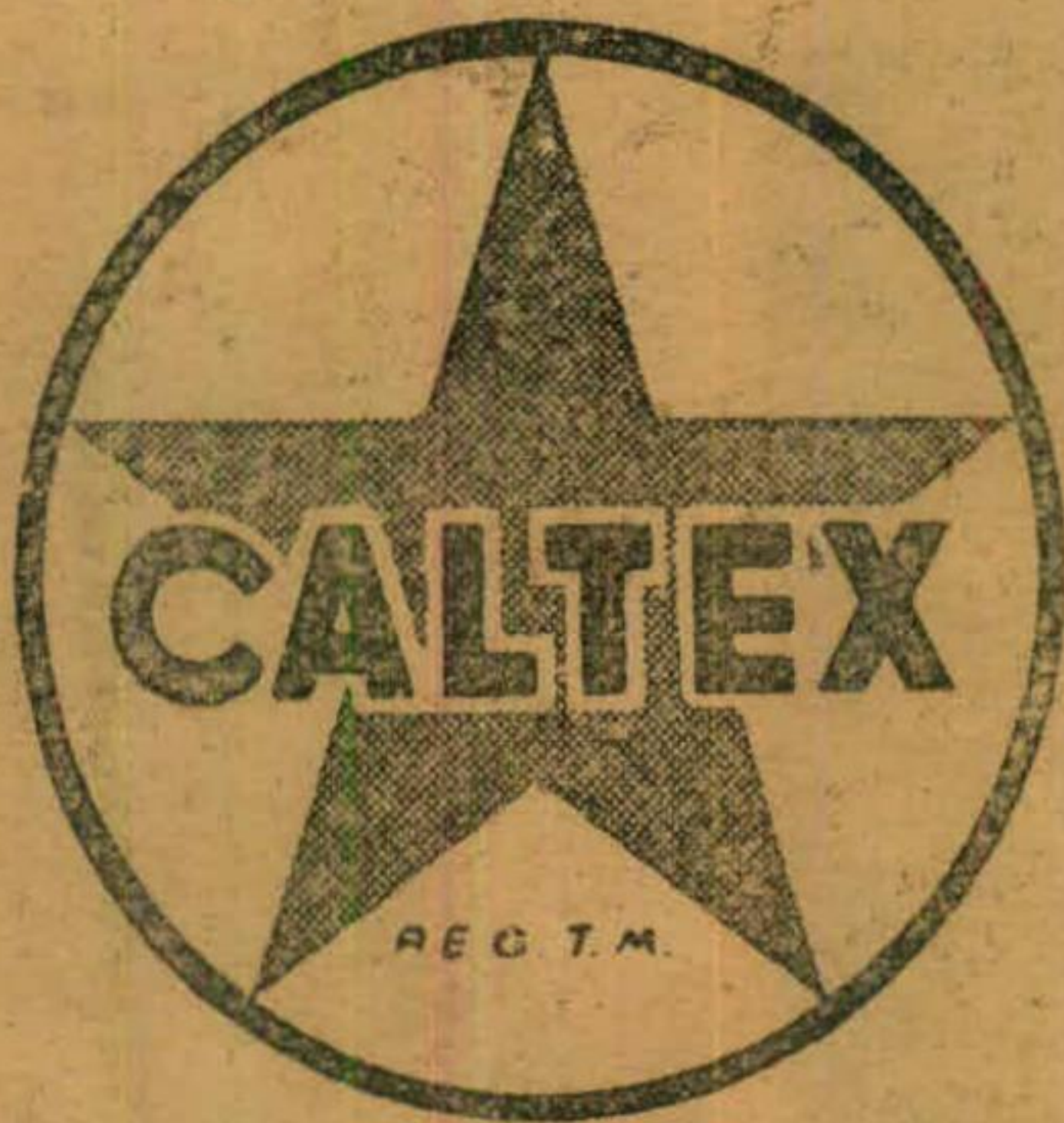
La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.



BÁCH - KHOA

Số 43 — Ngày 15-10-1958

	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	Những kẻ phá hoại Chế độ. 3
RICHARD HUGUES - TIỂU-DÂN (dịch)	Thực trạng của Trung - hoa đại lục 5
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Báo trước một tin mừng . . 12
ĐOÀN-THÊM	Vài nhận xét về Hiến-pháp mới của nước Pháp. 15
SÀO-PHỦ-VIỆT và NTMTD	Vào Đại-ăn-am thăm thi sĩ Đông-Hồ 26
TRẦN-HỒNG-HƯNG	Người làng Phù-đồng 30
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	Tiếng địa phương 36
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Lược khảo về Tam-quốc diễn nghĩa. 41
TRẦN-VĂN-KHÊ	Hát quan họ. 49
PHAN-LẠC-TUYÊN	Nhạc Jazz. 56
LƯU-NGHI	Múa gậy vườn hoang (truyện ngắn). 57
Ngũ-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ	Cũng nói đến Thu (thơ) . . 68
NGUYỄN-PHAN-AN	Thu hồn sông núi 69
VŨ-HÂN	Bài ca mai sau 69
KIỀU-YIÊU (dịch Liêu-Trai)	Cầm-Sắt. 70
THÁI-BẠCH (dịch thơ Chiêu-Quân)	Tái ngoại sầu. 76
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Danh từ y ngữ 77
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh thành 81

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | |
|------------------|--|
| NGUYỄN-QUANG-LÊ | : Văn đề dân khẩu tại Việt-nam. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : Chế độ dân chủ mác-xít. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : Sự chế tạo tàu máy hơi vào cuối triều vua Minh-Mạng. |
| | : Rừng ở Việt Bắc. |
| NGUYỄN-HIỂN-LÊ | : Tị-hiềm: một quy tắc để giữ hạnh phúc gia-dình. |
| NGUYỄN-VĂN-TUYÊN | : Sử quan trong tư tưởng hiện đại. |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC | : Bản quyền tác giả. |
| NGUYỄN-ĐÌNH-HẢI | : Tổ chức U. N. E. S. C. O. |
| NGUYỄN-VĂN-XUNG | : Mục quản gia trong « Đoàn trường Tân - thanh. » |
| ĐÔNG-HỒ | : Chung quanh bài thơ « Tôn phu hơn quy Thục » |
| SONG-AN CƯ SĨ | : Nước Li-ban. |
| CÔ-LIÊU | : Hỏa tiễn. |
| | : Thế hệ J 3, tại Anh và Pháp. |
| VÂN-TRANG | : Hai thế giới. |
| HUY-TRÂM | : Tháng Chín. |
| LƯU-KIỂM | : Hoài. |
| VÕ-PHIẾN | : Bản-khoản (truyện ngắn). |
| LÊ-VĂN | : Lão bắt cá. |
| NGUYỄN-PHÚC | : Đêm không hết (truyện ngắn). |
| KIỀU-YIÊU | : Người làm trò rắn (dịch Liêu-trai). |

THẺ LỆ MUA BẢO DÀI HẠN

6 tháng 12 số: 90\$00 — 1 năm 24 số: 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BẢO QUẢN: 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON

Nhà in: 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho: Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên: Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

NHỮNG KẺ PHÁ HOẠI CHẾ ĐỘ

HUỲNH-VĂN-LANG

MỘT đôi khi, trước dư luận cũng có nhiều tờ báo đã ra công vạch mặt những người ăn núp dưới chế độ, thừa hưởng và có khi lợi dụng chế độ hiện hữu, mà chính mình lại phá hoại chế độ ấy.

Ở đây chúng ta không muốn lập lại những kẻ phá hoại trực tiếp và công khai, là những phần tử xã hội hư đốn, lạm dụng chế độ để phục vụ cho một tà nghĩa, cho một ngoại bang hay cho bản thân mình... bất chấp đến quyền lợi tối cao của đoàn thể, của dân tộc, của đất nước. Thật ra, những kẻ mà trên mặt báo chí đã vạch ra là Cộng-sản, là Việt gian, là con hùm, con hạm v.v... thì hành động phá hoại của họ đã rõ ràng lắm rồi.

Trái lại, một hạng người khác có những hành động phá hoại có khi còn nguy hại gấp bội vì họ không phải là những người của bên kia mà là những người ở bên này mặt trận. Họ âm thầm sinh hoạt, gián tiếp tàn phá, ít người lưu ý. Họ càng nguy hại hơn nữa, không phải ở cái chỗ người chung quanh không quan tâm đến họ, song là ở cái chỗ chính họ không ý thức được hành động phá hoại của họ, mà họ lại còn lầm lẫn cho mình vẫn là chiến sĩ của chính nghĩa, là rường cột của chế độ có khi là ân nhân của đồng bào nữa. Và họ vẫn tự kính trọng cũng như được nhiều người kính trọng.

Họ có thể xếp ra làm nhiều hạng, nhưng chúng tôi muốn nói cái hạng người hiền lành, lương thiện... mà lại phá hoại dữ tợn không kém gì tên gian hùng chỉ vì họ mắc bệnh căm hay bệnh mù.

NHỮNG KẺ PHÁ HOẠI CHẾ ĐỘ

Có những người biết sự thật và có phận sự phải trình bày sự thật lại ngậm miệng làm câm. Họ không phải là Tù-Thứ nhưng lại đóng vai tuồng Tù-Thứ. (1)

Có những người không câm hẳn, cũng biết nói đôi chút. Nhưng « sự thật thì đơn thuần mà cũng là toàn thể », cho nên nói một phần hay nói một bề mặt, thì cũng không khác là bóp méo sự thật, có khi còn nguy hại hơn là câm hẳn.

Có những người không câm, nhưng lại mù. Họ là những người làm việc vừa nhắm mắt, vâng lời một cách mù quáng, biểu đầu làm đổ có khi làm hơn ý người ra lệnh, bất chấp đến cái lợi cái hại, đến trường hợp hay hoàn cảnh đổi thay.

Tại sao có cái chứng bệnh oái oăm này ? Nếu có điều tra nơi các bệnh nhân thì thấy những lý do vừa nhiều, vừa sâu rộng và vừa phức tạp. Trong những căn nguyên của chứng bệnh câm và mù mà có người cho rằng bệnh thời đại, có một cái căn nguyên « không thời đại » chút nào mà là căn nguyên cố hữu, truyền thống lâu đời rồi, chúng tôi muốn nói cái chứng « sợ » của chúng ta.

Xưa nay, ở trong gia đình ta quen sợ cha, sợ mẹ, sợ ông, sợ bà, sợ ma, sợ quỷ — sợ đây không có nghĩa là « kinh » chút nào. Khi lớn lên ra ngoài đời sợ làng, sợ xã, sợ linh, sợ tráng. Khi hoạt động cái gì lại sợ tây, sợ tà, sợ quan, sợ tướng. Chao ôi ! Còn bao nhiêu thứ sợ nữa ? Sợ mất lòng người — cái thứ sợ này nó gần có nghĩa như nịnh — sợ liên lụy đến thân phận, đến chức tước, đến gia đình.

Lúc làm tôi thì mắng lo nghĩ về sợ, làm chủ thì làm cho sợ. Ở dưới thì sợ trên, ở trên thì sợ trên nữa và như thế mãi. Rồi lại ở trên thì làm sợ dưới, ở dưới thì làm sợ dưới nữa và cũng như thế mãi.

Chứng nào và ai sẽ làm cho chúng ta ra khỏi cái vòng luẩn quẩn này để lời nói, việc làm, đến cả nước đi của chúng ta không còn nhát sợ nữa ?

Nhân ngày Tết Cộng-Hòa sắp tới, đánh dấu bốn năm xây dựng chính thể Cộng-hòa, thiết tưởng chúng ta, mọi công dân Việt-Nam, từ trên xuống dưới cũng nên tự xét mình, từ tư tưởng đến hành động trong mấy năm vừa qua, xem chúng ta đã góp phần nào là xây dựng và đã vô tình phạm phần nào về phá hoại chế độ dân chủ, phá hoại chính-thể Cộng-hòa của chúng ta.

(1) Tù-Thứ : một nhân vật đời Tam-quốc, mắc mưu Tào-Tháo, nên phải giả câm suốt đời.

HUỲNH-VĂN-LANG

BÁCH KHOA XXXXIII

THỰC-TRẠNG CỦA TRUNG-HOA ĐẠI-LỤC

của RICHARD HUGUES
bản dịch của TIÊU-DÂN

PHẢI chẳng có tình trạng lục đục trong Trung-ương đảng và Chính phủ ? Tôi thấy không có điều đó.

Những người lãnh đạo hiện thời của Trung-Hoa đều đã sát cánh đấu tranh với Mao-Trạch-Đông từ ngày còn ở chiến khu. Họ đều là những chiến hữu trung thành đồng thời là những người trung thành phục tùng sự lãnh đạo của họ Mao.

Từ ngày thiết lập chế độ Cộng-sản ở đại lục, họ chú trọng thực hiện sự thống nhất ý chí, hành động hơn tất cả mọi việc.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy hai khuynh hướng trong ban bí thư của Trung-ương đảng. Hai khuynh hướng... Người ta nghĩ ngay đến hai phe nhưng thật ra gọi là « phe » cũng chưa sát đúng lắm, theo ý kiến của giới am hiểu vấn đề Trung-Hoa. Ta cứ tạm cho là có

hai phe đi, đồng thời không quên rằng tất cả, họ đều quan tâm đến sự thống nhất ý chí, hành động, như họ đã nói.

Khuynh hướng thứ nhất là khuynh hướng lý thuyết. Mao-Trạch-Đông tiêu biểu cho khuynh hướng này.

Khuynh hướng thứ hai là khuynh hướng thực tế. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là Châu-Ân-Lai và những cán bộ hành chánh.

Phe « lý thuyết » chủ trương dùng đường lối thuyết phục để nhân dân Trung-Hoa thừa nhận chủ nghĩa Cộng-sản trước khi hoàn thành công cuộc xây dựng chính quyền Cộng-sản. Họ tán thành chậm ngôn mà Mao-Trạch-Đông thường nêu lên: Đi chậm ban đầu, tiến gấp vào giai đoạn cuối cùng.

Phe « Thực tế », trái lại, nôn nóng hơn. Họ quả quyết rằng hiện nay họ đã nắm được dân chúng rồi, do đó, cần

đi gấp hơn đi chậm, cần thay đường lối ép buộc vào đường lối giác ngộ.

Trong một cuộc nói chuyện vui vẻ, vào dịp tiếp tân, tại Bắc-kinh, một cán bộ Đảng cho một nhà ngoại giao Tây-phương biết một nhận xét về vấn đề ấy như sau :

« Mao chủ tịch là một nhà triết học, không phải là một kinh tế gia hay một nhà cai trị ; bàn giấy làm việc của ông ta đầy những giấy lộn, bản nháp các tài liệu tuyên truyền, diễn văn và tuyên ngôn. Nhưng nói về họ Châu thì, — nếu tôi có thể so sánh miễn cưỡng như vậy, tôi cho ông ta giống một nhà chỉ huy trong khu vực kinh tài Wall Street, nghiêm khắc và luôn luôn bận rộn công việc ; bàn giấy của ông ta luôn luôn sạch bóng, Châu có ảnh hưởng thực sự nhiều hơn nhưng... »

Cán bộ ấy lắc đầu, nốc cạn ly rượu khác rồi tiếp : — ... « nhưng Mao có uy tín nhiều hơn. »

Trước công chúng, họ Mao thường tỏ ra là vị lãnh tụ đầy nhân ái và giản dị. Nhưng khi cần ông ta có thể hết sức cương quyết, luôn luôn giữ vững lập trường, cũng như có thể mềm dẻo rất mực và tự thích nghi dễ dàng với hoàn cảnh.

Thật ra sự khác biệt giữa hai phái chỉ là về vấn đề phương pháp và không bao giờ liên hệ đến mục tiêu hay cứu cánh của chính sách, chủ trương. Và lại, dù rằng có những ý kiến bất đồng về đường lối của Đảng, một khi vấn đề đã được đưa ra biểu quyết, thiểu số luôn luôn phục tùng đa số và sự đoàn kết thống nhất hàng ngũ Đảng được duy trì.

Cho đến nay, hai khuynh hướng ấy vẫn tiếp tục đấu tranh với nhau. Chắc hai phe cũng tìm cách kéo thêm vây cánh nữa. Nhưng không có dấu hiệu nào tỏ ra rằng có tình trạng tổ cáo lẫn nhau hoặc đoạn tuyệt với nhau.

Hiện nay Mao-trạch-Đông còn đó và làm chủ tình thế. Cá nhân ông ta được kính nể và quý mến nữa. Nhưng có thể tình hình sẽ đổi khác khi họ Mao không còn.

Nói chung, nhận định rằng chế độ Bắc-kinh đang bị lung củng về nội bộ là một nhận định sai lạc nguy hiểm.

Trí-thức mắc bẫy ?

Theo giới am hiểu tình hình ở Bắc-kinh thì quyết định, khuyến khích, động viên các nhà trí thức phi Đảng phê bình Đảng, về căn bản, là một sai lầm phán đoán của các lý thuyết gia trong Đảng. Châu-Ân-Lai và phe ông đã tỏ bày ý kiến không tán thành quyết định ấy.

Phong trào chỉnh phong đã làm xao trộn hàng ngũ Đảng nhưng người ta đã dè dặt lúc ban đầu và giới hạn trong phạm vi Đảng sự tự phê bình và việc sửa sai.

Dư luận cho rằng về sau, chính Lưu-Thiếu-Kỳ và các lý thuyết gia khác đề nghị với họ Mao mở rộng phạm vi phê bình Đảng để xem các nhà trí thức phi Đảng sẽ nói những gì về Đảng.

Sau những giờ phút do dự, mặt khác, được khuyến khích nhiệt thành, các nhà trí thức bắt đầu lên tiếng. Họ nói rất nhiều.

Chắc chắn rằng phần đông các nhà lãnh đạo đã phải vừa ngạc nhiên, vừa

bối rối vì được nghe những ý kiến chỉ trích mạnh mẽ và sâu sắc, cũng như được thấy những tư tưởng phản động ăn sâu vào trí óc của giới trí thức.

Có ý kiến cho rằng Mao-Trạch-Đông đã dự kiến được tình hình như vậy và không ngạc nhiên hay thấy khó chịu như những kẻ tả hữu. Thật ra, người ta hoài nghi điều này. Những truyền thuyết thường hay thần thánh hóa nhân vật trong chuyện. Đã hẳn là Mao-Trạch-Đông có nhiều khả năng dự đoán tình hình, điều được chứng tỏ trong nhiều trường hợp. Nhưng những kẻ cảm phục họ Mao đã thổi phồng các khả năng ấy đến độ trở nên pháp lực thần thông. Không. Họ Mao có nhiều tài năng thật nhưng ông ta không phải Thượng Đế.

Cho nên, người ta nghĩ rằng các lý thuyết gia của Đảng đã phạm sai lầm khi đề xướng thuyết « Trăm hoa đua nở ». Có lẽ, về một mặt nào, họ hi vọng rằng nhờ phong trào tự do tư tưởng này, Đảng sẽ nhận hiểu và loại trừ được những phần tử bất hảo ra khỏi hàng ngũ. Nếu quả như vậy thì Đảng khôn quá hóa dại và tự hại mình. Đáng lẽ Đảng phải cảm thấy sự bất mãn lan tràn trong giới trí thức và tìm cách giải quyết tình hình một cách khôn ngoan và có phương pháp, Đảng lại đại đột bộc lộ công khai sự thật ấy.

Đảng lại tự đặt cho mình trách vụ trừng phạt những tội lỗi và đảm bảo sự tôn trọng kỷ luật. Người ta thấy rằng Đảng chưa có quyết định nào cả về các tội trạng. Ba bộ trưởng « hữu khuynh » đã bị dư luận cực lực chỉ

trích và nghiêm khắc lên án, các ông Chang Po-Chum (Bộ Giao-thông), Lo Chung-Chi (Bộ Lâm-mộc tạo-tác), Chang Nai-Chi (Bộ Tiếp tế thực phẩm), vẫn còn tại chức và đang nỗ lực phục vụ.

Nếu về sau này Đảng quay ra trừng phạt các nhà trí thức bằng tội tù, người ta có thể kết luận rằng khuynh hướng của phe Châu-Ân-Lai đã thắng và Đảng đã từ đường lối thuyết phục quay sang đường lối khiên chế.

Hiện nay đại đa số các nhà trí thức bị kết tội đều thừa nhận lỗi lầm và tự hạ mình một cách đáng thương để được tha thứ và đề lập công chuộc tội. Họ cố sức che đậy thực trạng tư tưởng của họ. Người Trung-hoa vốn giúi về nguy trang tư tưởng.

Nghĩ cho cùng, họ còn biết làm gì hơn ?

Vấn đề trọng đại ?

Vấn là vấn đề cung cấp thực phẩm, một vấn đề hầu như nan giải. Có thể nói một cách giản dị : nhân khẩu nhiều quá !

Đầu năm nay các kho lúa dự trữ đều khan cạn vì chính quyền phải tiếp tế lúa cho những vùng bị thiên tai. Giới cầm quyền đã thừa nhận có 500 người chết đói ở tỉnh An-huy.

Mùa năm nay bị mất mát nhiều vì hạn hán và lụt lội.

Chính quyền đã phải hãm bớt công cuộc kỹ nghệ hóa để tăng ngân sách cho nông nghiệp và phải giảm bớt diện tích trồng bông để cấy lúa. Điều này có nghĩa là người ta phải bớt phần mặc để lo phần ăn đã.

Bao nhiêu điều quan trọng như củng cố Đảng, bài trừ « quan liêu, tham ô, lãng phí », sửa chữa khuyết điểm kế hoạch năm năm, đều trở nên nhỏ nhặt, vô nghĩa bên cạnh hiểm họa của sự đói. Nạn đói vẫn tiếp tục hoành hành, dưới chế độ Mao-Trạch-Đông cũng như dưới các triều đại vua chúa từ bao nhiêu năm trước.

Chế độ đã áp dụng những biện pháp táo bạo, khéo léo và thực tiễn để chống nạn lụt ngập và những thiên tai khác và để tăng sức sản xuất; nhưng vấn đề « ăn » vô cùng trọng đại và tất cả giải pháp đều phải nhắm về lâu dài sau này để thành tựu. Trong khi đó thì dân số tăng lên trung bình mỗi tháng một triệu đầu người. Tính ra mỗi phút, dân số tăng lên 25 người.

Sự bất mãn của sinh viên

Sinh viên bất mãn chế độ đến thế nào? Không một người ngoại quốc nào dám bảo có thể trả lời cho đầy đủ câu hỏi ấy. Tôi có mặt ở Bắc-kinh vào thời kỳ mà người ta bàn luận nhiều về phong trào sinh viên chống chế độ.

Khi những ý kiến phê bình, chỉ trích của giới sinh viên không có tính cách chung nữa và trở nên cụ thể hơn, Đảng bắt đầu can thiệp. Chính quyền tổ chức những cuộc họp tự phê bình và sửa sai hết sức đông đảo. Những phần tử phản động ngoan cố hoặc tình nghi phản động bị đưa ra để tự phê và được phê bình. Họ bị chỉ trích một cách nghiêm khắc, nhục nhã,

Bây giờ đây sinh viên các trường đại học phải qua một kỳ sát hạch về chính

trị, trước khi được thụ nhận vào một nghiệp vụ. Những sự trừng phạt nghiêm khắc luôn luôn đe dọa những phần tử cứng đầu.

Người ta cho rằng họ Mao hiểu đường lối kiểm soát và cải tạo sinh viên phải thế nào mới hiệu quả. Không nên quên rằng một trong những thành tích công tác của ông ta ngày trước là công cuộc tổ chức sinh viên và tuyên truyền chủ nghĩa với họ.

Một điểm đáng lưu ý: Sinh viên « hữu khuynh » của Trung-Hoa kém tinh thần tranh đấu. Dưới chính quyền Cộng-sản, họ sống chia rẽ và mất phương hướng.

Hợp tác xã nông nghiệp có thành công không?

Nếu xét về mặt tổ chức, có thể cho là thành công. Về năng lượng sản xuất, các hợp tác xã đã thất bại. Chính quyền đã thừa nhận rất nhiều điều sai lầm, vụng về, đã hoãn công cuộc kỹ nghệ hóa phương thức canh tác theo qui mô rộng lớn trong thời hạn ít nhất 10 năm, đã trở về với thị trường tự do để khuyến khích dân chúng nuôi heo, gà và phát triển thủ công nghiệp; hiện nay, chính quyền đang cắt xén những hợp tác xã lớn thành những hợp tác xã nhỏ.

Có lẽ họ Mao đã sai lầm tháng 7 năm 1955, khi ông ta bỗng nhiên chủ trương xúc tiến trong khối 500 triệu người Trung-Hoa phong trào tập thể hóa sinh hoạt sản xuất.

Ông bộ trưởng bộ Canh - nông đã tuyên bố rằng 30 phần trăm nông dân do dự nhiều, không muốn tham gia hợp

tác xã nhưng ông ta bảo rằng tất cả nông dân ngày nay sản xuất rất hào hứng. Thật cũng khó mà tin rằng người nông dân Trung-Hoa sau khi được cấp đất năm 1949, lại có thể vui sướng thấy chính phủ lấy lại đất ấy bằng việc tập trung ruộng đất vào các hợp tác xã, tám năm về sau.

Chính phủ quả quyết rằng hợp tác xã nông nghiệp giúp cho nông dân thâm hoạch mùa màng nhiều hơn mức thâm hoạch của chủ điền ngày xưa, cho dầu kết quả sản xuất chưa được như ý muốn. Điều ấy có thể đúng nhưng ý nghĩa của nó chỉ là sự xác nhận tình trạng đói nghèo quá khứ, hơn là lời ca tụng sự thắng lợi của chính sách hợp tác xã.

Tháng này, một nhân vật hữu trách đã thừa nhận rằng, phải có một thời gian 5 năm nữa để nâng mức thâm hoạch của người nông dân hiện nay lên bằng mức thâm hoạch của người trung nông khá vào thời kỳ tiền cách mạng. Một lời tuyên bố hơi mơ hồ có tác dụng bào chữa những thất bại, lại có lợi ích nuôi dưỡng hi vọng của nông dân ở một ngày mai sáng đẹp hơn.

Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa

Sự đoàn kết nhất trí của khối Cộng-sản là yếu tố nền tảng trong chính sách quốc tế của Trung-cộng. Các nhà cầm quyền ở Bắc-kinh chú trọng đến vấn đề ấy cũng như vấn đề đảm bảo sự thống nhất ý chí hành động trong nội bộ Đảng và Chính phủ.

Họ Mao đã phải lắm lúc phàn nàn về chính sách quốc tế vụng về và thiên cận của Mạc-tư-khoa, chính sách đương nhiên được xem là của cả thế giới Cộng-sản.

Ông ta cũng không thể quên rằng tại Potsdam, năm 1945, Staline đã gọi đảng Cộng-sản Trung-hoa là « thứ Cộng-sản củ cải » (đỏ ở ngoài, trắng bên trong) và chính Staline năm 1949 đã khuyên Mao thôi đừng chống Tưởng-Giới-Thạch và phải liên minh giai đoạn với Quốc-dân-đảng.

Nhưng Mao và Đảng Cộng-sản Trung-hoa luôn luôn sát cánh với Nga-sô. Mao luôn luôn vận dụng ảnh hưởng của mình để ủng hộ uy quyền lãnh đạo của Nga trong các nước Cộng-sản.

Trong mười năm nữa hăng hạn, khi Trung-hoa không còn phải dựa nhiều vào Nga-sô, sự tình sẽ biến chuyển ra sao?

Đó là một vấn đề phức tạp, khó phán đoán. Không ai tin rằng ngày trở nên hùng cường, Trung Cộng sẽ tiếp tục chấp nhận sự chi phối của Nga-sô và để cho Nga-sô trở ngại sự vươn tới địa vị bá chủ Châu-Á. Về phần Nga-sô, họ cũng không thể hài lòng thấy Mao càng ngày có nhiều uy tín và tự đặt mình vào vị trí một lãnh tụ mới của Cộng-sản thế giới.

Nhưng hai bên đều hiểu rằng nếu xa rời nhau, họ sẽ cùng chịu thiệt thòi vô hạn.

Chính sách hiện nay của Hoa-thịnh-đốn chỉ có tác dụng củng cố vị trí kẻ đàn anh ưu ái của Nga-sô đối với Trung Cộng. (1)

Giữa con người và con người thì người Nga không được cảm tình nhiều ở

(1) Richard Hugues muốn nói đến chính sách của Hoa-kỳ không thừa nhận cho Trung-cộng vào Liên-hiệp-quốc.

Trung-Hoa. Lương bổng họ cao quá, đời sống của họ sung sướng quá, trong khi dân chúng Trung-Hoa thiếu ăn.

Tuy nhiên « đạo quân » kỹ thuật gia và cố vấn Nga - xô đang rút dần về nước. Việc này có tính cách tạm thời hay vĩnh viễn ? Người ta chỉ biết rõ được điều đó sau này, khi chính phủ Trung-hoa bắt đầu thực hiện « Kế hoạch năm năm » thứ hai. Hiện nay thì Đảng luôn luôn tuyên bố rằng nhân dân Trung-hoa phải giúp đỡ lẫn nhau, thi đua kiến thiết và chỉ nên dựa vào thực lực dân tộc để tạo vinh quang cho Trung-hoa.

Trung-Hoa Cộng-sản và Tây-Tạng thần bí

Ở đây, thái độ của Đảng hiện nhiên là nôn nóng quá. Khuynh hướng của phe Châu-Ân-Lai đã thắng khuynh hướng của phe Mao-Trạch-Đông vậy.

Người ta, đã đối xử quá gay gắt với tôn giáo, tập quán cò truyền.

Trong khi đó thì Ấn-Độ rất quan tâm theo dõi tình hình ở đây.

Hiện thời, Mao đã can thiệp, đã chấp nhận một sự lùi bước, đã triệt thoái phần lớn cán bộ Trung-Hoa (số 100.000 quân Trung-Hoa vẫn còn trấn đóng), và Mao đã công khai tuyên bố đình hoãn trong một thời gian ít nhất sáu năm mọi chính sách Cộng-sản hóa Tây-Tạng.

Người ta nghĩ rằng Bắc-kinh sẽ áp dụng những biện pháp mềm dẻo và thực tiễn đối với Tây-Tạng. Và lại xứ này, dù sao, cũng đã ở dưới quyền kiểm soát của Bắc-kinh. Đảng đã vui vẻ lùi

bước. Chắc rằng khi tiến lên trở lại, Đảng sẽ suy nghĩ kỹ càng hơn.

Tưởng có còn hi vọng nào trở về đại lục chăng ?

Đã đến lúc nói toạc ra điều mà phần đông các thông tin viên ngoại quốc ở Châu-Á nghĩ thầm : không một ai, thành thật mà nói, có thể tin rằng Tưởng-Giới-Thạch có chút nào hi vọng trở về đại lục.

Hắn rằng dân chúng Trung-Hoa đang bắt màn chế độ Bắc-kinh và sự bất mãn này sẽ kéo dài với thời gian. Nhưng, cho dầu một loạt thiên tai, mất mùa liên tiếp, gieo nạn đói trong dân chúng và gia đình binh sĩ, có làm dao động lòng trung thành của Hồng-quân Trung-Hoa, họ Tưởng cũng sẽ không được nhân dân Trung-Hoa tiếp nhận như một lãnh tụ dân tộc. Ông ta đã gặp được thời cơ trước đây và đã bỏ mất một thời cơ ấy, — mất vĩnh viễn với tình trạng thối nát, bất lực trong chính quyền của ông ngày trước.

Mọi mưu toan của quân đội Đài-loan đổ bộ lên đại lục, dựa đơn độc vào thủy quân của một nước đồng minh, sẽ bị nhân dân Trung-Hoa lên án như là một cuộc xâm lược do ngoại nhân bảo trợ.

Người Trung-Hoa tin rằng xứ sở của họ, thống nhất và tiến bộ, đang đi tới địa vị của một cường quốc thế giới. Tinh thần quốc gia hồi sinh này bù đắp lại tình trạng bất mãn kia. Về điểm này, người Trung-Hoa phản ứng

trên lập trường dân tộc chứ không phải trên lập trường chủ nghĩa. Điều đáng thương là phần đông họ không thiết tha với những tự do tinh thần đã mất : trong khi đó, Tây-phương với bản chất tự do và giàu tình cảm thì lại vì họ mà cảm thương suy nghĩ về sự thiệt thòi kia.

Nhưng cả họ nữa, họ cũng không có lý do nào chính đáng để liên kết công cuộc tranh thủ những tự do bị mất với việc hưởng ứng họ Tưởng, mà họ, cũng như dân chúng, không còn tín nhiệm.

RICHARD HUGUES

(La Documentation française

số 0609, ngày 25 tháng 1 năm 1958)

TIỂU-DÂN dịch

Có thể rằng những nhà trí thức Trung Hoa, vốn là thiểu số trong dân chúng, rất đau lòng thấy bị tước đoạt tự-do.

Danh ngôn, danh lý
NHỮNG ĐỨC TÍNH CỦA THỦ LÃNH
NHẬN CHÂN UY QUYỀN

- ★ Thủ lĩnh là hiện thân của uy quyền.
- ★ Khi thủ lĩnh làm cho người ta tôn trọng uy quyền là thủ lĩnh phụng sự một đoàn thể loài người mà thủ lĩnh là kẻ đầu chót.
- ★ Khi người thủ lĩnh quên mình ở địa vị thủ lĩnh thì làm sao các người thuộc quyền nhớ được thủ lĩnh mình đang làm thủ lĩnh ?
- ★ Uy quyền của thủ lĩnh rất cần thiết để làm cho đoàn thể phấn phát lên, như Lyautey đã nói : một đoàn thể ít học mà nắm giữ được có giá trị hơn một đoàn thể thông thái mà không nắm giữ được.
- ★ Uy quyền là một ký thác giao cho thủ lĩnh ; thủ lĩnh không có quyền phung phá. Uy quyền là một sức mạnh ; thủ lĩnh không có quyền xài phí. Uy quyền là một phần của thiên uy ; thủ lĩnh không có quyền để cho người ta khinh rẻ.

BÁO TRƯỚC MỘT TIN MỪNG

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

THỰC là một điều đáng mừng ! Hội **Không-học Việt-Nam** thành lập mới mấy năm nay mà phát triển đã rất mạnh và thực hành đã được nhiều việc.

Theo Tạp chí *Minh-Tân* (số 48 ra ngày 15-7-1958), thì hội viên đã tới số vạn. Tại riêng hai tỉnh Bình-dịnh và Phú-yên, đã có non tám ngàn hội viên. Mới đây hội lại lập thêm hai tỉnh hội nữa ở Vĩnh-long và Cần-thơ, như vậy trong ít tháng nữa, số hội viên có thể tăng lên gấp đôi. Và một khi hội bành trướng tới khắp các tỉnh, thì chưa ai đoán được số hội viên sẽ tăng lên gấp mấy nữa.

Hội xuất bản một tờ nguyệt san, tờ *Minh-Tân*, hiện nay có được 4.000 độc giả. Hội viên tăng thì độc giả rồi đây tất cũng phải tăng.

Một vạn cuốn *Minh-Tâm bảo-giám điển-ca* của hội bán đã hết, và hội đang tính tái bản.

Và cũng theo nguyệt san *Minh-Tân* số 48 thì ngoài công việc tu thư, hội đương xúc tiến công tác xây dựng một tòa Không miếu tại thủ đô, có cả thư viện nữa, trù lập một trường tư thực Trung học, thành lập một ban đi diễn thuyết về triết lý Không, Mạnh, và tổ hợp đoàn văn nghệ cổ điển để bảo vệ và biểu dương dân tộc tính Việt-Nam.

Chương trình đã vạch rõ, bước tiến thì vững vàng, mà hậu thuẫn lại mạnh mẽ (mấy vạn hội viên là một thế lực đáng kể) có đủ những điều kiện đó, hội tất thành công lớn.

Những hoạt động của hội làm tôi nhớ lại, đúng 50 năm trước, **Đông-kinh nghĩa-thục** ra mắt quốc dân. Xưa là một thời, nay là một thời ; chủ trương của các cụ hồi xưa đã hợp thời thì chủ trương của các cụ sáng lập hội *Không - học Việt-Nam* ngày nay cũng là hợp thời. Mà lòng nhiệt huyết của

nhà Nho thời nào cũng không đòi. Không bắt tay vào việc thì thôi, đã bắt tay vào việc thì luôn luôn các cụ nhà Nho nêu được gương sáng cho đoàn tân học hậu tiến.

Đó chẳng là một điều đáng mừng cho tiền đồ quốc gia ư ? Riêng về bọn tân học chúng tôi, chúng tôi còn mừng về một lẽ khác nữa.

Chúng tôi không ai là không muốn tìm hiểu đạo Khổng, mà muốn tìm đạo Khổng, không thể đọc vài bài khảo cứu hay nghị luận đăng rồi rạc trong các tạp chí được. Đọc bộ *Nho-giáo* của cụ Trần-Trọng-Kim cũng không đủ, vì dù bộ đó dày 800 trang cũng chỉ là một công trình tổng hợp của một người. Chúng tôi muốn được đọc những sách căn bản của đạo Khổng, tức *Tứ-thư* và *Ngũ-kinh*. Lẽ đó dĩ nhiên ; cũng như muốn hiểu học thuyết của Descartes thì phải đọc trọn cuốn *Discours de la méthode* ; muốn hiểu học thuyết của Platon, phải đọc trọn bộ *La République*.

Về bộ *Tứ-thư*, chúng tôi may mắn đã được nhiều người dịch ra rồi, như Nguyễn - Hữu - Tiến, Tản - Đà, Phan-Khoang, Đoàn-Trung-Còn... Nghe đâu như một hội Cồ học ở Trung-Việt đương dịch lại và đăng lần lần trên một tạp chí nào đó. Hiện thời thì như vậy cũng là tạm đủ.

Nhưng còn bộ *Ngũ-kinh*, thì chúng tôi đành phải đọc những bản dịch của Pháp, của Anh. Những bản dịch đó không phải là dễ kiếm, mà có kiếm được thì chúng tôi cũng không phân biệt được bản nào dịch đúng, bản nào dịch sai.

Một nỗi bức mình nữa là gặp những nhân danh và địa danh Trung-hoa phiên âm ra Anh-Pháp chúng tôi hoàn toàn bỡ ngỡ. Tìm hiểu văn hóa cổ của mình, mà cứ phải dùng cái lối cách bức như vậy, thực là khổ tâm. Cho nên trong mấy chục năm nay, chúng tôi vẫn mong có những bản dịch *Ngũ-kinh* ra Việt văn, để đỡ cái công chuyện học hai ba năm chữ Hán rồi mới mò mò trong các kinh, truyện được.

Gần đây, chúng tôi đã mừng mừng một chút. Bộ *Kinh-Dịch* đã được vài học giả khảo cứu, chẳng hạn ông Bửu-Cầm (*Tìm hiểu Kinh Dịch Tập I* — Nhà xuất bản Nguyễn - Đỗ Saigon 1957), ông Nguyễn-Mạnh - Bảo. (*Dịch I, Hà-dồ và lạc-thư*, tác giả xuất bản Saigon, 1958) ; nhất là ông Anh-Minh hứa sau khi xuất bản bộ *Khổng-học-dãng* của cụ Phan-Bội-Châu, sẽ tiếp tục in bộ *Kinh-Dịch* của cụ. Thế là chúng tôi yên tâm về bộ *Kinh-Dịch*, muộn lắm là ỉr năm nữa, chúng tôi có sách để đọc.

Nhưng còn bốn kinh kia (*Thi, Thư, Lễ, Xuân-Thu*), thì ngoài ít bài dịch Kinh-Thi của Tản-Đà, bây giờ không kiếm được nữa, chúng tôi chưa được biết chút gì cả, và cũng không mong gì trong một tương lai gần đây, được đọc một bản dịch đầy đủ.

Vì, dịch bốn kinh đó, rồi phiên âm, in cả chữ Hán (có vậy mới ích lợi cho người học) thì phải tới vạn trang, phí tiền ít nhất là một triệu rưỡi đồng. Không có một nhà xuất bản nào hiện nay dám bỏ ra một triệu rưỡi đồng để thu lại chừng vài trăm ngàn đồng, nghĩa là chịu hy sinh khoảng trên một triệu

đồng cho công việc văn hóa đó. Còn như trông ở sự hy-sinh của các học giả — hy sinh vừa công dịch lẫn vốn in — thì khác gì thàng chạp ở miền Nam này mà trông mưa vậy. Nhiệt huyết thì các vị đó có dư, mà tiền tài thì thiếu thốn.

Nhưng bây giờ, sau khi thấy những hoạt động của hội *Khổng-học Việt-Nam*, chúng tôi mừng lắm, tin tưởng lắm. Công việc dịch bốn kinh đó, chắc hội đã nghĩ tới; và biết đâu chừng, đã bắt đầu rồi mà chúng tôi chưa hay đấy: không lẽ nào hội xúc tiến công tác xây dựng một tòa Khổng-miếu mà lại không dịch những tác phẩm của Khổng-Tử; không lẽ nào những nhà cựu học của hội lại không thấy rằng nhiệm vụ dịch những kinh sách đó là một nhiệm vụ cấp bách của các cụ, các cụ không thể từ chối được. Vì, như trong bài *Bàn về vấn đề dịch sách cổ của ta* (Bách-Khoa số 36 ngày 1-7-1958) Chúng tôi đã nói, chỉ trong mười lăm năm nữa, sẽ khó mà kiếm được một bức tức nhỏ còn minh mẫn, mà công việc dịch sách cổ thì chỉ các nhà cựu học mới làm nổi.

Thời cơ lúc này rất thuận tiện. Trong hội làm gì không có được vài chục cụ tức nhỏ. Nếu tám cụ có thiện chí, phân công với nhau, cứ hai cụ cùng nhau dịch một kinh, thì chỉ trong một năm bốn kinh: *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Xuân-Thu* (vì như trên kia tôi đã nói, *Kinh-Dịch* đã có bản dịch của cụ Phan-Bội-Châu rồi) sẽ dịch xong. Công việc đó gấp, nên làm ngay cho quốc dân có sách đọc; sau này,

dư thì giờ, sẽ dịch lại *Tứ-thư* và *Kinh-Dịch* cũng không muộn.

Chúng tôi tưởng hội sẽ không ngại ngừng gì mà không thù lao các cụ một số tiền nhuận bút xứng đáng, ít nhất là bằng số tiền nhuận bút của các nhà văn viết cho nguyệt san *Minh-Tân*. Số tiền đó rất dễ kiếm. Đã là hội viên, ai cũng có bồn phạn mua tờ *Minh-Tân* để ủng hộ hội. Cứ tính số tối thiểu là một vạn hội viên, thì mỗi tháng nguyệt san có thể thu được 4, 5 vạn đồng, dư để trả tiền dịch kinh.

Một khi các kinh đã dịch xong, chỉ cần tuyên bố trên mặt báo, là vấn đề phí tổn ấn loát sẽ giải quyết xong. Không kể hội viên, ngay những người ở ngoài hội nữa cũng sẽ ủng hộ, đặt tiền trước để mua mỗi loại một bộ. Rồi còn những cơ quan văn hóa trong nước, lẽ nào không giúp đỡ? Có lẽ cả chính phủ nữa. Hội chỉ cần tổ có khả năng làm được những việc hữu ích cho văn hóa là sẽ có đủ phương tiện để làm.

Và nếu sau công việc dịch kinh đó, hội lại đảm nhiệm được công việc dịch những sách của ta, thì công lao của hội đối với quốc dân, thực đáng ghi trên sử.

Có lẽ chúng tôi hơi lạc quan, nhưng nếu lạc quan là một tánh xấu thì bề gì cũng còn hơn là bi quan. Cho nên chúng tôi xin phép độc giả loan báo trước một tin mừng: chỉ trong hai ba năm nữa, các bạn tân học sẽ được đọc bản dịch « Ngũ-Kinh » của Khổng-Tử.

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

HIẾN-PHÁP MỚI CỦA NƯỚC PHÁP

ĐOÀN-THÊM

Ngày 28-9-1958 vừa qua, công-dân Pháp và Pháp-quốc Hải-ngoại, trong cuộc trưng-cầu dân-ý, đã chấp thuận dự-án Hiến-Pháp mới, và khai sinh cho Cộng-Hòa thứ V của nước Pháp.

Dự-án đó, ngay từ khi Ô. De Gaulle trở lại chánh-quyền và cho xúc tiến soạn thảo, đã được báo-giới ở Pháp cũng như ở các nước, bàn luận rất nhiều.

Theo những tài-liệu mà chúng tôi thu lượm được, thì những chánh-khách, lãnh-tụ đảng-phái hay các vị học-giả, mới đứng về phương-diện chánh-trị mà xét xem lợi hay hại của chế-độ dân-chủ hoặc cho chủ-nghĩa của họ, đề tán thành hay phản đối.

Song phản đối hay tán thành, là việc riêng của người Pháp và Liên-Hiệp-Pháp, và cần phải dựa vào sự thấu

hiểu triệt-đề nội-tình của Pháp, một điều kiện rất khó khăn. Nên chúng tôi không muốn theo vết chân của một số nhà báo hoặc học-giả Âu Mỹ, mới biết qua loa về Miến-diện hay Nam-dương đã vội hạ bút phê bình một cách thiên lệch và bừa bãi về chế-độ của các nước này.

Dẫu sao, Hiến-pháp mới của Pháp cũng đáng được chú ý, vì không những nó đánh dấu một cuộc biến-chuyển lớn lao, về nội-chính của Pháp, mà còn thừa nhận những nhu-cầu mới của thời-đại, cùng một ý-niệm mới về Dân-chủ mà Hiến-pháp của Việt-Nam và của nhiều nước Đông-Nam-Á đã công nhận từ trước, một cách rất sáng suốt.

Tuy nhiên, vì đứng riêng về phương-diện của công dân Việt-Nam và người Á-Châu, nên chúng tôi chỉ nhận xét về một phần coi là quan-trọng nhất : sự tăng-cường quyền hành-pháp, sự hạn

chế quyền lập-pháp, sự liên-lạc giữa hai quyền đó, còn thì đề ra ngoài, nhiều sự cải-cách quan-trọng khác cũng đáng được nghiên-cứu như tổ-chức Hội-đồng Bảo-Hiến (Conseil Constitutionnel), Khối Cộng-Đồng Pháp (la Communauté) v.v...

Vì thế, chúng tôi xin xét về hai yếu-diểm :

— Quyền Hành-pháp được tăng như thế nào ? (so sánh Hiến-pháp mới và Hiến-pháp cũ).

— Sự tăng-cường đó có ý-nghĩa gì ? (so sánh với Hiến-pháp các nước khác, nhất là ở Á-Châu).



PHẦN THỨ NHẤT

Sự Tăng-Cường quyền Hành-Pháp

Muốn xem quyền Hành-Pháp được tăng-cường như thế nào, thiết tưởng chỉ cần so sánh với Hiến-pháp vừa bị bãi bỏ (Hiến-pháp ban hành ngày 27 tháng 10 năm 1946) (1).

Khi xét tổng quát, thì thấy có sự tăng - cường về hai phương-diện :

— Tổng - Thống và Chánh - phủ có nhiều quyền mới ;

— Tổng-Thống và Chánh-phủ không quá lệ thuộc Quốc-Hội như xưa.

A.— Về phương-diện Hành-pháp

Những quyền mới.

a) — Hiến-pháp 1946 chỉ kể một cách hạn-chế, và rõ rệt từng trường-hợp một, những quyền giao cho Tổng-Thống, tỉ như bổ nhiệm các Sứ-thần (điều 96), chủ tọa Hội-đồng Nội-các (điều 99), v.v...

Hiến-pháp 1958 cũng có kể như vậy.

Song, lại có điều 5, định một cách tổng-quát, đề có thể giải thích và áp dụng một cách rộng rãi, quyền của Tổng-Thống :

« Tổng-Thống lo liệu cho Hiến-pháp
« được tôn-trọng, trọng tài cho các cơ-
« quan chánh-quyền được điều-hành, cho
« sự sinh-hoạt của Quốc-gia khỏi bị gián-
« đoạn. Tổng-Thống bảo vệ độc-lập cho
« đất nước, giữ cho lãnh-thò được toàn-
« vẹn, các hiệp-ước được thi hành đầy
« đủ. » (điều 5). (1)

b) — Đối với quân-đội, theo Hiến-pháp 1946, Tổng-Thống chỉ có quyền xử dụng (disposer) (điều 98).

Theo Hiến-pháp 1958, Tổng-Thống là Tư-Lịnh tối-cao của Quân-đội (Chef des Armées) (điều 15).

c) — Về ngoại-giao, Hiến-pháp 1946 chỉ định rằng : Tổng-Thống được báo cáo về sự điều-dinh, nghĩa là chỉ được biết đề theo dõi mà thôi. Rồi thì duyệt ký hiệp-ước (điều 97).

(1) Từ ngày Đại Cách-Mạng tới nay, Pháp đã có 13 Hiến-pháp và nhiều Hiến-chương khác: Hiến-pháp 3-9-1791, H.P. 24-6-1793, H.P. 13-12-1799, H.P. 15-12-1799, và các luật phụ thuộc, H.P. 6-4-1814, H.P. 22-4-1815, H.P. 14-8-1830, H.P. 4-12-1848, H.P. 14-1-1852 và luật phụ thuộc, H.P. 24-25-2-1875 và 16-7-1875, Luật Pétain có tánh-cách Hiến-pháp 12-7-1940, 30-7-1940, 24-9-1940.

(1) Le Président de la République veille au respect de la Constitution. Il assure par son arbitrage, le fonctionnement régulier des pouvoirs publics, ainsi que la continuité de l'Etat.

Il est le garant de l'indépendance nationale, de l'intégrité du territoire, du respect des accords de Communauté et des traités.

Theo Hiến-pháp 1958, chính Tổng-Thống điều đình (négocie) và duyệt ký ; (điều 52).

d) — *Đối với Liên-Hiệp-Pháp cũ* (Union Française), điều 95, Hiến-pháp 1946 nói một cách vô cùng hàm hồ, rằng Tổng-Thống là « đại-diện cho những quyền-lợi vĩnh-viễn của Liên-Hiệp-Pháp » (il représente les intérêts permanents de l'Union Française). Đó chỉ là một hư-quyền, vì Liên-Hiệp-Pháp cũ chỉ có danh, không có thực.

Trái lại, Hiến-pháp 1958 thay Liên-Hiệp-Pháp đó bằng một Khối Cộng-Đồng (La Communauté) phỏng theo ít nhiều khối Liên-Hiệp-Anh Commonwealth, có tổ-chức điển-hình theo chế-độ Liên-Bang, với một Hội-Đồng Hành-Pháp (Conseil exécutif), một Nghị-Viện (Sénat) và một Pháp-viện Trọng-tài (Cour arbitrale).

Tổng-Thống mới của Pháp sẽ là Chủ-Tịch Khối Cộng-Đồng, và chủ tọa Hội-đồng Hành-Pháp, để tổ chức sự cộng-tác của các xứ trong Khối, ở phạm-vi chánh-trị và hành-chánh (điều 80-82).

Như vậy, Tổng-Thống sẽ có thực quyền rộng rãi đối với các thuộc quốc của Pháp.



B. — Đối với Quốc-Hội.

Theo Hiến-pháp 1946, Tổng-Thống và Chánh-phủ lệ thuộc quá nhiều Quốc-Hội, về nhiều phương-diện ; Hiến-pháp 1958 đã bớt được nhiều sự trói buộc :

1) — Tổng-Thống tùy Hạ-nghị-viện cũ (Assemblée Nationale) bầu theo thể-lệ khắt khe : phải được có đa-số 2/3 ; nếu không được, bầu lại 3 lần nữa, rồi nếu cần

thì lần thứ 4 với đa số 3/5.

Từ nay Tổng-Thống sẽ được bầu do một đại-hội trong đó Quốc-Hội chỉ là một phần, vì còn rất nhiều đại-biểu của các cơ-quan và đoàn-thể khác : các Hội-đồng hàng Quận, các Hội-đồng ở Pháp-Quốc Hải-ngoại, các Hội-đồng thành-phố, ngay cả các thị-xã nhỏ dưới 1.000 dân.

Như vậy, Tổng-Thống có nhiều uy-tín hơn, có tánh-cách tiêu-biểu rộng rãi hơn, chứ không phải chỉ là người được mấy trăm nghị-sĩ ở Trung-ương tín-nhiệm. Người ứng cử Tổng-Thống có thể bất chấp Quốc-Hội, nếu chắc được các đại-biểu khác ủng hộ.

Ngoài ra, chỉ cần bỏ phiếu 2 lần thôi : nếu lần trước không đủ đa-số tuyệt-đối, thì lần sau đa-số tương-đối cũng đủ, để tránh những sự giằng co mặc cả giữa các nhóm sở-quan.

2) — Theo Hiến-pháp 1946, thì Tổng-Thống chỉ có thể kêu gọi dân-chúng bằng cách gửi thông điệp cho Hạ-nghị-viện, nhưng thông-diệp đó chỉ được đọc lên, nếu có sự thỏa-hiệp của Chủ-tịch Hạ-nghị-viện (điều 108).

Trái lại, ngày nay Tổng-Thống sẽ tự ý cử người mang thông-diệp tới Hạ-Nghị-viện đọc. Các nghị-sĩ nghe và không được bàn tán gì hết. Nếu không gặp khóa họp, thì Nghị-Viện phải họp bất thường để nghe (điều 18).

3) — Theo lệ cũ, Tổng-Thống chỉ có thể thăm dò dư-luận các đảng-phái chánh-trị, rồi đề cử một người cho Hạ-nghị-Viện truy nhận làm Thủ-Tướng. Sau đó, Tổng-Thống mới được ký bổ Thủ-Tướng và các Bộ-Trưởng. (điều 76).

Thề-thức truy nhận cũng rất ngặt : tổ-chức, thành-phần, và chương-trình của tân Chánh-phủ phải đưa ra cho Hạ-nghị-viện xét, và biểu quyết ; chỉ được truy nhận nếu được đa-số tuyệt-đối ưng thuận.

Theo Hiến-pháp mới, Tổng-Thống tùy ý bổ nhiệm Thủ-Tướng và các Bộ-Trưởng theo đề nghị của Thủ-Tướng (điều 8).

Như vậy, Tổng-Thống hoàn-toàn tự-do trong việc lập Nội-các.

Hơn nữa, các Bộ-Trưởng không cần phải chọn trong số nghị-sĩ và không thể là nghị-sĩ (điều 23). Có như vậy, thì Bộ-Trưởng mới hành động một cách vô-tư, không cần phải chiều ý đảng phái của mình ở Quốc-Hội mà đương đầu với Thủ-Tướng. Kinh-nghiệm cho hay rằng một Bộ-Trưởng nghị-sĩ đại-diện cho một đảng-phái, thường phải nghĩ tới sự bênh vực lập-trường của nhóm mình hơn là quyền-lợi chung của Quốc-gia.

4) — Chánh-phủ không cần được Quốc-hội truy-nhận, lại cũng không thể bị đánh đổ dễ dàng như trước.

Theo Hiến-pháp 1946, các điều 80-82, thì Chánh-phủ phải từ chức khi đặt vấn-đề tín-nhiệm (question de confiance) mà bị Hạ-nghị-viện biểu quyết không tín-nhiệm ; hoặc khi Quốc-hội biểu quyết khiển-trách (motion de censure). Ở trường-hợp thứ nhất, dù phải tùy Chánh-phủ đặt vấn-đề hay không, nhưng trong thực-tế, những sự khó-khăn mà các đảng-phái cố ý gây ra, nhiều khi buộc Chánh-phủ phải đặt vấn-đề và dễ bị rút tín-nhiệm một cách dễ dàng. Còn sự khiển-

trách, thì hoàn-toàn tùy ý Hạ-nghị-viện, miễn là biểu quyết theo đa-số tuyệt-đối, còn thì không phải theo điều-kiện gì khác.

Cho nên, nếu không tránh được sự kiểm-soát và phê-bình của Hạ-nghị-viện, thì Hiến-pháp mới cũng đã đặt ra những điều-kiện chặt chẽ hơn. Hạ-nghị-viện vẫn có thể biểu quyết khiển-trách, song đề-nghị phải được chữ ký của 1/10 số nghị-sĩ, chỉ được biểu quyết 48 giờ sau khi trình Viện. Nếu đề-nghị đó bị bác, thì không thể đưa ra một lần nữa trong cùng một khóa họp.

Chánh-phủ có thể đặt vấn-đề tín-nhiệm, khi đòi Hạ-nghị-viện chấp thuận một dự-án. Dự-án được coi như mặc-nhiên chấp thuận, nếu không có một biểu-quyết-khiển-trách trong 24 giờ, theo điều-kiện kể trên. Như thế là Chánh-phủ có thể buộc Nghị-viện chấp thuận, hoặc không thì phải kết tội Chánh-phủ, một việc không dễ.

Hơn nữa, Chánh-phủ có thể lựa chiều, liệu xem Viện nào, (Hạ-nghị-viện hay là Thượng-nghị-viện) có hảo ý hơn, thì đưa ra cho Viện đó chấp thuận trước, bản tuyên-bố về chánh-sách tổng-quát (điều 49). Như thế có lợi, vì sự chấp-thuận của một Viện nào dễ dàng hơn, có thể ảnh-hưởng tới sự quyết-định của Viện thứ hai.

5) — Ngược lại, Tổng-Thống và Chánh-phủ có thể giải tán Hạ-nghị-viện một cách dễ dàng hơn, sau khi lấy ý-kiến của Chủ-Tịch hai Viện ; điều 29 của Hiến-pháp mới không đặt điều-kiện gì khác, như đã định trong Hiến-pháp cũ : theo chế-độ cũ (các điều 83-85) thì ở trường-hợp giải tán Hạ-nghị-viện, Tổng-Thống vẫn phải dùng người của Hạ-nghị-viện đề lập Chánh-phủ lâm-thời :

Chủ-tịch Viện đương-nhiên thành Thủ-Tướng và các chủ-tịch tiểu-ban của Viện, đương-nhiên thành Bộ-Trưởng, cho tới khi bầu nghị-viện mới: như vậy, thì Chánh-phủ lâm-thời, lại gồm những vị đã xung đột mạnh với Hành-pháp để đến nỗi Viện phải giải-tán: sự hợp-tác bắt buộc này quả là đẩy những mâu-thuẫn khó hiểu mà tân Hiến-pháp đã bỏ hết.

6) — Song, sự giải-tán một cơ-quan dân-cử, dù không phải theo những điều kiện khắt-khe, cũng là một biện-pháp vô-cùng quyết-liệt rất ít khi dùng; vì nếu áp dụng thì sẽ phôi bầy cho quốc-dân và quốc-tế thấy một sự xung-đột kịch-liệt nội-bộ giữa Hành-pháp và Lập-pháp, và sự khủng-hoảng lớn-lao của chánh-thề.

Đề có giải-pháp tiện-lợi hơn, không có ảnh-hưởng như sự giải-tán quốc-hội, khi có sự bất đồng ý-kiến quan-trọng, Hiến-pháp 1958 cho Tổng-Thống quyền đưa ra hỏi quốc-dân, những dự-luật tổ-chức công-quyền, hoặc đề duyệt y những hiệp-ước ký với quốc-tế hay với thuộc-quốc. Nếu trong cuộc trưng-cầu dân-ý, các dự-án đó được chấp thuận, thì Tổng-Thống sẽ ban hành thành những đạo Luật. (điều 11). Như vậy, trưng-cầu dân-ý sẽ là một cách-thức lập-pháp, chứ không phải chỉ đề sửa đổi Hiến-pháp, theo chế-độ 1946 (điều 123). Quốc-Hội cũng thừa biết rằng nếu gay go quá đối với các dự-luật thuộc loại trên, thì sẽ có thể bị mất hết thế-diện, ở trường-hợp dân-chúng được hỏi và chấp-thuận.



C. — Về phương-diện lập-pháp.

Quyền của Quốc-Hội bị hạn-chế, đồng thời quyền của Tổng-Thống và Chánh-phủ lại tăng lên một cách rõ rệt.

Hiến-pháp cũ buộc Tổng-Thống phải ban hành các đạo luật do Quốc-Hội chấp thuận, trong hạn 10 hôm. Nếu không, thì chính Chủ-tịch Hạ-ng nghị-viện sẽ tự ban hành lấy (điều 102). Tân Hiến-pháp cho Tổng-Thống, nếu không đồng ý, quyền đòi Quốc-Hội xét lại lần thứ hai, và Quốc-Hội không thể từ chối (điều 10).

Hạ-ng nghị-viện cũ có toàn-quyền lập-pháp, nghĩa là muốn quyết định về vấn đề gì trong phạm-vi nào cũng được, không có điều khoản nào ngăn cấm. Những án-lệ và lý-thuyết pháp-lý cũng không phân biệt được rõ ràng khi nào Quốc-hội quyết định bằng luật. Thành ra Hạ-ng nghị-viện muốn can thiệp vào phạm-vi nào cũng được.

Hiến-pháp mới đã định rõ những trường hợp mà Quốc-Hội sẽ ra luật (tỉ như về dân-sự, hình-sự, đặt thuế, v. v...) và ở những trường-hợp nào luật chỉ định về nguyên-tắc đại-cương mà thôi (như về giáo-dục). Còn ngoài ra, thì các vấn-đề khác đều thuộc thẩm quyền Hành-pháp (điều 34).

Nói một cách khác, trước kia quyền của Hạ-ng nghị-viện bao quát hết mọi phạm-vi, ngày nay thành ra đặc-quyền, nghĩa là quyền bị hạn-chế vào một vài phạm-vi và một số vấn-đề.

Hơn nữa, và đây là điểm đã gây ra nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi nhất, và nhiều sự phản đối kịch-liệt: quyền ra Dự của Tổng-Thống, ngoài quyền Chánh-phủ đòi

Quốc-Hội ủy cho ban hành Dự (điều 16 và 38).

Hiến-pháp 1946 dành toàn-quyền hay độc-quyền lập-pháp cho Hạ-nghị-viện, và tuyệt-đối cấm sự ủy quyền đó, dù là ủy một phần (L'Assemblée Nationale a seule le droit de légiférer. Elle ne peut déléguer ce droit à quiconque en tout ou en partie) (điều 66).

Như vậy, khi tình thế nguy-kịch, thì đối phó ra sao? Ở trường-hợp đó, Nghị-Viện cũng chẳng lo ủy quyền cho Chánh-phủ để hành động cho kịp thời, nhưng chỉ lo giữ vững địa-vị của mình! Hạ-nghị-viện sẽ tuyên bố rằng: Cộng-Hòa Pháp lâm nguy (La République en danger) và định sự triển nhiệm-kỳ cho các nghị-sĩ của mỗi Viện (điều 121-122).

Hiến-pháp mới đã chấm dứt tình-trạng đó bằng hai điều 16 và 38.

Theo điều 16, khi những cơ-sở của chánh-thể Cộng-Hòa, sự độc-lập của đất nước, sự toàn vẹn của lãnh-thò, sự thi-hành các hiệp-ước quốc-tế bị đe dọa một cách trực-tiếp và nguy-kịch và sự điều-hành các cơ-quan công-quyền bị ngưng trệ, thì Tổng-Thống sẽ ban hành những biện-pháp thích-ứng, sau khi hỏi ý-kiến chánh-thức của Thủ-Tướng, các Viện-trưởng các Viện, và Hội-đồng Bảo-Hiến (điều 16). (Lorsque les institutions de la République, l'indépendance de la nation, l'intégrité de son territoire ou l'exécution de ses engagements internationaux sont menacés d'une manière grave et immédiate, et que le fonctionnement régulier des pouvoirs publics constitutionnels est interrompu, le Président de la République prend les mesures exigées

par les circonstances après consultation officielle du Premier Ministre, des Présidents des Assemblées ainsi que du Conseil Constitutionnel.)

Ngoài ra, dù không ở trường-hợp khẩn-bách, Chánh-phủ cũng có thể yêu cầu Quốc-Hội chấp thuận giao cho quyền ban hành Dự (Ordonnances) có hiệu-lực như Luật, để thi hành chương-trình trong một thời-hạn nhất định (điều 38).



PHẦN THỨ HAI

Ý-nghĩa của sự tăng-cường Hành-Pháp.

Mục-dịch sự cải-cách lớn lao này, đã được chánh-giới và báo-chí Pháp vạch rõ nhiều lần; và ai cũng biết rằng mục-dịch đó đã được ông De Gaulle theo đuổi từ 1946, nên không ai giải thích minh-bạch hơn ông về tinh-thần Hiến-pháp mới; như trong một bài diễn-văn đọc ngày 4-9-58 vừa qua ở Paris, ông có nói:

« Cái gì cần nhất từ nay cho các cơ-
« quan công-quyền, là sự đặc-lực hiệu-
« nghiệm, và liên-tục khỏi gián-đoạn...
« Vượt lên trên những sự đấu-tranh đảng-
« phái, cần có một vị trọng tài Quốc-
« gia, do các đại biểu dân bầu lên, có
« trách-nhiệm điều hành các cơ-sở công-
« quyền, có quyền trưng cầu dân-ý, và ở
« trường-hợp nguy-hiêm, đảm bảo được
« độc-lập, danh-dự, lãnh-thò của nước
« Pháp và an-toàn của chánh-thể Cộng-
« hòa. Cần có một Chánh-phủ lập ra với
« đủ điều-kiện để điều khiển quốc-gia,
« một Chánh-phủ được người ta đề cho

« đủ thời giờ và có thể hành-động, một
 « Chánh-phủ chỉ chuyên chú vào sứ-mệnh
 « chớ không phải mắc mứu vào chuyện gì
 « khác, và có như thế thì mới được
 « quốc-dân tham-gia ủng-hộ. Cần có một
 « Quốc-Hội tiêu biểu chánh-kiến của quốc-
 « dân, biểu quyết những đạo luật, kiểm
 « soát Hành-pháp nhưng không có tham-
 « vọng vượt khỏi phạm-vi của mình. » (1).

Tóm lại, quốc-dân Pháp đã chán nản
 một chế-độ đại-ngiht hỗn-độn, nên đã
 theo ông De Gaulle đề đi tới một chánh
 quyền, nhất là một quyền Hành-pháp
 vững vàng mạnh mẽ, hầu cứu vãn tình-
 hình khó khăn của Pháp và Pháp-Quốc
 Hải-ngoại.

Cả đến Tổng-Thống đương-kim là
 Ô. René Coty cũng không tiếc gì địa-
 vị của mình, nhưng trái lại nhiệt-liệt
 chủ trương thực hiện một chế-độ mới.

Ông có tuyên bố : « Không thấy nước
 « nào mà quyền Hành-pháp lại bị thúc-
 « thủ như ở nước Pháp, quá yếu đối
 « với quyền Lập-pháp ; đáng lý ra, ở
 « một nước mà dư-luận trái ngược,
 « thay đổi thất-thường và hay quá-
 « khích, mà các vấn-đề phải giải quyết
 « rất bao-la và nghiêm-trọng, đáng lý
 « ra chúng ta cần hơn hết một chánh-
 « phủ vững bền và mạnh mẽ.....
 « Chúng ta há lại không thể theo gương
 « nhiều nước dân-chủ khác, đề cường-
 « kiện-hóa quyền Hành-pháp mà không
 « phạm tới quyền-lợi căn-bản của Quốc-
 « Hội hay sao ? » (2)

Trong các điều tuyên-bố kể trên, thiết
 tưởng đáng chú ý hơn cả đối với chúng
 ta, là câu « theo gương những nước dân-
 chủ khác ».

Những nước dân-chủ khác đó, là những
 nước nào ?

Thường thường, người Âu, người
 Pháp, hay nghĩ tới Huê-kỳ, vì mỗi khi
 nói tới Hành-pháp mạnh, thì các giới sở-
 quan nghĩ tới quyền của Tổng-Thống
 Hợp-Chúng-Quốc (pouvoir présidentiel).
 Có một nhà báo Pháp đã viết :

« Tổng-Thống-chế có lợi lớn là khiến
 « cho Hành-pháp được đặc-lực hơn. Về

(1) Ce qui pour les pouvoirs publics est désormais
 « primordial, c'est leur efficacité et leur continuité...
 « Qu'il existe au-dessus des luttes politiques, un
 « arbitre national, élu par les citoyens qui détiennent
 « un mandat public, chargé d'assurer le fonc-
 « tionnement régulier des institutions, ayant le
 « droit de recourir au jugement du peuple sou-
 « verain, répondant en cas d'extrême péril, de
 « l'indépendance, de l'honneur, de l'intégrité de
 « la France et du salut de la République. Qu'il
 « existe un Gouvernement qui soit fait pour gou-
 « verner, à qui on laisse le temps et la possibilité,
 « qui ne se détourne pas vers autre chose que sa
 « tâche, et qui, par là mérite l'adhésion du pays.
 « Qu'il existe un Parlement destiné à représenter la
 « volonté politique de la nation, à voter les lois,
 « à contrôler l'exécutif sans prétendre sortir de son
 « rôle. (Journal d'Extrême-Orient, 13-9-58).

(2) « La France est le pays où le pouvoir exé-
 « cutif est le plus désarmé en face du pouvoir légis-
 « latif, alors qu'à raison de la diversité et de la
 « mobilité d'une opinion souvent passionnée, de
 « l'ampleur et de la gravité de nos problèmes, nous
 « aurions plus que d'autres besoins de continuité et
 « d'autorité gouvernementales... N'est-il pas possible,
 « à l'exemple d'autres démocraties, de renforcer
 « l'exécutif sans porter atteinte aux prérogatives
 « essentielles du Parlement ?

(Discours de M. René Coty à la Municipalité
 de Strasbourg 6-7-1958. V.N.Press du 7-7-58).

« phương-diện đó, chúng ta phải nghĩ tới
« gương sáng của Huê-Kỳ... » (1)

Nhưng theo chúng tôi, không phải là
Huê-Kỳ, mà là những nước Đông-Á của
chúng ta : Việt-Nam, Ấn-độ, Miến-điện,
Hồi-quốc, Đại-Hàn, Nam-Dương, v. v...

Hiến-pháp Huê-kỳ không có điều-khoản
nào cho Tổng-Thống những quyền đặc-
biệt như là các điều 16 và 38 Hiến-pháp
1958 của Pháp.

Trái lại, nếu đọc Hiến-pháp Việt-Nam
Cộng-Hòa, điều 41, 42 và 44 thì sẽ thấy :

« Giữa hai khóa họp Quốc-Hội, Tổng-
« Thống vì lý-do khẩn-cấp, có thể ký các
« sắc-luật (điều 41) ».

« Trong tình-trạng khẩn-cấp, chiến-
« tranh, nội-loạn, khủng-hoàng kinh-tế
« hoặc tài-chánh, Quốc-Hội có thể biểu
« quyết một đạo Luật ủy cho Tổng-
« Thống trong một thời-gian, với những
« hạn định rõ, quyền ký các sắc-luật
« để thực hiện chánh-sách mà Quốc-
« Hội ấn-dịnh trong đạo Luật ủy quyền.
« (đ. 42).

« Ngoài ra, Tổng-Thống Việt-Nam
« có thể ký sắc-lệnh tuyên bố tình-trạng
« khẩn-cấp, báo-động hoặc giới-nghiêm
« trong một hay nhiều vùng ; các sắc-
« lệnh này có thể tạm đình chỉ sự áp-
« dụng một hay nhiều đạo Luật tại
« những vùng đó » (điều 44).

Ngoài ra, quyền trưng-cầu dân-ý của
Tổng-Thống Pháp cũng không có trong
Hiến-pháp Huê-kỳ, nhưng cũng giống
như của Tổng-Thống Việt-Nam (điều
40 H.P.V.N. Cộng-Hòa).

Những điều-khoản tương-tự cũng đã
được định rất rõ ràng, trong Hiến-pháp

nhiều nước dân-chủ ở Á-Châu :

— Hiến-pháp Đại-Hàn ngày 17-7-1948
sửa đổi và ban hành lại ngày 29-11-
1954 : điều 57
— 64

— Hiến-pháp Ấn-độ ngày
26-1-1950 : điều 123
và điều 352

— Hiến-pháp Hồi-quốc
ngày 17-2-56 : điều 69
điều 191
điều 194

— Hiến-pháp Miến-điện
ngày 24-9-1947 : điều 94
điều 110
điều 123

— Hiến-pháp Nam-Dương
ngày 15-8-1950 : điều 69
điều 97
điều 129

Các điều-khoản đó đều tương-tự như
của Việt-Nam và cho Tổng-Thống cùng
Chánh-phủ quyền đặc-biệt để ứng phó
kịp thời nhu-cầu khẩn-bách của tình-thế.

Như Hiến-pháp Miến-điện định như
sau :

Điều 110.— Bất cứ lúc nào, nếu
Quốc-Hội không họp, và nếu thấy tình-
thế đòi hỏi những biện-pháp cấp-tốc, thì
Tổng-Thống có thể ban hành những đạo
Dụ cần thiết có hiệu-lực như Luật của
Quốc-Hội (2).

(1) « Quant au régime présidentiel, il présente
« encore l'énorme avantage de rendre beaucoup plus
« efficace le pouvoir exécutif ; là encore, l'exemple
« des USA s'impose à l'esprit.. »

(Roger Servais — Combat — 5 et 6-7-58).

(2) If at any time when both Chambers of Par-
liament are not in session, the President is satisfied
that circumstances exist which render it necessary
for him to take immediate action, he may promulgate
such Ordinances as the circumstances appear to him
to require (Art. 110).

Điều 123.— Ở trường-hợp bị xâm-lăng hoặc bị ngoại-xâm đe dọa, Chánh-phủ có thể thi hành các biện-pháp xét ra cần-thiết để bảo vệ Liên-Bang Miếu. (1)



Với Hiến-pháp mới, liệu chánh-quyền Pháp hay đúng hơn là Hành-pháp tổ-chức theo ý ông De Gaulle, đã đủ cho ông và những người theo ông đạt mục-dịch chưa ?

Thời-gian sẽ trả lời câu hỏi đó. Vì một Hiến-pháp, cũng như bất cứ một đạo Luật nào, dù được những nhà luật-học hay chánh-khách lão-thành nghiên cứu soạn thảo, cũng cần phải được áp-dụng khá lâu để thử thách với thực-tế phức-tạp. Đối với một nước đã từng thay đổi mười mấy lần Hiến-pháp, và 3 lần trong 73 năm vừa qua, mọi sự kết-luận vội vàng đều là viên vông hoặc phủ nhận các điều-kiện lịch-sử.

Hiện nay, nếu chỉ căn-cứ vào những sự nhỡn-tiền, hiện-hữu trên văn-kiến, và đứng về phương-diện nghiên-cứu khách-quan, thiết nghĩ chỉ có thể tạm nhận xét một cách tổng-quát như sau :

Nước Pháp, quê-hương của Rousseau và Montesquieu, nơi đột-khởi cuộc Đại Cách-mạng 1789, vẫn được tiếng là tha-thiết với lý-tưởng dân-chủ trải ngót hai thế-kỷ rồi. Nên trong thực-tế cũng như trên các luật-lệ và nhất là ở đa-số Hiến-pháp đã có, những nguyên-tắc dân-chủ đều được nêu cao vạch rõ, và người dân Pháp lúc nào hình như cũng nơm-nớp e ngại những hành-vi, những ngôn-ngữ, những điều-khoản nào hăm dọa tự-do, nhất là khi đã mấy lần thấy những

chế-độ độc-tài hay chuyên-chính trở lại (như hồi nhà vua Bourbon phục-hưng 1830, hồi Tổng-Thống Louis Napoléon đảo chính và xưng Đế 1852).

Ngay mới đây, khi thấy ý-kiến cải-cách của ông De Gaulle vừa được phát-biểu dưới hình-thức dự-án đầu tiên của tân Hiến-pháp, nhiều phe đối-lập đã nhân danh Tự-do mà kêu la « Hiến-pháp bị treo trên mũi gươm ! » *Une Constitution à la pointe d'un sabre !*, Báo Humanité ngày 30-7-58) — « Hiến-pháp của De Gaulle chỉ chịu nhận bên cạnh một ông « vua chuyên-chính một Quốc-hội bù « nhìn » (*La Constitution de Gaulle ne tolère auprès du monarque, qu'un Parlement croupion* » — Báo Libération ngày 29-7-58). — Ngay nhà văn-hào trứ-danh A. Siegfried cũng e ngại rằng : « cho « Hành-pháp quyền vô-đoán và không bị « kiểm-soát như thế, hình như một « sự khó lòng nhận được, vì như « thế là đi ngược cả một truyền-thống « tự-do quá một thế-kỷ ». (*Consentir à l'exécutif pareille autorité discrétionnaire et sans contrôle, paraît difficilement acceptable : ce serait aller à l'encontre d'une tradition libérale de plus d'un siècle.* (báo Le Figaro, ngày 30-7-58).

Tóm lại, khi công - kích ông De Gaulle và Hiến-pháp mới, các nhóm đối-lập đều đứng trên lập-trường tự-do. Theo họ, cũng như đối với một số đông người Âu Mỹ, thì tất cả cái gì hại đến tự-do cá-nhân, hoặc có thể hại, hay mới

(1) In case of actual or imminent invasion... the Government may take whatever steps they may consider necessary for the protection of the Union... (Art. 123).

đe dọa tự-do, đều là phản dân-chủ và phải lên án. Nói một cách khác, *họ chỉ có thể trông-tượng được Dân-chủ khi có Tự-do hoàn-toàn.*

Đối với người Á-đông thì Tự-do dĩ nhiên là quý, nhất là ở những nước đã lâu năm bị người Âu-Châu lấy mất tự-do. Mà chẳng phải là Rousseau hay Montesquieu dạy cho thế - giới hoặc cho người Á - châu ; cũng chẳng phải Hy - Lạp hay La - Mã mà các ông kê trên đã học theo. Từ hàng ngàn năm trước, Trang-Tử đã dạy tự-do cho Trung-Quốc và nhiều nước Á-đông. Cách-mạng cũng không phải là sản-phẩm đặc-biệt mới chế ra từ 1776 ở Mỹ hay 1789 ở Pháp : Nghiêu, Thuấn đã dân-chủ ; Võ, Thang đã cách-mạng.

Song, những người Á-đông sáng suốt bao giờ cũng nhận thấy một sự dĩ-nhiên mà một số đông chánh-khách hoặc dân-chúng Âu-Mỹ đã lãng quên : nếu tự-do là căn-bản dân-chủ, thì dân-chủ cũng chỉ thực-hiện được trong một nước độc-lập, đầy đủ chủ-quyền và có trật tự. Nếu nước suy-nhược, mất hay bị giảm chủ-quyền, mất cả hay một phần tự-do, thì dân làm gì còn tự-do như ý được nữa ? Khi chính ông De Gaulle thấy cần một Quốc-trưởng đủ quyền đề bảo vệ « độc-lập » cho nước ông, tất ông đã thấy rõ là chủ-quyền của nước Pháp đối với quốc-tế đã bị xâm phạm chẳng nhiều thì ít.

Chính các dân-tộc Á-đông, và nhất là những lãnh-tụ của họ đã thấu triệt lẽ trên, đã rút kinh-nghiệm đau đớn của nhiều nước Âu-Mỹ được coi là tiên-tiến, nên đã có một quan-niệm hợp-lý

và thiết-thực hơn về Dân-chủ. Họ đã nhận thấy : quyền tự - do cá-nhân mà được xử dụng một cách bừa bãi, thì chỉ đưa tới một chế-độ đại-nghị hỗn-dộn, những sự tương-tranh đảng-phái làm cho đất nước bị yếu hèn, và nền tảng dân-chủ bị lung lay nếu không bị phá hoại tan tành do Độc-tài Phát-xít hoặc Mác-xít. Cho nên, đối với họ, *Dân-chủ thực-sự không lệ-thuộc vào sự tự-do bề mặt và lừa dối, nhưng phải đi đôi với trật-tự.*

Tổng-Thống Việt-nam Cộng-hòa, trong bản thông-diệp gửi Quốc-Hội Việt-nam ngày 17-4-56. đã vạch rõ :

« Đề thực-hiện dân-chủ, nhiều bản
« Hiến-pháp đã được thảo ra và ban
« hành. Từ thế-kỷ thứ 18 và trong thế-
« kỷ thứ 19 đã xuất hiện những Hiến-
« pháp thiết lập chánh-thề mà sau này
« người ta gọi là « dân-chủ chánh-trị »
« trong đó « cá-nhân chủ-nghĩa » và « tự-
« do chủ-nghĩa » được đề cao như một
« bí-quyết giải-phóng con người, đưa
« nhân-loại đến hạnh-phúc. Nhưng đem
« ra áp-dụng trong thực-tế, chế-độ ấy
« nếu đã đem lại tự-do cho một số công-
« dân, thì cũng đã làm sút kém hiệu-
« năng của chánh-quyền trong công-cuộc
« phục-vụ quyền-lợi chung, làm cho chánh-
« quyền bất-lực không thể giải quyết
« những bất-công xã-hội.

.
.

« Chánh-quyền cần được tổ-chức trên
« căn-bản đại-diện nhân-dân rộng-rãi hơn,
« có những quyền-hạn mạnh lớn hơn, vững
« bền hơn và hữu-hiệu hơn, để trợ lực

« người công-dân tránh những nguy hại
« của nền văn-minh vật-chất và đề đảm
« bảo đời sống và tự-do cho mọi người ».

Ở những nước vẫn được tự-trị xưa nay và thái-bình lâu ngày, kinh-tế phát-đạt, dân-trí mở mang, thì dân-chúng có thể được hưởng những tự-do rộng-rãi mà không hại đến quyền-lợi chung; trái lại, tự-do ở các xứ đó, lại là điều-kiện của sự tiến-bộ.

Ngược lại, ở những nước hậu-tiến, bị đè nén lâu năm, kinh-tế chưa phát-triển, mức sinh-hoạt cũng như dân-trí chưa được cao khi so với trình-độ chung của quốc-tế, nhất là khi độc-lập vừa mới thâu-hồi, chủ quyền còn phải củng-cố, an-ninh còn bị phá hoại hoặc đe dọa, thì nhu-cầu thiết-yếu khẩn-bách nhất là trật-tự.

Theo nhơn-quan của những người Âu-Mỹ đủ điều-kiện đề tọa hưởng tự-do, hoặc của nhóm người Á-châu mù quáng

vì lý-thuyết và ảo-ảnh ngoại-lai, thì hai chữ Trật-tự có ý nghĩa đe dọa Tự-do. Cho nên họ vội lên án những tổ-chức, những biện-pháp, những quyết-dịnh thiên về sự bảo vệ trật-tự hơn là ngả theo tự-do phóng-túg.

Song đối với những người nhận xét thiết-thực, ở Pháp cũng như ở Việt-Nam hay Ấn-độ, Đại-Hàn, v.v... thì một trật-tự đưa tới sự phục-hưng xứ sở và sự thịnh-vượng của toàn-dân, qui hóa gáp mấy quyền tự-do đánh đổ Chánh-phủ, quyền chia rẽ sâu xé quốc-dân...

Dẫu sao, ý-kiến của ông De Gaulle và của đại-đa-số dân-chúng nước Pháp đã thắng. Và sự thắng-lợi đó chứng tỏ một cách rứt rõ rằng quan-niệm dân-chủ của Việt-Nam Cộng-Hòa và nhiều nước Á-đông, có tánh-cách thích-hợp không những cho Á-đông, mà cho bất cứ nước nào muốn lấy lại, hoặc chiếm được ưu-vị trên vũ-đài thế-giới.

Đ. T.

- ★ Một thủ lãnh không có quyền sa ngã, truy lạc. Một lầm lỗi, dù trong đời tư, cũng làm cho lý tưởng, chính nghĩa mình đại diện bị thương tổn.
- ★ Được ký thác uy quyền, thủ lãnh không có quyền thoái thác; vì quyền lợi chung, thủ lãnh phải làm cho uy quyền được tôn trọng.
- ★ Người đời không cần cái cách chiều lòng của một uy quyền yếu ớt, mà cần một sức mạnh để có thể dựa vào đó được; chỉ quả cảm mới làm cho người ta yên lòng; hèn yếu, chiều lòng thường khiến người ta ngờ vực, rồi sinh ra chán ngán. (Lacordaire)



Thi-sĩ Đông-Hồ

TRỜI vẫn mưa rả rích. Bao nhiêu nóng nực, xáo trộn đời lúc theo từng cơn mưa lắng xuống. Giữa cái ồn ào, chúng tôi đã gặp thi sĩ Đông-Hồ trong Đại-Ân-Am, sau Yiêm-Yiêm Thư-Trang, nhà sách quen thuộc ở Đô-Thành.

Bên chén trà ngát khói, quện hương trầm, câu chuyện đi sâu vào thế giới của « thơ, hoa, trăng, mộng ». Hơn hai ba mươi năm trước Người Thơ đã gửi tâm hồn trong vùng trắng nước Đông-hồ, lại đã gửi tình yêu vào « Cô

...ĐI GẶP NHỮNG NGƯỜI THƠ ĐẤT NƯỚC

Vào Đại-ân-am thăm

THI SĨ ĐÔNG-HỒ

gái xuân » giữa « *Giấc Xuân Mộng* » êm đẹp như « *Cái hôn đầu tiên* ». Thời gian qua đi, Người Thơ cũng như « *Cô Gái Xuân* » trải qua bao sương gió, nhưng tình xuân riêng đối với Nàng Thơ và Vũ trụ còn nguyên vẹn lâu dài...

Thi sĩ Đông-Hồ hãy còn mệt mỏi sau cơn bệnh chưa bình phục hẳn, vẻ mệt nhọc còn ghi nét vô vàng — Chúng tôi không dám phí thì giờ và bắt đầu vào câu chuyện.

Về việc hoạt động văn nghệ, thi-sĩ cho biết : « *Hiện nay, tôi còn một số thi phẩm chưa xuất bản : Trinh-Trắng, Bội-Lan-Hành và Thăng-Long hành (1945-1955) thi cảm trong mười năm khới lửa. Những tác phẩm cũ như Cô Gái Xuân, Thơ Đông Hồ, đối với văn học, nhiều bạn bảo cũng nên in lại, nhưng mà ai in bây giờ ! Tôi thường đề nghị chơi với các nhà thơ, nếu có thi phẩm thì*

nên chép tay, thành bản đẹp trao lẫn cho nhau đọc... chứ đừng nghĩ đến việc in nữa, thì hơn. »

Đối với việc du nhập những luồng tư tưởng hiện đại vào nền văn học Việt-Nam, Đông-Hồ nói :

« Dẫu muốn hay không, những luồng tư tưởng mới và cũ vẫn cứ giao nhau. Theo ý tôi, đó cũng là một định luật. Thật ra, không có gì là thuần túy cả. Thí dụ : Ta cho ca dao là thuần túy chứ gì. Biết đâu nó lại không từng đã chịu ít nhiều ảnh hưởng của láng giềng. Và biết đâu đến nửa thế kỷ sau, những cái gì bây giờ coi là hỗn tạp nhất, lại chẳng được coi là thuần túy. Như Dịch lý bảo có Âm có Dương, — mà trong Âm lại còn có Dương, trong Dương lại còn có Âm. — Như vậy vũ trụ thiên nhiên cũng đã là không thuần túy rồi. Hơn nữa, ta cũng không nên quan tâm lắm đến vấn đề chọn lựa. Hãy cứ thu nhận, rồi theo luật đào thải nó sẽ còn lại hoặc mất đi. Tư tưởng cũng như ngôn ngữ ghi chép nó, thích hợp thì còn, không thích hợp thì mất.

Bàn về vấn đề sáng tác thi ca nói riêng và văn nghệ nói chung, Người Thơ giải bày ý kiến :

« Về sáng tác văn nghệ mỗi nhà có một đặc tính của mình, rộng rãi vô cùng, không nói cho hết được. Riêng về Thơ, thì hồn nhiên là quý. Thơ Đường, thơ Tống sống mãi vì đã rất hồn nhiên. Cỗ thi sĩ đã biết, và chỉ biết ca tụng cái Đẹp vô cùng của vũ trụ.

Vì thế mà Thơ cùng với Thiên nhiên trường tồn. Càng lớn tuổi, càng thấy mừng gần với thiên nhiên. Tôi cũng đồng ý với các bạn, là Thơ phải hòa hợp với Thiên nhiên, theo như quan niệm của Tagore. Muốn biết rõ quan niệm đó của tôi hơn, xin các bạn tìm trong thơ Xuân Đại-Ân-Am.

Đông-Hồ lấy cho chúng tôi coi bài thơ này chụp đăng nguyên thủ bút trong báo Tự - Do, số đặc biệt Xuân 1958. Vừa vói tay sửa lại mảnh trăm tầu.

Thi-sĩ se sẽ ngâm :

Không quá khứ, không vị lai
Thời gian Xuân giữ thắm tươi hoài
Từ lâu, xanh vẫn mơn cành liễu
Và mãi, vàng luôn đượm cánh mai
Cuộc thế mị thường cơn mộng lớn
Nguồn Xuân bất tận suốt thơ dài
Làm chi năm một lần khai bút
Bút đã khai từ thiên địa khai.



Chúng tôi thấy câu chuyện mạn đàm về Thơ đến đây cũng đã làm cho Người Thơ mệt mỏi vì gượng bịnh để tiếp chúng tôi ; và lò hương đã hồ tàn khói biếc... đứng dậy cáo từ ; ra về, chúng tôi còn tưởng như mình đã lùi trở lại dĩ vãng đến gặp một thi nhân đời Đường trên lầu Hoàng-Hạc của một thửa nào xa xưa...

Đô Thành mùa mưa 58
Sào-Phủ-Việt và N.T.M.T.D.

Vài bài thơ của thi sĩ Đông-Hồ

I— KHÓC LINH-PHƯỢNG

Chấn gối cùng nhau những ấm êm
Bỗng làm ngọc nát bỗng châu chìm
Đầm đìa giọt thấm khăn hồng thấm
Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng lìm
Hình dạng mơ màng khi thức ngủ
Tiếng hơi quanh quần nếp y xiêm
Bầy năm vui khờ, nghìn năm biệt
Sớm gió chiều mưa lắm nỗi niềm.

Trích « Thơ Đông-Hồ »
xuất bản năm 1932

II— MUA ÁO

« Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi,
Em đâu còn áo mặc đi chơi.
Bán thơ, nhân dịp anh ra chợ,
Đành gởi anh mua chiếc mới thôi !
— Hàng bông mai biếc màu em thích,
Màu với hàng, em đã dặn rồi.
Còn thước tắc, quên ! em chữa bảo :
Kích tưng bao rộng, vạt bao dài ?
— Ô hay ! nghe hỏi mà yêu nhẹ !
Thước tắc anh còn lựa hỏi ai.
Rộng hẹp, tay anh bằng ấm đó,
Ngắn dài, người mới lựa bên vai ! »

Trích « Cô Gái Xuân »
xuất bản năm 1935

III. ĐÊM LIÊU-TRAI

« Yếm tác nhân gian ngữ ?
Bồ-Tùng-Linh

Cánh mộng từ nay thôi khép lại
Đêm đêm bút mực hẹn ai đây
Thời gian dằng dặc dài : Thương nhớ
Vũ trụ mênh mông vắng : Đọa đầy

Còn nhớ đêm nào đương thuở ấy
Ngàn thông reo tiếng, gió lung lay
Tơ trắng mảnh rương sau rèm lá
Tay mới cầm tay dậy đắm say
Ngờ ngợ như quên từ kiếp trước
Ái ân bừng cảm phút giây này.

Lòng hoa ngậm kín hồn trinh trắng
He hé mùa yêu ngát mái Tây
Một phút cảm thông tình vạn thuở
Sông hồ còn vướng gió trắng đây
Qua rồi lạnh lẽo lòng chấn gối
Chờ đợi hiu hiu thánng với ngày.

Đã thấy lằng lằng niềm giản dị
Hồn tan theo nước ý theo mây.

(Trích tập « Trinh-Trắng », chưa xuất bản)



Tiêu sử.— Sinh năm Bính-ngọ (8 - III-1906) tại làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên là một tỉnh nhỏ ở cực Tây Nam-Việt, giáp biên giới Cao-miên và hải phận vịnh Thái-lan.

Họ Lâm, nữ danh là Kỳ-Phác, họ tịch chép là Tấn-Phác, ông Bác đặt tiểu tự là Quốc-Tử, sau đổi là Trác-Chi

Vì nhà tổ tiên truyền mấy đời đều ở ven Đông-hồ ấn nguyệt là một thắng cảnh trong Hà-tiên thập cảnh, nên khi bắt đầu biết làm thơ đã lấy hiệu Đông-Hồ ký dưới thi phẩm của mình. Rồi « dĩ hiệu hành », nghĩa là đời được biết tên hiệu đó hơn, không cần biết tên thiệt nữa.

Sau năm quốc biến 1945, dời nhà lên ở Sài-gòn, lại có biệt hiệu là Thủy-Cổ-Nguyệt, là Đại-Ân-Am, là Nhị-Liêu tiên sinh. Vì sinh trưởng ở nơi cô-lậu cùng tịch, nên chữ Pháp, chữ Hán đều được học rất ít. Chỉ chuyên tự học tiếng Việt mà thành văn tài thi tài.

Không chuyên biên tập cho một tờ báo nào, thỉnh thoảng có bài đăng các báo trong Nam ngoài Bắc, như báo: Đông-Pháp thời báo, Phụ-Nữ tân văn, Việt-Dân, Mai, Tri-Tân.

Có tiếng từ năm 1923 đến năm 1933, mười năm, viết cho báo Nam-Phong xuất bản ở Hà-nội, biên soạn, khảo cứu, ký sự, tùy bút, làm văn nhiều hơn làm thơ.

Trong các bài đăng báo Nam-Phong, lại được nổi tiếng có hai bài: một bài nhật ký là bài *Linh-Phượng* tức là *Trác-Chỉ lệ ký tập* và một bài cổ văn là bài *Phủ Đông-hồ*.

Năm 1935, nghỉ làm báo Nam-Phong, tự chủ trương và làm chủ bút tuần báo *Sống*, xuất bản ở Sài-gòn.

Gần đây, năm 1953, giám đốc Nhân-loại tập san, xuất bản ở Sài-gòn, đề làm cơ quan cho nhà xuất bản Bốn-Phương sáng lập từ năm 1950.

Thành tích văn hóa đáng ghi nhớ hơn hết là từ năm 1926 đến năm 1934 mở nhà học xá trên bờ Đông-hồ lấy tên là « Tri-Đức học xá », tự mình làm trưởng giáo, chủ trương chuyên dạy toàn bằng tiếng Việt, luôn luôn cổ động khuyến khích cho học trò và bè bạn tin tưởng

ở tương lai Việt ngữ. Trường này dụng ý theo lối giáo dục gần thiên nhiên như nhà tình xá Santiniketan của R. Tagore ở Ấn-Độ.

Trường lại mở cả lớp làm thụ đề cho học trò ở xa Hà-tiên cũng có thể tập luyện tiếng Việt, cho nên trong mấy năm, đã gây được ảnh hưởng văn hóa không ít ở miền Nam.

Tác Phẩm đã xuất bản thành sách:

— *Thơ Đông-Hồ* (Nam ký thư quán, xuất bản Hà-nội, 1932).

— *Lời Hoa*, nhuận sắc các bài tập Việt văn của học trò Tri-Đức học xá (Tri Đức học xá, xuất bản, Hà-tiên, 1934).

— *Linh-Phượng*, tức *Trác-Chỉ lệ ký tập* (Nam ký thư quán, xuất bản, Hà-nội, 1934).

— *Cổ Gái Xuân*, thơ (Vị giang văn khố, xuất bản Nam-định, 1935).

— *Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc-văn*, biên soạn chung với Trúc-Hà (Tri-Đức học xá, xuất bản, Hà-tiên 1936).

Tác phẩm chép tay:

Trình Tráng, Bội lan hành, Thăng-long hành.

- ★ Một thủ lãnh dễ dãi, xuề xòa, chẳng trước thì sau sẽ bị người ta dẫm lên chân. Có điều tai hại hơn thế là nguyên tắc uy quyền có thể vì dấy mà bị suy giảm, khiến cho tất cả đoàn thể phải bị thiệt thòi.
- ★ Một thủ lãnh không khiến nổi người ta tôn trọng uy quyền tỏ ra không xứng đáng với chức vụ. Muốn được tôn trọng, trước hết phải đáng được tôn trọng, đáng được tôn trọng chẳng những trong khi thừa hành chức vụ mà trong trọn cả cuộc sống của mình.

NGƯỜI

LÀNG PHÙ - ĐÔNG

TRẦN-HỒNG-HÙNG

Sáu đời Hùng vận vừa suy,
Vũ-ninh có giặc mới đi cầu tài.
Làng Phù-đồng có một người,
Sinh ra chẳng nói, chẳng cười trơ trơ...

(1)



Người chẳng nói.
Người chẳng cười.
Người cũng chẳng khóc.

Trẻ con lọt lòng mẹ, là đã làm rầy người sanh thành và kẻ chung quanh với tiếng khóc ban đầu. Đó là trẻ con thường, trẻ con bú vú mẹ, trẻ con bập bẹ từ tiếng một, và lớn lên với tháng năm. Còn Người là một đứa trẻ khác thường. Người đến góp mặt với đời chẳng phải để mà hưởng thụ, mà chỉ là để phụng sự, thì Người khóc mà chi, cười mà gì, Người im lặng.

« Những ngờ oan trái bao giờ, »
« Nào hay. »

Nào hay giặc Ân từ phương Bắc tràn xuống giết hại dân lành như vũ như bão; vua tôi nước Văn-lang bất lực, phải cho sứ giả rao truyền khắp nước, cầu kẻ hiền tài ra cứu lấy giang san.

Một luồng kinh hoàng cùng một niềm hi vọng chạy qua lòng muôn dân thấp thỏm.

Mẹ Người quên nỗi âu lo canh cánh từ ba năm trời nhìn Người mà đưa một câu :

« Con không chịu ăn, không chịu nói, không chịu cười, không chịu khóc như con người ta, cứ nằm trơ trơ đó thì làm sao mà dẹp được giặc để trả ơn Vua, đền nợ nước, cho bố công Bố Mẹ sanh thành !.. »

Thì ô này ! huyền diệu thay ! Người

(1) Lê-Ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái. — Đại-nam quốc sử diễn ca. — Thoại Hoàng-Xuân-Hân.

ngồi ngay dậy, Người mở miệng cười với mẹ, Người mở miệng thưa với đấng sanh thành :

— Xin Mẹ mời sứ giả vào, con sẽ có cách dẹp giặc để đáp đền ơn nước, ơn Bố Mẹ. »

Sứ giả về triều, tâu lại lời yêu cầu của chú bé dị thường làng Phù-đồng. Vua tin ngay, không cần điều tra lại, chẳng cho ai đó là đồ điên. Tức khắc, ngựa sắt đúc thành, roi sắt rèn xong ; xong luôn mũ sắt, giáp sắt.

Người đến chầu vua, lãnh ngựa, roi, và xin vua một bữa cơm thật no.

Ba năm không giọt sữa, ba năm chẳng miếng cháo miếng cơm, Người lấy lại của Vua dư giả những gì Người chẳng muốn đòi Cha Mẹ nghèo nàn.

Rồi đưa trả lại mâm, Người vùng đứng dậy, một cái vươn vai, từ đứa bé thơ ba tuổi, Người biến thành một trang thiếu niên anh tuấn, cao lớn dị thường.

Rồi, chẳng nói chẳng rằng, chẳng chào chẳng kiêu, Người mặc giáp sắt, đội mũ sắt, cầm roi sắt, nhảy phốc lên lưng ngựa sắt ; ngựa bay như gió đến tới giặc Bắc hoành hành. Gặp là thế, mà dọc đường, gặp hai nông phu (một vác vồ cây, một vác vồ tre) đón đường, Người cũng dừng ngựa ; họ xin theo, Người thu nạp. Rồi ngựa bay, người chạy. Đây rồi ! Quân giặc Bắc phương đang giết dân bà, đang xé trẻ con.

Người giận tận mây, roi sắt dọc ngang như sấm sét.

Ngựa tức càn hông, miệng phun lửa máu đốt xâm lăng.

Roi sắt gãy. Thì đã có tre dày kẻ tay.

Và hai cái vồ của hai người nông phu tình nguyện theo Người đập đầu quân cướp nước ngon lành như thề đập đất cục khô.

... « *nửa chiều giặc tan.* »

Bình nhà vua đến quét tiếp sạch giồng hôi tanh.

Giặc chạy về nơi chúng đến.

Quê hương sạch vết tanh nhơ.

Dân lành nhìn trời, tin tưởng.

Còn Người, thì chẳng biết đi đâu. Cả hai người dân cày cũng thế.

Và đây, *Núi Sóc* (còn gọi là núi Linh).

« *Chẳng nhớ năm nào bay ngựa sắt,*

« *Chỉ nghe rày chốn trệt bào nhung* »

(2)

Bào nhung hay giáp sắt, vẫn là đồ của Vua ban, vẫn những thứ Người chẳng cần. Ngựa kia, roi nọ, đủ cho Người làm tròn sứ mệnh cao cả, còn những cái bề ngoài mà Người chẳng xin chẳng hỏi, chẳng đòi, thì

« *Của Thiên-Chúa trả về Thiên-Chúa,* »

« *Của Đế-vương trả lại Đế-vương.* »

Và đây, làng *Cháy* tức làng Phù-chân, huyện Gia-bình, tỉnh Bắc ninh, nơi ngựa thần hét lửa đốt giặc, nơi tre Đẳng-ngà thế roi diệt thù, đến giờ vẫn mọc nghiêng nghiêng, nơi gió ngựa tung hoành đất lún thành ao chuôm nho nhỏ...

(2) Nguyên văn của *Lập-Trai* Phạm-Quý-Thích

« *Bất ký hà niên phi thiết mã,*

« *Tương truyền thử địa giải nhung y* ».

NGƯỜI LÀNG PHÙ-ĐỒNG

Và đây, làng *Giống*, tức làng Phù-đồng, huyện Võ-giàng, tỉnh Bắc-ninh, nơi Người « ra đời », đền thờ « Phù-Đồng thiên vương » (3) dựng từ đời Hùng-vương thứ VI. Và cả nơi Người « bay mất », làng *Vũ-linh*, huyện Kim-hoa, tỉnh Bắc-ninh (nay là làng *Vệ-linh*, huyện Kim-anh, tỉnh Phúc-yên), cũng có đền thờ *Xung-Thiên Thần-vương* (4).

Và đây, làng *Dũng-quyết*, huyện Quế-chương, tỉnh Bắc-ninh, nơi người dân cày cầm vồ cây quăng lại, nông cụ của mình biến thành khí giới đặc biệt, vồ cây dựng đất, tức thì nơi đó, cây mọc thành rừng.

Và đây, làng *Nghiêm-xá*, cùng huyện trên, nơi người dân cày cầm vồ tre quăng lại, nông cụ của mình biến thành khí giới đặc biệt, vồ tre dựng đất, tức thì nơi đó, tre mọc thành rừng.

Và đây, làng *Xuân-tảo*, tỉnh Hà-dông, nơi Người tạm dừng chân để mà tắm rửa, trả lại trần ai cát bụi trần.

Và đâu đây, trong lòng mọi người dân Lạc-Hồng, ở miệng mọi người giống Tiên-Rồng, nhẹ nhẹ như tiếng lúa rì rào, êm êm như tiếng trúc lao xao, bất diệt

như câu ca dao nặng tình đất nước, nặng nghĩa nhớ ơn...

« Mừng tám tháng tư,
« Không đi hội Gióng cũng hư
mất đời »



Hỡi NGƯỜI làng Phù-đồng.

Thời Người và sau đó khá lâu, giống Việt tin bằng lời, tin bằng lòng, và chẳng ai bảo ai mà kẻ thêm người thật, kẻ dệt người thêu, bao câu chuyện hẳn là có thật, mà trải tháng năm qua đã hóa thành hoang đường, rồi gần đây, người ta chỉ tin cái gì nói có sách, mách có chứng, cái gì rờ mó được, cái gì óc lý luận chấp nhận mà thôi....

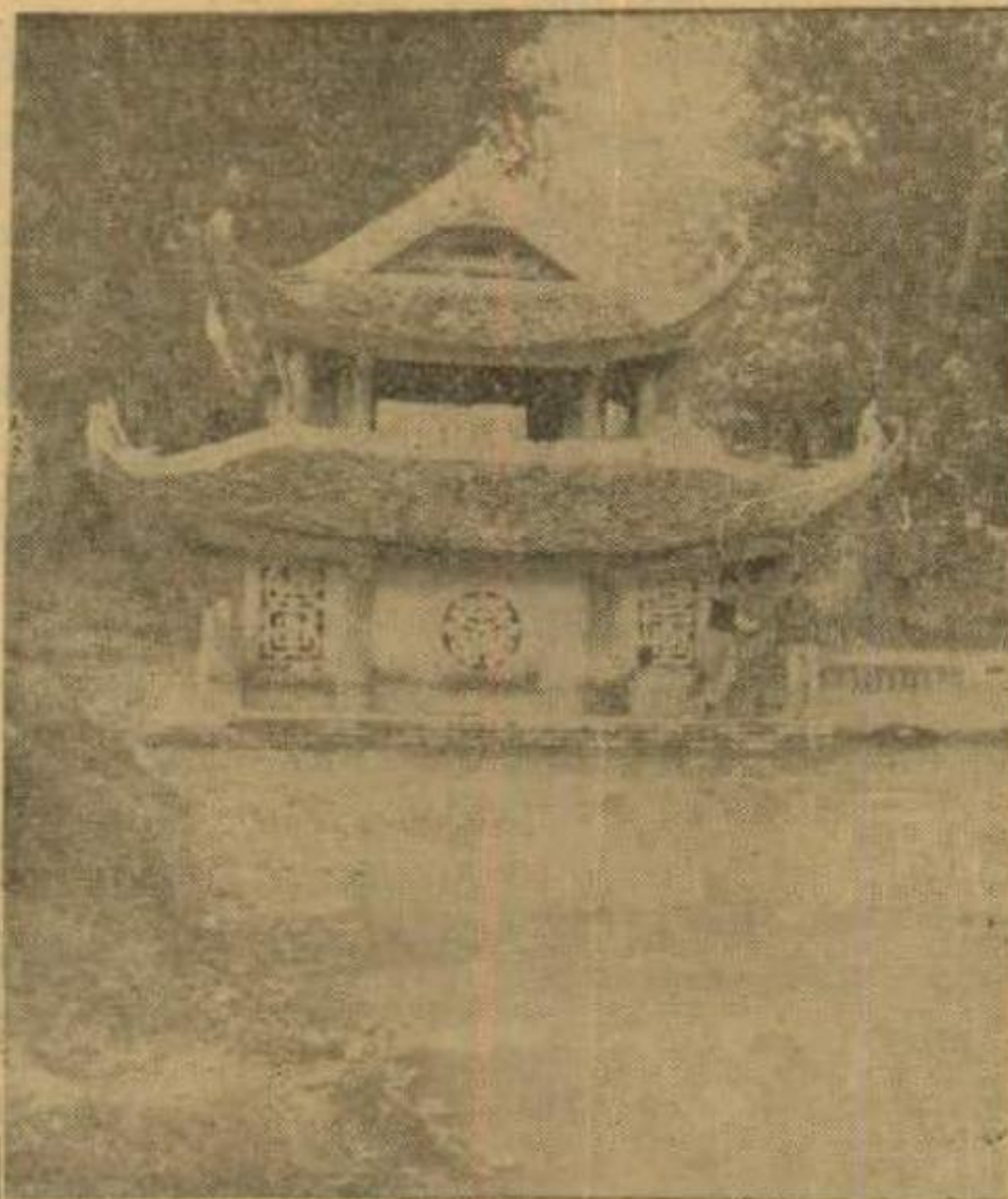
Người có thật ?
Hay Người chẳng có ?

Kẻ hậu sinh này tin rằng Người có, nên kính kể lẽ cho Người nghe con cháu đã nói, đã nghĩ gì về Người.

Một kẻ theo giặc Bắc, Lê-Tắc đời Trần, trong quyển « *An-nam chí lược* »,

(3) Dân gian gọi là *Đức Thánh Gióng*.

(4) Do vua Lý-Thái-tô phong.



Nhà thủy tạ đền đức Phù-Đồng Thiên-vương
(Ảnh của Viện Khảo cổ)

mục « Cồ tích » có ghi lại :

« Xưa, trong xứ có loạn. Chợt thấy một người có uy đức, dân đều qui phục. Bèn đem quân đi dẹp loạn, rồi lên khoảng không mà đi mất. Hiệu là Xung-Thiên-Vương, dân lập đền thờ. » (5)

Đời Lê, Ngô-Sĩ-Liêm, trong bộ « Đại Việt sử ký tiền biên », truyện Người không được đặt vào chính văn, mà chỉ được cước chú ; Ngô-Thì-Sĩ có bàn :

« Cựu sử chép việc Phù-Đồng thiên vương xin gươm phá giặc và chuyện Sơn-Tinh, Thủy-Tinh tranh lấy một Mị-nương đều bắt nguồn từ trong truyện Trích quái [tức Lĩnh-nam trích quái], rồi nhuộm sắc lời lẽ cho văn vẻ. Trong chuyện Phù-Đồng, không đợi nói là quân của vua nhà Ân, không đợi nói là đúc ngựa sắt, không đợi nói là ngáp và vươn vai mà thân hình thành ra cao lớn, cũng đủ đủ ngờ là hoang诞... Kề việc mà không xét đến lý, nói quái mà mắc vào điều ngoa ! Pho tin sử một nước há lại có thể đem làm như một bộ chí quái ư ? » (5).

Nhưng họ Ngô lại kết luận :

« Xung Thiên-vương cũng là danh thần bản quốc, nên nhân sử cũ đã chép, bèn chia việc ra mà chưa vào, hãy đề tồn cựu đó thôi. » (5)

... Hãy đề tồn cựu lại đó thôi !

Đó cũng là ý kiến của Lê-Ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái, đời Nguyễn, trình bày trong hai câu thơ sáu tám :

« Miếu đình còn dấu cổ viên,
« Chẳng hay chuyện cũ lưu truyền
có không ? »

Lê-Thần Trần-Trọng-Kim nghĩ rằng :

« Chuyện này là chuyện tục truyền như vậy, chứ không có lẽ tin làm sự thực. Họa chăng đời bấy giờ có người tướng giỏi, đánh được giặc, về sau người ta nhớ ơn làm đền thờ thì hợp lẽ hơn. »

Đến lượt một học giả khác cố tìm « Sự thật trong chuyện... Phù-Đồng thiên vương.

« Có lẽ là một người con trai còn ít tuổi, nhưng người vạm vỡ, có sức khỏe, khi bận võ trang, đi đánh giặc, người coi oai phong lắm liệt khác hẳn các thiếu niên cùng lứa trong làng. Người đời sau cố ý ngoa truyền, đề câu chuyện nhuộm màu thần bí, cho người ta phải kinh sợ đó thôi. »

Cả câu chuyện roi sắt, ngựa sắt hoặc gươm vàng ngựa sắt cũng không đáng tin.

Theo nhà cổ học H. Maspéro, thì ở đời thượng cổ tức là đời Hùng-vương, tổ tiên ta chỉ biết dùng đồ đá, nhất là cuộc đá để làm ruộng.

Trước đời Bắc-thuộc, tổ tiên ta cũng biết dùng đồ đồng như nồi niêu đồ nấu, hay những mũi đồng để bịt tên nỏ.

« Nhưng đồ sắt thì đến đời Triệu-Đà, dân Nam-Việt vẫn phải mua của Tàu dùng chứ không tự chế lấy được.

(...) « Sử lại chép rằng quan Thái-thú quận Cửu-chân là Nhâm-Diên dạy dân dùng sắt làm điền khí để cày bừa.

« Như vậy, thì ở đời Hùng-vương thứ VI, tức là đời thượng cổ, người ta

(5) Hoa-Bằng dịch.

đã đúc thế nào được ngựa sắt, roi sắt hay ngựa sắt với gươm vàng ? Đời bấy giờ, đã không thể có ngựa sắt với roi sắt hay gươm vàng, thì những chuyện ngựa sắt biết đi, biết phun lửa và biết bay lên trời đều là chuyện bịa đặt hết.

« Có lẽ đó chỉ là một con ngựa bằng xương, bằng thịt như các con ngựa khác, nhưng khỏe mạnh, chạy nhanh, và sắc đen nên người Tàu và sử gia đời xưa gọi là *thiết-mã*.

TRƯỜNG « TÂN-PHƯƠNG »

Một niềm tin về giáo dục

Chúng tôi rất vui mừng được tin các bạn : *Thiên - Giang, Bình - Nguyên - Lộc, Hư - Chu, Nguyễn - Hiến - Lê, Lê - Thương, Vũ - Ký, Thọai - Nguyên* ... là những cây bút quen thuộc của độc giả *Bách-Khoa*, nay vừa góp sức thành lập được một trường Trung học, tiểu học, mẫu giáo, lấy tên là « *Tân-Phương* » tại Gia-dịnh, xóm Gà.

Đã từng có nhiều kinh nghiệm trong ngành giáo dục lại rất thiết tha với phong trào « *Tân giáo dục* » ở nước nhà, nay có phương tiện trong tay, có bạn cùng chí hướng góp sức chúng tôi tin chắc các bạn « *TÂN-PHƯƠNG* » sẽ thành công trong việc xây dựng trường mới mẻ này.

Tòa soạn *BÁCH-KHOA*

Thiết-mã là ngựa sắc đen, cũng như *thiết diện* là mặt đen (Kiều có câu : *mặt sắt đen sì*, tức là dịch hai chữ *thiết diện*), *thiết hán* là người con trai đen đui khỏe

mạnh. *Thiết* chính nghĩa lại là *sắt*, nên các nhà diễn sử cũ ra quốc âm, mới dịch lầm *thiết mã* là ngựa sắt ! ? Roi sắt cũng vậy, có lẽ là cái côn bằng tre rắn như sắt và hun đen như sắt, nên người xưa gọi là *thiết côn*, rồi người sau mới dịch luôn ra là roi sắt.

« Sau hết, đến chuyện Phù-Đồng dẹp xong giặc Ân, thúc ngựa tới núi Sóc-sơn, rồi biến đi mất. Chuyện đó cũng là chuyện ngoa.

« Có lẽ sự thật là, dẹp xong giặc Ân, Phù-Đồng Thiên-vương vội phi ngựa về kinh báo tiếp, chẳng dè tới núi Sóc-sơn, ngựa phóng mau quá, vấp phải đá khuy xuống, trong khi bất ý, Phù-Đồng Thiên-vương ngã ngựa thiệt mạng chẳng ? »

Văn-Học LÊ-VĂN-HOÈ

(Quốc sử định-ngoa. — « Quốc học thư xá » xuất bản. — Hà-Nội — 1941).

Nhưng đều là giả thuyết cả.

Và đây, một giả thuyết nữa.

« Trong truyện Phù-Đồng, có điểm đáng chú ý hơn hết là gươm sắt và ngựa sắt. Theo các nhà học giả Đông, Tây đã nghiên cứu lịch sử Trung-hoa thì :

« — Đời Hạ, chừng vào khoảng 2200 tr. C.n., là cuối thời đại đồ đá mới ;

« — Đời Thương, chừng vào khoảng từ 1700 đến 1100 tr. C.n., là thời đại đồ đồng và đồ đồng xanh :

« — Đời Chu trở đi, chừng và khoảng từ 1100 tr. C.n. về sau, là thời đại đồ đồng xanh và đồ sắt.

« Như vậy truyện Phù-Đồng có thể là sản phẩm do dân gian tạo nên vào một thời đại bên ta ngang với thời đại cuối Chu hoặc đầu Tần, hoặc đầu Tây-

Hán bên Trung-quốc. Vì một khi người ta đã nói đến gươm sắt, ngựa sắt, thì tất phải là lúc đồ sắt đã thịnh hành lắm rồi.

« Xã hội ta bây giờ hoặc là lúc bị Tần đặt làm quận huyện, hoặc là thời bị Hán chinh phục, dân chúng phải sống dưới ách áp bức của dị tộc, trong huyết quản đang sôi nổi những khí vươn lên và sức chỗi dậy, nên người ta mới thành thánh hóa một truyện chống ngoại xâm để kích thích dân chúng.

Thấy chuyện hay hay, nhà văn bèn « tiểu thuyết hóa » mà chép vào **Lĩnh-nam trích quái**. Rồi mấy sử thần đời sau như Phan-Phù-Tiên và Ngô-Sĩ-Liêm... lại « chính sử hóa » mà chép vào sử.

HOÀNG-THÚC-TRÂM

(*Lịch sử xã hội Việt-nam*, I.— « Thế-giới » xuất bản. — Hà-nội 1950)

Hai ông Lê-văn-Hòe và Hoàng-Thúc-Trâm đã vận dụng lý trí, đã lục chổng sách cũ, đã lấy phương pháp khoa học mà nhìn vào một câu chuyện lịch sử quá xa xưa. Một ông khác lại đeo gương Phật giáo mà bàn, ta hãy nghe lời bàn của cụ Trúc-Sơn Mai-Đăng-Đệ.

« *Phù-Đồng Thiên-Vương có hành vi của một vị Phật. Có lẽ trời đã mặc khải đạo Phật cho Ngài trước khi Phật giáo bên Tàu truyền sang. Không nói không cười, ấy là « tiêm tu định tướng », có công không hưởng, ấy là « xả thí chân như » báo đền xã hội, tự nhân siêu thoát, có sạch nợ trần mới thành chính quả vậy».*

(*Còn tiếp*)

TRẦN-HỒNG-HÙNG

Muốn chính nước, trước chính mình

Nhan-Uyên sắp đi sang chơi nước Tống, nhân hỏi Khổng-Tử rằng :

— Người ta cần lấy cách gì để giữ thân mình ?

Khổng-Tử đáp :

— Cần có CUNG, KÍNH, TRUNG, TÍN mà thôi. CUNG (cần thận) thì tránh xa được hoạn nạn. KÍNH (lễ phép) thì người người đều yêu mình. TRUNG (hết lòng thành thực) thì hòa được với mọi người. TÍN (tin cần đúng mực) thì người ta tin dùng mình. Chăm chỉ vào bốn điều ấy, không những giữ được một thân mình, mà còn có thể chinh được cả quốc gia. Cho nên không đi sát với kẻ gần mà đi với kẻ xa, chẳng hóa ra viễn vông lắm sao ? Không sửa soạn bề trong mà sửa soạn bề ngoài, chẳng hóa ra trái ngược lắm sao ? Những việc đáng lo nghĩ, không xếp đặt trước, mà đợi khi đến chân rồi mới mưu toan, chẳng hóa ra muộn lắm sao ?

KHÔNG-TỬ GIA-NCŨ

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

VI

Có một điều cần thưa rõ lại: là chúng tôi không có tham vọng làm tự điển. Nhưng nhiều bạn cứ cho là chúng tôi làm tự điển, thì cũng xin nhận liều vậy.

Nhưng chắc chắn là chúng tôi không làm « Bách-khoa từ điển. »

Chúng tôi chỉ đứng vào mặt văn chương đề sưu tầm và *gợi* *hiều* những danh từ địa phương được dùng đến trong nhiều tác phẩm văn chương.

Độc giả của những tác phẩm ấy không cần biết tận tường cho lắm về những chi tiết của các danh từ kia, mà chỉ cần có một ý niệm về nó là đủ rồi.

Xin cử ra một thí dụ cụ thể: tiếng *ro*. Trong tạp chí N.L, bạn Sơn-Nam đã nghiên cứu về dụng cụ ấy trong 8 trang giấy khổ « Bách-khoa » này. Như thế mới tạm gọi là đầy đủ được. Nhưng làm thế tức là làm tự điển Bách-khoa rồi vậy.

Khuôn khổ của tạp chí Bách-khoa của chúng ta không cho phép chúng tôi làm tự

điển Bách-khoa nên chúng tôi đành tự hạn định công việc mình trong lãnh vực tự điển văn chương thôi. (1)

Nhiều bạn gởi về những định nghĩa rất là bách khoa và bác học, khiến chúng tôi mẩn phục lắm, nhưng lại không thể đăng, hoặc không thể đăng trọn. Chẳng hạn như bạn Lương-Huy ở An-xuyên. (2) Bạn đã cho một định nghĩa đầy đủ về tiếng *nò*, mà nếu đăng ra, định nghĩa ấy sẽ choán ba trang B. K.

(1) Vì thế chúng tôi không trích đăng cả chương nghiên cứu về *giáp nước* của ông bạn Nguyễn-Hiến-Lê, khiến cho ông bạn Nguyễn-Văn-Thế ở Vĩnh-long phải phàn nàn.

(2) Cũng như tiếng *Chích*, tiếng *nò* rất được bạn hữu xa gần tham gia định nghĩa và phê bình.

Ngoài bạn Lương-Huy, còn bạn Huỳnh-Nhâm (Hội-an), bạn Mai-Sỹ-Linh, và cả người anh cả Đồ-Một-Sách (tức Đại-Ân-Am) nữa.

Ba ông bạn sau, cũng cho một định nghĩa khá đầy đủ về *nò*. Bốn định nghĩa nói trên mà đăng cả ra thì cũng được bảy trang Bách-Khoa, và nếu có vẽ hình như bạn S.N. đã làm thì đi hết chín trang hẳn.

Nếu chúng tôi đang thì sẽ gây ra ba điều hại sau đây :

1) Làm sai mục đích đã nêu ra là giúp toàn quốc hiểu danh từ địa phương, chứ không phải nghiên cứu tỉ mỉ về danh từ chuyên môn.

2) Không còn chỗ để toàn quốc làm quen với thật nhiều danh từ địa phương, vì : Nếu đang như thế thì một kỳ không thể định nghĩa hơn 3 tiếng được.

3) Nhà báo sẽ phản đối là chúng tôi đi sai con đường đã vạch.

Vậy xin cáo lỗi với những bạn đã gởi về những định nghĩa bách khoa và bác học. Chúng tôi luôn luôn kính mến các bạn, và chờ dịp khác, sẽ giới thiệu công trình của các bạn trong loại bài khác.

Ông bạn Cô-Liêu ở Đacao (Sàigòn) vừa mách hộ chúng tôi những điều sau đây :

I) Ở miền Bắc những tiếng : *đào mả*, *sợ người*, *gói thuốc*, *mì*, *ống nhỏ*, *phản* cũng được thông dụng như ở đây. Vậy thì là đáng mừng cho sự thống nhất ngôn ngữ. Nhưng vì trong cuộc tiếp xúc với đồng bào miền Bắc vào đây, chúng tôi nghe các đồng bào ấy không dùng như thế, nên mới cho đối chiếu như vừa rồi.

II) *Thuốc khoẻ* (miền Bắc) : *Thuốc bỏ* (miền Nam) *Vớ* gọi là *bít-tắt* thì đúng hơn. Vâng, Tú-Xương đã nói :

Bít-tắt tơ, giày Gia-định bóng.

Nhưng Phạm-Cao-Củng lại viết một cuốn tiểu thuyết trình thám nhan là : « *Chiếc tất nkuộm bùn* » Thế nghĩa là nói sao cũng đúng cả.

III) Tiếng *điệp* miền Nam, còn hai tiếng tương đương miền Bắc nữa là *phượng* và *núc-nác*, ngoài tiếng *xoan tây* mà chúng tôi đã nói. Xin cáo lỗi đã bỏ sót hai tiếng đó.

IV) *Củ sắn* ở Bắc gọi là *Củ đậu* hay *Củ dỏ*, chứ không phải gọi là *sắn dây*. *Sắn dây* là khác nữa. Xin phục thiện.

V) Nếu tiếng *hache* mà gọi là *búa rìu* thì nghĩ sao với câu thơ này :

Dấu rằng sấm, sét, búa, rìu cũng cam,

Ba dấu phết trong câu thơ là do chúng tôi đánh. Thơ chữ Nôm xưa không có dấu phết. In ra quốc ngữ La-tinh, nếu cần thận, phải phết cho phân minh. Mà nếu có phết thì không thể lẫn lộn được : *búa-rìu* là *hache*, ở giữa có gạch nối liền, thay vì cái phết kia.

VI) Về *hồi hôm*, *hồi sáng*, v...v... nhờ ông bạn Cô-Liêu nhắc thêm cho tiếng *sáng nay*.

Hồi sáng hay *sáng nay* = Buổi sáng của cái ngày ta đang sống.

Ở đây thì trái hẳn : *sáng nay* là sáng của ngày sau cái đêm ta đang sống.

Bây giờ khuya rồi, ta nghỉ thôi, sáng nay sẽ làm tiếp.

Ở đây *Tối hôm qua* không có nghĩa là *hồi hôm* như ông bạn đã cho biết trong thơ.

Ở đây *Tối hôm qua*, vô lý thay, lại là tối hôm kia đây, nghĩa là không phải đêm của ngày trước như theo lẽ phải, và theo miền Bắc. *Tối hôm qua* nghĩa là đêm trước ngày hôm qua. Vô lý chưa ?



Trong bài mào đầu kỳ rồi, nơi dòng rồi đề đó.
 thứ tư, đoạn câu : *cắm xuống nước rồi* Đó là lỗi của soạn giả đã viết sót một
 đề đó, xin đọc là *cắm xuống bờ nước* chữ, chớ không phải của thầy cò.

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

VI

Xài (động từ và tính từ) Trong một buổi hầu chuyện với ông Đại-Ân-Am, tiên sinh lưu ý chúng tôi về chỗ đồng bào di cư rất bối rối trước tiếng Xài của miền Nam và dùng tiếng ấy thường sai. Đồng ý với tiên sinh, chúng tôi xin thử định nghĩa động từ rắc rối ấy.

I. — Xài là tiêu-xài. Đây là nghĩa thống-nhứt.

II. — Xài là dùng :

Ba đồng một gói thuốc Toàn Bạch, mua về xài chơi nè ! Mọi đô nè !

Nghĩa này, người trí thức cố tránh dùng, vì nó sai quá.

III. — Xài là tạm dùng đỡ :

Món hàng này tuy không tốt bao nhiêu, nhưng xài được.

Ở đây, xài cũng là dùng, nhưng không sai bao nhiêu, vì xài tiền thì tiền sẽ tiêu mất ; và xài món hàng không được tốt, món hàng cũng sẽ hỏng mất ngày nào đó.

IV. — Xài là làm si nhục :

Thằng ấy theo tán em, em xài cho nó một mách.

V. — Xài là giao-thiệp với :

Thằng ấy đều quá, không xài được.

Nhiều bạn di cư dùng tiếng xài với nghĩa ấy. Như thế là nhầm. Nhưng luật tiến hóa của ngôn ngữ kỳ dị lắm. Nếu ai cũng áp nhau mà nói như thế cả, thì sẽ hết sai, và xài lại có thêm một nghĩa thứ sáu.

Đồng bào miền Bắc vào đây, bị ảnh hưởng của đất đai, hoặc vì cảm tình với miền Nam, hoặc muốn hòa mình cho dễ làm ăn, nên bắt chước phương ngữ và phát âm ở đây. Nhưng họ lại chọn toàn cái sai ở đây mà bắt chước, thế mới khổ.

Ông Đại-Ân-Am báo động rằng giọng âm V bắt đầu bị âm D lấn ép rồi.

Chính chúng tôi đã nghe nhiều bạn di cư nói *đúng đắn*. Tiếng *đúng đắn* không bao giờ có trong ngôn ngữ Việt-Nam cả. Trong vòng hai mươi năm sau này, người miền Nam bắt chước miền Bắc và dùng tiếng *đúng đắn*. Nhưng phần đông lại bắt chước sai và nói *đúng đắn*, với một cái nghĩa kỳ dị là *đúng*, chớ không

phải là *nghiêm trang* như ở miền Bắc nữa. Trên măng-xét một tờ hằng ngày kia, mấy năm trước, người ta thấy in to chữ *đúng đắn* sai ấy lên.

Bây giờ đồng bào di cư lại lấy cái tiếng đã biến thể sai ấy mà dùng thì thật là rắc rối.

Đành rằng luật tiến hóa của ngôn ngữ là như đã nói ở trên. Nhưng nếu không sớm hãm cái đà sai lại, thì không mấy lúc toàn thể ngôn ngữ sẽ sai hết cả.

Măn-măn (*lĩnh từ*) Hơi măn. Ở đây vẫn có tiếng măn-măn như ở Bắc, và cũng dùng như thế. Măn măn nghĩa nhẹ hơn măn măn.

Canh ngót (*danh từ ghép*) Canh cá, nấu thật măn. Danh từ này thật là kỳ dị cho dầu đối với chính người miền Nam. Đáng lý gì phải nói *canh măn* mới đúng nghĩa cho.

Chú ý : Không phải là canh nấu bằng lá ngót, và lá ngót ở đây gọi là lá *bồ-ngót*. Canh này gọi là canh bồ-ngót.

Phố (*danh từ*) Nhà cất dựa đường ở các thành phố. Danh từ này miền Bắc có và hiểu theo nghĩa ấy nhưng không dùng.

Ở đây, có khác ở Hà Nội, là nhà trong thành phố là nhà to, thường nhiều gian. Còn nếu chỉ có mỗi một gian (căn) thôi thì phải gọi là *phố*.

Nói « *tôi mướn nhà* » là phải mướn nhà to như biệt thự kia ; mướn phố mà nói là mướn nhà là có ý nói khoác cho oai thôi.

Mời (*động từ*) Sang lửa từ nơi này qua nơi khác.

Mời thuốc diều — Mời lửa.

Miền Bắc chỉ có tiếng mời danh từ mà không có tiếng mời động từ này. Mời danh từ, theo V.N.T.Đ. của K.T.T.Đ. là *vật gì bện lại hay vẽ lại làm cho lửa dễ bén*. Ở Nam cũng hiểu như thế.

Bán buông đuôi (*động từ ghép*) Bán không có giấy tờ và vật ra khỏi tay người bán rồi, thì người mua hoàn toàn chịu trách nhiệm, người bán không biết đến nữa.

Nhiều nơi có tục bán trâu bò **buông đuôi**.

(Định nghĩa và thí dụ của ông Hoàn-Sơn).

Bán đứng (*động từ ghép*).

I — Bán của không phải của ta.

II — Lấy danh nghĩa người khác để làm việc gì mà không có sự ưng thuận của người đó.

(Theo định nghĩa của ông Hoàn-Sơn).

Bán si (*động từ ghép*) Bán buôn.

Cho tiền (*động từ ghép*) Cho vay lãi, nhưng đến kỳ không lấy tiền, mà lấy hàng hóa.

Năm rồi tôi cho tiền lúa, bèn sạt nghiệp vì lúa sụt giá.

Dùm (*động từ*) Cho vay lãi. Tiếng dùm để dụ bót ý nghĩa xấu xa của sự cho vay lãi.

Ve-ve mùa hạ kêu rân,

Qua đông lạnh lẽo tẩm thân cơ hàn.

Tới cùng con kiến thờ than,

Xin dùm nhiều ít tạm ăn đỡ lòng.

La Fontaine

(Bản dịch của Đỗ-Quang-Đầu, 1905)

Sát (*tính từ*) Chỉ dùng sau tiếng ròng thôi. *Ròng sát* = Ròng khô cạn trong kỳ con nước kém nhất trong mỗi tháng. Người ta cũng gọi là *sát khô*.

(Tiếng và định nghĩa do bạn Thái-văn-Thự K.B.C. 4308 gửi về, nhưng bạn Th.v.Th lại viết với chữ C ở sau.)

Nên thêm rằng ở miền Đông, sát là ròng đến mực chót bất kỳ vào thời nào, ngày nào trong tháng.

Nhà việc (*danh từ ghép*). Nơi hội-tề hương chức họp việc làng (ngày nay hội-đồng hương-chính cũng họp ở đó).

Danh từ nhà việc thông dụng hơn hết, nhưng nó còn bốn danh từ đồng nghĩa sau đây : *nhà vuông, nhà hội, nhà lâu, vò*.

Nhà lâu rất thông dụng ở Bình-dương.

Vò rất thông dụng ở Biên-hòa.

Ông làng (*danh từ*) Một vị thần, tồ của con nhà hát bội.

Ông địa (*danh từ*) Một vị thần rất gần gũi với đời sống bình dân y hệt như ông làng trên đây.

Ông địa chắc không phải là thổ thần, thổ địa, thổ công gì cả, vì trong gia đình người ta thờ thổ thần, lại thờ ông địa ; thờ thổ thần không tạc tượng còn thờ ông địa thì tạc tượng.

Ông địa luôn luôn bịt khăn xéo đỏ, miệng cười và tay « cầm điệu thuốc ».

Ông làng và ông địa bị dân chúng chế giễu bằng những chuyện tiểu lâm rất buồn cười. Trẻ con và người bình dân có van vái về những chuyện nhỏ nhặt, như mất đồng xu, mất con gà, thì van vái ông làng, ông địa, có đại sự mới van vái các vị thần khác, và giới

giàu sang, trí thức không van vái ông làng ông địa trong trường hợp nào cả, làm như hai vị thần ấy là hai vị thần hạng bét.

Không biết có phải ông địa là thần của thổ dân xưa (Chàm, Cơ-me v.v...) hay không, chớ không nghe sách Trung-Bắc nào nói đến ông địa cả.

Ông tà (*danh từ*) Một vị thần của người Cao-miền mà đồng bào ở thôn quê Hậu-giang rất tôn sùng như là của ta.

Tà đây là tiếng Cao-miền có nghĩa là Ông, Bà, chớ không phải là tà ma, tà mị.

Ông (*danh từ*) Đồng bào miền Bắc đọc báo Sài-gòn, thấy tiếng ông đơn độc này, ngạc nhiên hết sức, không biết đó là ông gì mà người ta không dám nói đến tên hoặc đến chức tước :

Ông tha Tào — Kép Ba Vân làm Ông — Nhà anh ấy có thờ Ông — Các-chú cúng Ông.

Ông đây là Quan-Vân-Trường. Sở dĩ có sự kính cần quá như thế có lẽ vì người miền Nam chịu ảnh hưởng của các đoàn khai hoang Trung-hoa (Dương-Ngạn-Dịch, Mạc-Cửu) ngày xưa.

Ít kính cần hơn một chút, người ta gọi là Ông Bồn.

Ông Hoàn ông Trăm (*thành ngữ*) Nhân-vật hống-hách.

Thằng ấy là ông Hoàn ông Trăm ở xóm Bàn-cờ.

Hoàn và Trăm là quân sư và tùy tướng của Lê-Văn-Khôi ngày xưa.

(Còn tiếp)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í



— III —

Những điểm đặc sắc của Tam-quốc diễn nghĩa

TRONG lịch sử nước Trung-hoa, đời Tam-quốc chỉ là một thời kỳ loạn lạc hỗn độn, thời kỳ giành giựt bá quyền giữa ba hoàng triều Ngụy, Thục, Ngô. Dưới thời kỳ đó, trừ những cuộc chiến tranh liên miên bất tuyệt giữa các tay quân phiệt cát cứ ra, chẳng có cái gì gọi là mới mẻ, tiến bộ. Chẳng có những chiến công hiển hách như đời Hán-Vũ-Đế, mà cũng chẳng có một nền chánh trị rực rỡ như thời Trình-Quang chi trị của Đường-Thái-Tông. Về văn học cũng không có gì sáng chói như Hán-phú, hay Đường-thơ, Tống-từ... Một thời kỳ như vậy đáng lẽ phải bị quên lãng sau lớp bụi thời gian, nhưng, nhờ ngòi bút sắc sảo của tác giả Tam-quốc diễn nghĩa, nó lại được dân

LƯỢC KHẢO

VỀ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

chúng luôn nhắc nhở. Chỉ bấy nhiêu, cũng đủ thấy tài của nhà văn họ La.



VỀ kỹ thuật, điểm đặc sắc của Tam-quốc diễn nghĩa là đã miêu tả được những mâu thuẫn giữa ba nước Ngụy, Thục, Ngô một cách rất sinh động và sâu sắc.

Như chúng ta đã biết, cuộc phân tranh giữa ba nước Ngụy, Thục, Ngô là một biểu hiện rất đầy đủ về qui luật phát triển của những sự xung đột xã hội trong thời phong kiến. Ở đây, chúng ta có thể thấy đủ các mặt : xung đột giữa vua quan và bá tánh, xung đột giữa các tập đoàn vua chúa, xung đột ngay trong nội bộ của từng tập đoàn...

Chỗ tài tình nhất của tác giả là đã biết bám sát và khai thác triệt để đề

tài đó dễ lọt trần trước mắt độc giả tất cả khía cạnh gút mắt nhất của những sự xung đột trong đời Tam-quốc, nhất là trong chiến tranh. Nhờ đó, tác giả mới vẽ lên được khá rõ ràng những đặc điểm của sự tiến triển lịch sử Trung-quốc hồi thế kỷ thứ hai, thứ ba. Và cũng nhờ đó mà Tam-quốc diễn nghĩa mới có đầy đủ những động tác dồn dập, sống động, những tình tiết éo le, gây cuốn. Đó chính là một trong những điểm lôi cuốn độc giả nhất của truyện Tam-quốc.

Sở dĩ tác giả chọn đời Tam-quốc, vì đó là một đề tài rất dễ cho người ta dùng hình thức tiểu thuyết để diễn đạt. Ba hoàng triều « tam phân đỉnh lập » thời bấy giờ đã thành ba hệ thống lớn, đồng thời cũng là ba mâu thuẫn sâu sắc nhất.

Đúng như lời nhà đại văn hào Lỗ-Tấn đã viết trong quyển « Trung-quốc tiểu thuyết sử lược », điểm chính làm cho Tam-quốc diễn nghĩa vượt hơn Đông-Châu liệt-quốc diễn nghĩa là « sự trạng không quá đơn giản như Hán, Sở, mà cũng không quá phức tạp như Xuân-Thu, rất thuận tiện cho việc diễn tả ».

Trong Tam-quốc diễn nghĩa, đoạn diễn tả mâu thuẫn tuyệt diệu hơn hết là đoạn viết về trận Xích-bích.

Trận Xích-bích có thể nói là trận then chốt quyết định cục thế « tam phân thiên hạ ». Nhưng trong Tam-quốc-chí, Trần-Thọ chỉ tả trận Xích-bích một cách giản lược. La-Quán-Trung bèn nắm lấy sự thực lịch sử ấy, diễn rộng ra,

thêm thật tình tiết, động tác, tạo thành một đoạn truyện cực kỳ linh hoạt, văn chương mười phần sôi nổi, quả không hề tiếng văn như « nhạc trời chuông ngân » mà Kim-Thánh-Thán đã tặng.

Theo bản có lời bình của Mao-Tôn-Cương, tác giả đã dùng trọn tám hồi (từ hồi thứ 43 đến 50) để tả trận Xích-Bích. Trong suốt đoạn văn dài này, tác giả đã vận dụng ngòi bút sắc bén của mình vẽ lên sự tập trung cao độ những mâu thuẫn chủ yếu gay gắt nhất giữa Lưu-Bị, Tôn-Quyền liên hiệp một bên, và Tào-Tháo một bên, và cạnh đó, là mâu thuẫn thứ yếu giữa Không-Minh và Châu-Du.

Khi tả mâu thuẫn chủ yếu thì văn chương thật hết sức ồ ạt, khúc chiết.

Mới đầu là cuộc đấu lưởi giữa hai phe chủ chiến và chủ hòa (Không-Minh thiết chiến quân nho), sau đó, mới đến ý kiến tối hậu của Tôn-Quyền. Trước khi quyết định đề kháng, Tôn-Quyền cũng đã trải qua nhiều lúc đắn đo. Không-Minh phải trước khích Châu-Du, sau khích Tôn-Quyền, mới làm cho Tôn quyết tâm, bạt kiếm chém phăng một góc án thư. Tuy họ Tôn đã quyết định, nhưng Không-Minh vẫn nhìn thấy « tâm chưa được ổn », nên bàn với Châu-Du giải bày cho Ngô chúa thấy rõ tình hình binh Tào, quân số tuy đông, nhưng có nhiều nhược điểm, nhất là tinh thần mệt mỏi, bạc nhược. Đến đây, Ngô chúa mới dứt khoát chủ chiến.

Tiếp theo đó, tác giả mới tả những trận đánh nhỏ trên Tam-giang-khẩu, Châu-Du thám thính thủy trại Tào quân, đồng thời lại xen vào việc Tương-Cán

qua sông. Cây cung đã hết sức căng thẳng, thì, ngay giữa lúc rộn rịp ồn ào đó, tác giả lại khéo léo chen vào cảnh quần anh hội vui tươi, nhẹ nhàng để độc giả có dịp cho tinh thần « xả hơi » một tí thật tài tình !

Ngoài mâu thuẫn chủ yếu giữa Tôn, Lưu và Tào-Tháo tác giả cũng không quên miêu tả mâu thuẫn thứ yếu nằm ngay trong nội bộ của phe Tôn, Lưu. Trong lúc mâu thuẫn chủ yếu tạm thời êm dịu thì mâu thuẫn phụ giữa Châu-Du và Khổng-Minh lại đột khởi lên. Thật quả là « trong núi lại có núi, trong kịch lại có kịch ». Phi những ngòi bút trác việt, kẻ phàm phu khó mà đạt tới.

Sau Quần-anh hội, liền tiếp đến hồi Gia-Cát-Lượng mượn tên, Châu-Du đánh Huỳnh-Cái, Hám-Trạch dâng trá hàng thư, và Bàng-Thống xảo thủ liên hoàn kế, một loạt kỳ mưu diệu sách đề « dợt » Tào-Tháo, mỗi mỗi đều khàn trương, linh hoạt. Nhưng, Bàng-Thống mưu việc vừa thành, sửa soạn bước xuống thuyền qua sông, thì lại gặp Từ-Thứ cho biết khám phá được hết độc kế của họ Bàng. Nếu ở trên, tác giả đã cho tinh thần độc giả được dịp « xả hơi » nhẹ nhàng bao nhiêu, thì ở đây ông cũng làm cho độc giả hồi hộp, kinh hoàng bấy nhiêu. Đại sự tường đã đổ vỡ vì sự thông minh tốt chúng của Từ-Thứ. Nhưng mà, không ! Từ-Thứ chỉ đùa với Phụng-Sở vậy thôi, chớ đã có lời hứa với Lưu-Bị thì khi nào lại giúp Tào-Tháo... Độc giả lại thở phào nhẹ nhõm.

Gây cản, sôi nổi, dồn dập có thể nói là đặc điểm lớn nhất của Tam-Quốc diễn nghĩa, mà dồn dập, sôi nổi, gây

cấn chính cũng là đặc điểm phổ biến của cuộc đời muôn mặt.

Đang tả những sự kiện khàn trương, dồn dập của hai trận doanh Ngô và Tào, đột nhiên tác giả lại « quẹo gắt » vào cuộc dạ yến Trường-Giang. Tào-Tháo ngồi trên đại thuyền, quan sát xong các thủy trại, thấy bốn bề phóng khoáng, trong lòng hết sức vui vẻ, nhớ đến những chiến công trước kia, rồi lại nghĩ đến thế mạnh hiện giờ, bèn sai quân sĩ bày tiệc rượu cùng quần thần yến ẩm. Hơi men ngà ngà, ông ta bèn bước ra mũi thuyền, gật gù đắc chí, cao vọng bình thơ vịnh phú. Tỳ tướng Lưu-Phước bước ra khò gián, liền bị ông ta bạt kiếm chém bay đầu. Tác giả tả thái độ kiêu căng ngạo mạn của họ Tào như sống, người đọc cảm thấy như con người của Tào đang hoạt động trước mắt mình. Cảnh này mới đọc qua tưởng như là thừa hư nhân bút. Nhưng sự thật là cả một dụng tâm tế nhị của người viết. Bạn đọc hẳn còn nhớ, trong những hồi này, tác giả đã dùng rất nhiều công phu, bút mực để miêu tả cuộc chuẩn bị chiến trận của Ngô, Thục, nhưng đối với Tào binh thì lại viết rất phớt. Đó tức nhiên không phải là một sự vô ý. Nay lại vẽ thêm cảnh dạ yến Trường-Giang, đem tất cả con người ngạo mạn, khinh địch của Tào-Tháo phô bày lên sách, rõ ràng là tác giả muốn « đề » một nét phục bút cho cuộc đại bại của quân Tào sau này vậy.

Châu-Du phóng lửa nơi bến Tam-Giang là cái gút của trận Xích-Bích, mà cũng là điểm phát triển tốt cùng của đoạn văn này. Nhưng trước khi

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

đưa đọc giả lên đỉnh chót vót của sự kiện, lên diềm cao tột của sóng gió, tác giả đã khéo léo dẫn dắt người đi tới lần lần với những lượn sóng nhỏ nhỏ, nhưng cứ nhồi lên mãi, lớn lên mãi, đề rồi, « ập » một cái, kết thúc « màn kịch » mau lẹ, nhưng không đột ngột giả tạo.

Sau bão tố trập trùng, bao giờ cũng còn rơi rớt dư ba dai dẳng, cũng như sau Xích-bích, nhất định phải có Huê-dung-dạo, v.v... Tác giả đã thấy được luật tất nhiên đó nên đã cẩn thận giao nhiệm vụ cho Triệu-Tử, Quan-Công, Trương-Phi, làm cho tình cảm độc giả được thỏa mãn đầy đủ.

Chặt chẽ, náo nhiệt, gây căng, dồn dập, phức tạp, khàn trương, nhẹ nhàng, ồ ạt, qui mô, đó là những khéo léo, những thủ pháp thần diệu của tác giả Tam-quốc khi tả trận Xích-bích, mà đó cũng là những điều kiện không thể thiếu được của một nhà văn khi tả những sự việc lớn lao.

Trong Tam-quốc diễn nghĩa, còn hằng trăm trận đánh lớn nhỏ nữa, mà trận nào cũng được tác giả miêu tả một cách rất tinh tế, linh hoạt, đặc biệt là không trận nào giống trận nào. Tỉ như trong lần bình định Nam - man, bảy trận bắt Mạnh-Hoạch đều bằng những mưu mô, bố trí khác lẫn nhau. Do đó, mặc dầu Tam-quốc diễn nghĩa là một bộ truyện chuyên về chiến tranh, từ đầu đến cuối, toàn những giặc và giặc, nhưng không chỗ nào làm cho độc giả cảm thấy khô khan, nhàm chán.



Nghệ thuật miêu tả nhân vật điển hình của tác giả Tam-quốc diễn nghĩa

thực đáng sắp vào hạng tuyệt luân. Trong truyện Tam-quốc, có đến trên 400 nhân vật. Thế mà người nào cũng đều được tác giả miêu tả một cách linh hoạt, như sống, như thật. Trong số 400 nhân vật ấy, hiện nay trên mấy chục người đã được « lưu danh thiên cổ ». Trong dân gian Trung-Quốc cũng như Việt-Nam, có thể nói không mấy ai là không biết Lưu-Bị, Tào-Tháo, Tôn-Quyền, Quan-Công, Khổng-Minh, Châu-Do, Triệu-Tử, Trương-Phi, Diêu-Thuyền, Lữ-Bố, Đồng-Trác, v.v...

Tất nhiên những người đó đều là những nhân vật lịch sử, có chép sẵn trong sử sách, chứ không phải hoàn toàn do tác giả sáng tạo ra. Nhưng, điều đó cũng không thể nào làm giảm được giá trị nghệ thuật tả người của tác giả. Bởi vì, như chúng ta đều biết, trong lịch sử Trung-quốc và Việt-Nam từ mấy nghìn năm nay, còn biết bao nhiêu những vị anh hùng hào kiệt công lao và sự nghiệp vĩ đại hơn những tay quân phiệt đời Tam-quốc rất nhiều, nhưng phần đông tên tuổi đã bị nhân dân quên lãng. Trong khi đó, những nhà quân sự, chánh trị đời Tam-quốc, sống cách chúng ta trên 1600 năm lại thường được nhắc nhở. Không ai có thể chối cãi được đó là do ảnh hưởng sâu đậm của Tam-quốc diễn nghĩa.



Đọc truyện Tam-quốc, chúng ta cảm thấy dường như những nhân vật thời ấy lúc nào cũng sống một cách hết sức khàn trương, tâm tư luôn luôn căng thẳng. Đời sống bình thường, riêng tư của những nhân vật trong truyện rất ít được

nói đến. Cơ hồ như họ chỉ quay cuồng theo chiến tranh, sống vì chiến tranh. Dưới mắt chúng ta, chiến tranh đã hiện ra với tất cả bộ mặt tàn ác, ghê tởm nhất của nó, mà trong đó, kẻ chịu đau khổ nhiều hơn hết vẫn là nữ giới.

Điêu-Thuyền đoan trang thùy mị, sắc nước hương trời, chỉ vì quyền vị của bốn vua quan, mà phải hiến thân làm công cụ cho cuộc tranh chấp đồ máu giữa hai phe Vương, Đồng.

Cam, Mi phu nhơn hiền hậu, thủy chung, cũng vì giặc giả mà bị Lưu-Huyền-Đức bỏ rơi giữa đám loạn quân như một manh áo rách cũ kỹ vô dụng. Về sau, Lưu-Bị còn kết hôn với Tôn-phu-nhơn, nhưng rồi cũng vì binh lửa mà phải đoạn tình chồng vợ.

Trong thời ly loạn, nhân nghĩa, ân đức không còn là những giá trị quý báu nữa. Cơ hồ như tất cả mọi hành động đều chỉ phục vụ cho một mục đích duy nhất: phải làm sao thắng được đối phương. Dù có phải chà đạp lên nhân nghĩa, thậm chí có chà đạp lên xương

máu của nhân loại cũng không sao! Miễn là người ta chiến thắng! Đọc Tam-Quốc, chúng ta đã thấy rõ hơn ở đâu hết những thực tế quá chán chường,

bỉ ối đó. Người ta đã tàn nhẫn sát phạt lẫn nhau, bội phản lẫn nhau để rồi đưa nhau tự khoe là nhân hậu, là tín nghĩa.

Lữ - Bá - Xa, con người chất phác, ân tình, và cả nhà, đã phải oan mạng dưới lưỡi gươm của Tào-Mạnh - Đức cũng chỉ vì cuộc đời mà giá trị tinh thần đã bị đảo lộn, người ta đã sống theo châm ngôn « thà phụ người chớ không để người phụ mình ». Nhưng chẳng phải chỉ có một Tào-Tháo mà đời sau đã gán cho hai tiếng « gian hùng » mới có những hành động phản phúc như vậy đâu.

Sự thật trong Tam-Quốc, phần nhiều những chánh khách

đều biết phản cả. Lữ-Bố phản Đồng-Trác; Lưu-Bị phản Viên-Thịệu, Lưu-Biên; Tào-Tháo phản Hiến-Đế; Khương-Duy phản Tư-Mã-Ý v. v...



Cho đến bao giờ, chiến tranh vẫn là tàn phá, lá giết tróc rùng rợn — Thành Kiến-An tráng lệ, thành Lạc-Dương nguy nga, v.v... đều vì binh lửa mà hóa ra tro bụi. Đồng ruộng bị phá tan hoang, thây người chết nằm như rạ. Đến nỗi hàng chục dặm không một bóng người, không một ngọn khói! Những cảnh núi xương sông máu không còn là những sáo ngữ của những nhà văn lắm tưởng tượng, mà đã thành những sự thật bi thương. Chỉ trong một trận đánh Đào-Khiêm để trả thù cha, Tào-Tháo đã giết đến mấy muôn người. Những trận Xích-Bích, « Thủy Yểm Thất-Quân », đại chiến Di-lăng v.v... số binh sĩ bị giết cũng đều lên đến hàng vạn, hoặc chục vạn. Và trong trận viễn chinh Nam-Man, thất cầm Mạnh-Hoạch, số người chết nhiều đến nỗi « quí khóc thần sầu ». Chính Khổng Minh, người chỉ huy cuộc chinh phạt, cũng phải ghê rợn vì những cuộc tàn sát quá hung bạo do mình gây nên.



Đọc hết bộ Tam-Quốc, chúng ta thấy hình như chỉ có Ngọa-Long-Cương là nơi phẳng lặng hơn hết. Gia-Cát-Lượng tưởng có thể sống yên nơi đây với những chuỗi ngày « thảo đường xuân thụ tức, song ngoại nhật hà tri. » Nhưng, nanh vuốt chiến tranh đâu có kiêng nể một ai.

Sau ba lần Lưu-Bị ân cần viếng thảo luận, Gia-Cát-Lượng đành phải đến đáp ơn tri ngộ, xuất sơn kết thúc cuộc đời « bó gối ca ngâm, tự ví như Quân, Nhạc », để « cúc cung tận tụy » cho

đến ngày chết đau thương trên Ngũ-Trượng-Nguyên.



TAM-Quốc diễn nghĩa chẳng những cho ta thấy được nghệ thuật tiểu thuyết siêu việt và ý thức chán ghét chiến tranh, mà còn bộc lộ khá rõ rệt tâm sự uất ức, bất mãn của tác giả.

Như trên chúng ta đã thấy, tác giả đã sống trong thời ly loạn và đã nuôi chí mưu bá đồ vương, nhưng tiếc vì không gặp minh chúa, hay gặp minh chúa mà không gặp thời, nên chí lớn không thành.

Trong khi đó, những người bất tài bất nọ, như Trương-sĩ-Thành, Châu-Nguyên-Chương, v.v..., kẻ thì nên danh một thời, người đã dựng xong nghiệp bá. Tác giả không phục những người đó. Họ nhiều lần vờ tiên sinh đến cộng sự, nhưng tiên sinh đều thối thác. Tác giả khao khát những vị anh hùng chân chính, thật sự hết lòng vì đại nghĩa kia! Chứ còn, những hạng như Trương-Sĩ-Thành, Châu-Nguyên-Chương, bất quá chỉ là những kẻ bạo ngược thay cho người bạo ngược, những kẻ gian hùng thế cho bọn gian hùng. Dưới con mắt của tác giả, họ chỉ là những Tào-Tháo, những Tư-Mã-Viêm, không hơn không kém.

Lớp người mà tác giả hăm mộ, ao ước, chính là bọn Trương-Phi, Quan-Công, Lưu-Bị, Khổng-Minh.

Phải có những hạng người đó, theo tác giả, mới cứu dân ra khỏi cơn lửa đỏ

dầu sôi, mới đánh đổ được sự áp chế nặng nề của bọn vua quan mục nát.

Trương-Phi trong lúc nổi giận đánh Đốc-Bru quả là một vị anh hùng cương trực, không biết sợ uy quyền nào cả. Nhưng Trương không phải chỉ là kẻ hữu dũng vô mưu. Lúc phục kích bắt Nghiêm-Nhan, cũng như lúc thủ Cồ-thành vẫn tội Quan-Vân-Trường, Trương-Dực-Đức đã tỏ ra là người đa mưu, và khẳng-khái ít ai bì kịp.

Quan-Vân-Trường cũng là một vị tướng dũng mãnh phi thường. Giữa chốn thiên binh vạn mã của 18 đạo lộ quân tại Hồ-Lao-Quan, chém Huê-Hùng rệu hầy còn nóng, trong khi bọn quan binh của Viên-Thuật chỉ là một lũ khiếp nhược vô năng Vân-Trường quả là tài ba tốt chúng.

Đối với những người như Hán-Hiển-Đế, Đào-Khiêm, Lưu-Biêu, Lưu-Chương, tuy tác giả không miêu tả thành những kẻ đại gian đại ác, nhưng dưới ngòi bút của tác giả, họ chỉ là những con người cần cỗi, vô dụng của tầng lớp quý tộc cũ, có cũng được, mà không cũng chẳng hại gì cho đời. Ngược lại, Lưu-Bị là người đã được tác giả hết sức chăm sóc, kẻ như là một nhân vật anh hùng đang hưng vượng, một lãnh tụ chánh trị và quân sự đầy đủ nhân nghĩa, hùng tâm và đại chí. Chí lớn đó đã được tác giả nói lên trong khi uống rượu tại nhà Lưu-Biêu. Lưu-Bị chỉ vì thấy bấp bề do lâu ngày không chinh chiến mà rơi lụy, than thở khôn cùng. Tác giả lại còn dụng công vẽ Lưu-Bị thành một lãnh tụ hết sức ái hộ dân chúng, khoan nhơn đại độ, biết dùng người đúng chỗ, mộ tài như khát nước. Lưu-Bị trong

Tam-Quốc chính là hiện thân của vị chơn chúa mà tác giả hằng mong hội ngộ.

Gia-Cát-Lượng cũng là nhân vật được tác giả đặc biệt chú ý.

Trong trận Xích-Bích, khi đề công miêu tả tỉ mỉ Tào-Tháo ngâm thơ trên sông Trường-Giang, Châu-Do tự đắc giữa Quần-Anh-Hội, tác giả không phải vì Châu, Tào, mà chính là vì Gia-Cát-Lượng mà hạ bút vậy. Đó chính là thuật « vẽ mây nầy trắng », mà nhà phê bình trứ danh Kim-Thánh-Thán đã viết một cách ngộ nghĩnh rằng : « Vẽ trắng mà không vẽ trắng. Không vẽ trắng mà vẽ trắng ». Thực vậy, trong bất cứ khoen xích nào của trận Xích-Bích, từ quyết sách chính trị cho đến chỉ đạo quân sự, tác giả đều cho ta thấy tài nhận xét, ước đoán của Gia-Cát-Lượng hơn hẳn Châu-Do, thậm chí còn miêu tả Không-Minh thành một nhơn vật có tài hô phong hoán vũ, điều mà Châu-Do không bao giờ có thể làm được. Châu-Do có biết đâu Không-Minh đã dùng kế « cầu gió đông phong » để gạt mình mà thoát thân ?

Không-Minh chẳng những là một người có tài an bang tế thế ; xoay chuyển càn khôn, mà còn là một người đức độ ôn nhu, trung thành cực điểm, « cúc cung tận tụy, đến chết mà thôi ». Ai đọc Tam-Quốc, đến lúc Không-Minh chết tại Ngũ-Trượng-Nguyên, không thể nào không rơi lệ xót thương. Đời sau, không một ai có thể hoài nghi lòng trung tuyệt đối của Gia-Cát-Lượng đối với Hán-Thục. Gia-Cát-Lượng chính là nhơn vật mà tác giả muốn trao gởi tâm sự của mình vậy.



Dĩ nhiên, vô luận Lưu-Bị, Quan-Công, Khổng-Minh v.v... đều phải được lịch sử xác định lại, nhưng trong đầu óc của dân chúng hiện nay, họ đều thành những nhân vật thân thiết và được dân chúng kính mến. Lưu-Bị tuy là giòng dõi vua quan (hoàng-thức), nhưng không ai vì thế mà oán ghét ông. Trái lại, dân gian chỉ coi ông là người bán giày xuất thân. Quan-Công là người đẩy xe, còn Trương-Phi là anh bán thịt heo, nhưng chính nhờ xuất thân nghèo khổ đó mà dân chúng cảm thấy thân thiết với họ.



TRUYỆN Tam-Quốc là một tác phẩm vĩ đại, thành công lớn lao về nghệ thuật, nhưng cũng có khuyết điểm. Đó là điều tất nhiên.

Thường thường, những đoạn miêu tả về đời sống bình thường rất thiếu phần tỉ mỉ, tế nhị, có khi quá thô. Lúc tả tình cảm hoặc tâm tư của con người, tác giả hay dùng thơ hoặc ngôn ngữ của cò nhân, thay vì tìm tòi những tình tiết thực tế trong đời sống. Bút pháp đó chẳng những không gợi sâu được trí tưởng tượng mà còn làm tình cảm của độc giả « chững » lại hoặc sụt xuống.

Tam-Quốc diễn nghĩa có ưu điểm là kết cấu hoành vĩ, lối kể chuyện điêu luyện, linh hoạt, từ hồi này qua hồi kia liên tục, chặt chẽ, nhưng lại phạm khuyết điểm là hay dùng văn biền ngẫu. Đó tự nhiên là không đẹp lắm.

Nhưng có người dựa vào đó mà cho rằng văn Tam-Quốc diễn nghĩa tầm thường quá. Nhận xét như vậy tưởng cũng chưa được sát lắm. Chúng ta đều biết truyện Tam-Quốc đã ra đời cách nay hơn 550 năm và ngay như bản do Mao-tôn-Cương hiệu đính và bình cũng cách nay 300 năm. Nếu chỉ dùng cặp mắt đời nay mà phê phán tác phẩm đời xưa thì e rằng quá khắt khe. Dĩ nhiên, nếu có chỗ dở, ta vẫn phải phê phán. Nhưng dưới thời kỳ mà văn bác cò và văn ngôn còn thống trị, dám dùng văn bạch thoại để viết truyện, La-quán-Trung quả là một nhà văn có óc sáng tạo mạnh mẽ vậy.

Về phương diện tư tưởng, tác giả còn mang nặng quan niệm chính thống, cho nên đôi khi vô tình hay cố ý xuyên tạc lịch sử. Sự ché khen thưởng hay thiên lệch. Do đó, đọc Tam-Quốc diễn nghĩa, ta không thể không thận trọng khi nhận xét hay phê phán được.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

✱ Người thủ lãnh không thể viện một lẽ gì để cho người ta làm nhục uy quyền ở nơi mình; uy quyền không phải là của bản thân mình; đó là hình thức cao cả và đặc biệt của « dịch vụ » mình; để cho người ta khinh lờn, tức là phản bội sứ mệnh và do đấy tự mình làm mất uy thế cùng tín nhiệm là những điều kiện tất yếu để hành động được kết quả. (Dunoyer de Segonzac).

HÁT QUAN HỌ

TRẦN-VĂN-KHÊ

Trong một cuộc hát thi hát giải trống quân, người hát không đối nhạc, chỉ đối lời. Trong một cuộc hát giải quan họ người hát phải đối nhạc. Hát trống quân không có lẽ lối nhất định và phức tạp như hát quan họ. Tuy cùng là một loại hát đối trong những dịp hội hè, hát quan họ phong phú hơn hát trống quân nhiều.

Không ai biết rõ trống quân xuất phát từ đâu, chứ quê hương quan họ chắc hẳn ở Bắc-ninh, một tỉnh đồng bằng Bắc-việt, cách Hà-nội độ 30 cây số, một tỉnh giàu nhất về các loại dân ca Việt-nam, một vùng có « núi Hồng-vân, có sông Tiêu-tương, có chùa Lim, có chợ Cầu. »

Quan họ do ai đặt ra và vào thời nào ? Tại sao lại gọi là quan họ ? Chưa ai trả lời được hai câu hỏi ấy một cách nhất quyết. Mấy nhà khảo nhạc Lưu-Khâm, Nguyễn-Đình-Tân, Nguyễn-Viêm sau khi sưu tầm, ghi chép và nghiên cứu trên

100 điệu trong 11 vùng có truyền thống hát quan họ thuộc tỉnh Bắc-ninh, đã gom góp các tài liệu về nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ trong quyển « *Tìm hiểu quan họ Bắc-ninh* ». Theo tài liệu ấy thì cách đây 12 đời (bao lâu ? lối 6, 7 trăm năm chẳng ?) có hai người làm quan trong triều, một người quê ở Diêm-xá (Lũng-giàng), một người quê ở Bự-sim (Tiên-du), đi lại chơi với nhau lúc tại triều như lúc về hưu. (1) Trong làng Diêm, làng Bự, ai có đám khao, cưới đều mời cả hai họ đến dự và những câu « hát đúm » đã có từ trước trong dân gian được đem ra cho « hai họ nhà quan hát với nhau ». Do đó, loại hát ấy gọi là *quan họ*, và có tục kết bạn trong làng quan họ hay tục hát quan

(1) Lưu - Khâm — Nguyễn - Đình - Tấn — Nguyễn-Viêm.— *Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh*.

Tạp San âm nhạc, Số 1 tháng 6, năm 1956, trang 17.

họ vào hội Diêm tháng 8, hội Bự tháng giêng âm lịch (1).

Có người bảo rằng hát quan họ ra đời cách đây lối 300 năm thuở Trạng Bự vinh qui về làng (2) hay là quân lính ông Trạng Bự « đi kéo gỗ trên ngàn về bị cạn » tại sông Tiêu-tương, « hò hát kéo gỗ rồi sau cứ lưu truyền mãi với tên quan họ. » (2) Có thuyết cho rằng hát quan họ có dính dấp tới mối tình giữa đôi bạn đồng song, cô Tuấn-Khanh một thiếu nữ giả trai đi học và chàng Sài-Chung, hay bắt nguồn trong khúc tình ca của chàng Trương-Chi, xấu trai mà hát giỏi, ôm khối tình tuyệt vọng mà chết vì tương tư nàng Mị-Châu con quan Tề tướng. (2)

Theo các thuyết ấy thì *quan họ* đều có nghĩa là hai họ nhà *quan* kết bạn hát chơi với nhau.

Cũng có thuyết cho rằng *quan* là *quan quân*, *họ* là *đứng lại*, vì thời xưa khi vua nhà Lý (8, 9 trăm năm nay) chạy giặc qua Bắc-ninh, nhân dân « hát dúm » cho *quan quân* « họ » lại, để vua chạy. Thuyết này không vững vì không giải thích hay chứng minh tục lệ kết bạn trong quan họ và về mặt ngôn ngữ, chữ « họ » dùng để nói về các thú vật như « họ trâu bò », đem dùng cho người, nhất là những ông quan thời xưa, liệu có đúng chăng ?

Ngày nay, quan họ là những bài tình ca hát ở các đám hội hè trong tỉnh Bắc-ninh. Người hát quan họ không chia ra làm nam phường và nữ phường như trong mấy cuộc hát trống quân. Một đoàn quan họ có cả Nam nữ do một người lớn tuổi và biết ca dẫn đầu. Người đó là

anh cả, hay chị cả quan họ. Những người kia tùy theo hát giỏi hay dở lấy tên là anh hai, chị hai, anh ba, chị ba quan họ. Muốn hát quan họ phải kết bạn. Muốn kết bạn phải mang trâu cau sang làng bạn để xin kết bạn (3). Nam kết với nữ, nữ với nam. Không phải bà đâu cũng hát quan họ đấy. Phải ở các hội hè, các buổi lễ khao, cưới xin hay trên mặt hồ. Phải ăn mặc đẹp đẽ, nói năng khiêm tốn (4) phải biết lẽ lối quan họ và thuộc nhiều bài hát. Người hát quan họ không phải sống về nghề hát, không thể gọi là người hát chuyên nghiệp. Nhưng không phải ai cũng hát được quan họ. Phải luyện giọng hát cho tốt, phải thuộc nhiều bài mới có thể đi hát giải. Phải biết sáng tác giọng mới, mới được gọi là anh hai, chị hai quan họ. Khi ra hát đối, mỗi bên đưa ra 2 người một người « dẫn » (chính) và một người « luồn » (phụ) (5). Hát quan họ có rất nhiều giọng mà đến nay các nhà khảo nhạc chưa sưu tầm và sắp loại một cách đầy đủ.

Theo tài liệu của các nhà khảo nhạc hoặc nhạc sĩ. Lưu-Khâm, Nguyễn-Đình-

(1) Lưu - Khâm — Nguyễn - Đình - Tấn — Nguyễn-Viêm. — *Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh.*

Tập San Âm nhạc. Số 1 tháng 6-1956 trang 17.

(2) Tập San Âm nhạc Số 1 tháng 6, năm 1956 trang 18.

(3) Lưu-Khâm Nguyễn-đình-Tấn Nguyễn-Viêm. *Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh.*

Tập san âm nhạc số 1 tháng 6-1956 trang 19

(4) Tập san âm nhạc số 1 tháng 6-1956 trang 20.

(5) Tập san âm nhạc số 2 tháng 7-1956 trang 11.

Tấn, Nguyễn-Viêm, Tú-Ngọc, Nguyễn-Đình-Phúc, thì quan họ có những giọng sau này :

1) Giọng *Là giăng* (Là rằng mà ngày xưa gọi là giọng *hừ là*) *đường bạn, tình tang, lên núi, xuống sông, cấy gao v.v...* là những giọng mà nhạc sĩ Nguyễn-Đình-Phúc cho là « thuần túy quan họ. » (1)

« *Hừ la vui vẻ thế này*

Hội nào bằng hội giăng già se dây ».

Mấy giọng đó các nhà khảo nhạc Lưu-Khâm, Nguyễn-Đình-Tấn, Nguyễn-Viêm, gọi rằng « giọng sông » hay giọng *đường trong*. (2)

2) Giọng *vật* (cũng gọi là giọng *vun*, giọng *đường ngoài* (2) khác với giọng sông ở chỗ bài ngắn hơn và không có *bỉ đầu* (introduction) như giọng sông (3).

Chị về dọn quán bán hàng,

Đề tôi là khách qua đường nghỉ chân.

Hay là

Đêm qua nguyệt đôi sao đời,

Nhớ câu gán bó nhớ lời giao đoan.

Ngày xưa đá tạc nền vàng

Mảnh gương còn đó, phím đàn còn đây (4)

3) Giọng *hăm*, giọng *ngâm* ngân nga nhiều thường có thêm mấy tiếng đệm, *i, a, ơi, v. v...* rồi chuyển sang một đoạn khác nhạc điệu vui vẻ hơn mà hát lên « *hăm hơi* » lại không ngân nga nữa.

« *Nhất quế nhị lan*

Nhất xinh, nhất lịch khôn ngoan trăm chiều.

Người khôn ai chẳng nâng niu,

Hoa thơm ai chẳng chặt chiu trên cành » (5)

4) Ngoài ra còn có những giọng mượn trong các điệu hát chèo (*giọng chèo, giọng bỉ*) *chầu văn* (giọng *văn*) hát lý (giọng *lý*) *ả đào* (giọng *ru*, giọng *huỳnh*).

Trong hát chèo có lối *via* để mở đầu cho các điệu khác như *via* « *Đường trường* », *via* « *Trấn thủ lưu đồn* ». Trong hát quan họ có giọng *bỉ* cũng ngân nga để mở đầu cho các loại khác. Giọng *bỉ* đi đôi với giọng chèo gọi là *bỉ chèo*, với giọng *hăm* gọi là *bỉ hăm* với giọng *lừng* gọi là *bỉ lừng* (6)

Trăng lên phỏng độ đường bao

Đào non sắp định nơi nao bây giờ.
(đoạn *bỉ*)

Chim bay cá lượn so le

Bóng trắng giãi tỏ cuộc se trên ghềnh
(*cành*). (5)
(đoạn *lừng*)

Chầu văn có điệu *Sơn-trang*. Hát quan họ có giọng *luyện Sơn-trang*. *Ả đào* có *cung Huỳnh* có hát *ru*. Quan họ cũng có giọng *huỳnh*, giọng *ru*.

(1) Nguyễn-Đình-Phúc. — Về các giọng quan họ. Tập san âm nhạc Số 4 — Tháng 10 tháng 11 năm 1956, trang 17.

(2) Lưu-Khâm, Nguyễn-Đình-Tấn, Nguyễn-Viêm. *Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh*. Tập San âm nhạc số 2 — tháng 7 năm 1956. Trang 11

(3) Nguyễn-Đình-Phúc. Tập San âm nhạc số 4. Trang 16.

(4) Tú-Ngọc. *Các giọng trong quan họ*. Tập San âm nhạc Số 3. Tháng 8 và 9 năm 1956. Trang 20.

(5) Tú-Ngọc. — *Các giọng trong quan họ*. Tập San âm nhạc số 4 — Tháng 8 và 9 năm 1956. Trang 21

(6) Tập San Âm nhạc số 4 Tháng 8 và 9 năm 1956. Trang 20.

HÁT QUAN HỌ

Tay tiên chuốc chén rượu đào,
Bỏ ra thì tiếc uống vào thì say.
Chén muối đĩa gừng.
Gừng cay muối mặn xin đừng quên
nhau.

(Giọng ru)

Các cụ già bảo rằng quan họ ngày xưa có 36 giọng (1). Ngày nay các nhà khảo nhạc đã ghi lại trên 200 bài quan họ khác nhau.

Hát chơi thì thường hát giọng vặt. Khi hát giải thì phải theo lề lối tức là bắt đầu hát cái giọng Là giăng (Hừ la) tình tang, lên núi, xuống sông, v. v... Rồi đến các giọng vặt, giọng vụn. Khi đêm về khuya mới hát đến giọng huỳnh, giọng hăm. (2)

Rồi lúc từ giả hát bài *Giã bạn*, tỏ tình quyến luyến nhau.

Chuông vàng gác cửa tam quan,
Đêm nằm tưởng nhớ người ngoan
tôi phiền.

Tìm tiên sao chả thấy tiên,
Người về đề lại lăm phiền cho nhau (3)

Cũng như đa số các loại dân ca Việt-Nam, câu hát quan họ là những câu thơ lục bát hoặc lục bát biến thể.

Ngoài những chữ dùng để ngân nga như *i, a, ư, ơ* người hát thêm những tiếng đệm như *ơ a, ối a, ấy a, này a, ai ơi, ô mầy, là rằng, tình rằng, tình tang, tình chung, tình bằng v.v...*

Như câu :

« Yêu nhau cởi áo cho nhau
Về nhà dỗi mẹ qua cầu gió bay. »

trong một bài quan họ biến thành câu.

Yêu nhau cởi áo (ơ a) cho nhau
Về nhà (dỗi rằng cha) dỗi mẹ (ơ...
ơ này a ối a) qua cầu (này a ối a qua
cầu... tình tình tình) gió bay tình tình
tình gió bay.

Hay là câu :

Có cái trống cơm
Khen ai khéo vỗ nên bông
Một bầy con nít lội sông đi tìm

trong bài quan họ trống cơm đã trở nên câu

(Tình bằng) có cái trống cơm
Khen ai khéo vỗ (ổ mầy bông) nên
bông (ổ mầy bông nên bông)

Một bầy (tang tình) con nít (một
bầy tang tình con nít) (ổ mầy lội lội) lội
sông (ổ mầy) đi tìm (em nhớ thương
ai) v.v...

Nhờ những chữ đệm chữ láy, lặp đi lặp lại như thế mà nhạc khúc và nhất là nhịp điệu hay tiết tấu của câu thơ lục bát được thay đổi luôn. Người hát quan họ lại phải sáng tác giọng mới, nhịp mới, hoặc « quan họ hóa » những giọng chèo, chầu văn, ả đào, hát lý nên giọng, điệu quan họ mỗi ngày một nhiều thêm và hát quan họ là một kho tàng vô cùng quý báu của dân ca Việt-nam.

Ba-lê, hè 1958

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Nguyễn-Đình-Tấn *Nâng cao và phát triển quan họ*. Tập san âm nhạc số 4 tháng 10 và 11 năm 1956 trang 18.

(2) Lưu-Khâm, Nguyễn-Đình-Tấn, Nguyễn-Viêm — Tập san âm nhạc số 2 — trang 11.

(3) Tú-Ngọc — Tập san âm nhạc số 3, trang 25.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHỮ HÁN

1. Thanh-hóa tỉnh tục lệ chí di.
2. Bắc-ninh tỉnh khảo dị.

TIẾNG VIỆT (Chữ quốc ngữ)

3. Lưu - Khâm — Nguyễn - Đình - Tấn — Nguyễn-Viêm.
Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh.
Tập San âm nhạc Số 1. Tháng 6 năm 1956. Tr. 17-21
Tập San âm nhạc Số 2. Tháng 7 năm 1956. Tr 11-15
4. Nguyễn-Đình-Phúc.— *Về các giọng quan họ*
Tập San âm nhạc Số 4, Tháng 10 và 11 năm 1956. Tr 15-17.
5. Nguyễn-Đình-Tấn.— *Nâng cao và phát triển quan họ.*
Tập San âm nhạc Số 4, Tr 18-20.
6. Phạm-Duy.— *Hát trống quân.*
Tuần báo « Mỏi ». Số 2. Năm thứ nhất — Ngày 29-11-1952.
7. Tú-Ngọc.— *Các giọng trong quan họ.*
Tập San âm nhạc. Số 3. Tháng 8 và 9 năm 1956. Tr. 19-21 ; 24-26.
8. Tử-Phác.— *Góp ý kiến về quan họ.*
Tập San âm nhạc, Số 4. Tr. 20-21.

TIẾNG PHÁP

9. Billet (A) *Deux ans dans le Haut Tonkin (Région de Cao-bằng)* Bulletin Scientifique. T XXVIII Lille 1895.
10. Bonifacy *Etudes sur les chants et la poésie populaire des Man du Tonkin.* Compte rendu analytique du Premier congrès international des Etudes d'Extrême - Orient. Hanoi 1903.
11. — id — *Etudes sur les coutumes et la langue des Lolo et des Laqua du Haut - Tonkin.* Bulletin de l'Ecole d'Extrême - Orient T. VIII.

12. Cordier (Georges) *Essai sur la littérature annamite. La chanson.* La Revue Indochinoise Janv. Fév. 1920.
13. *Dân ca Việt-nam* Recueil de chansons populaires du Vietnam (textes traduits en français et en anglais).
14. Deblenne *Mission lyonnaise (Récits de voyage).*
15. Dumoutier (Gustave) *Les chants et les traditions populaires des Annamites.* Paris. E. Leroux 1890.
16. Durand (Maurice) *La Fête de la mi-automne.* Deux textes de Phan-Kế-Bính et de Ed. Nordemann traduits et annotés par M. Durand — Extrait du Bulletin Dân Việt-nam. N° 1 Mai 1948 Hà-nội 1948.
17. Granet (Marcel) *Fêtes et chansons anciennes de la Chine.* Paris E. Leroux 1919.
18. Knosp (Gaston). *Histoire de la musique de l'Indochine.* Encyclopédie de la musique et Dictionnaire du conservatoire. Paris. Delagrave 1922. T5. pp. 3100 — 3146.
19. Legendre (A) *Le Far-West chinois. Deux ans au Se. Tchouen.* Paris 1905.
20. Nguyễn-Văn-Huyền. *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam.* Paris 1934. Librairie Orientaliste Paul Genthner.
21. Orband (R).— *Les fêtes de Huế.* B.A. V.H. (Bulletin des Amis du Vieux Huế. Avril-Juin 1916.
22. Schaeffner (A).— *Origine des instruments de musique.*
23. Trần-Văn-Khê.— *La musique Vietnamiennne traditionnelle* (Thèse soutenue en Sorbonne le 12 Juin 1958.)
24. — id. — *Place de la musique dans les classes populaires au Việt-nam* (Thèse complémentaire).

HÁT QUAN HỌ

25. — id. — *La musique Vietnamienne*.
(Article publié dans l'Encyclopédie
de la musique (Fasquelles Editeur)
(en préparation).

VÀI DĨA HÁT

— Cò lả.

1. Dĩa « Việt-nam » 3183-P. 20.243.
Cô Ai-Liên hát Cò lả.
Đàn phụ họa. Nhị (Cò).
Nguyệt (Kim).

Trước khi hát cò lả, cô Ai-Liên hát ví
mấy câu. Từ lúc bắt đầu Con cò, cò bay
lả... v.v... mới vào điệu cò lả.

2. Dĩa « Tiếng Hát Việt-nam. » V.N 0006
— D.C. 1002.
Điệu cò lả. Lời mới.
Cô Thương-Huyền ca.

— Trống quân

3. Dĩa « Institut de Phonétique 3494 ».
Trống quân — Thu thanh nhân dịp
đấu xảo thuộc địa năm 1931. Người
hát rất kém và tiếng gõ nhịp thể
tiếng trống quân cũng sai.
4. Dĩa « Odéon » Số: 57.605.
Trống quân: « Tiểu-Lâm ».
Tiếng trống thay trống quân đúng
nhịp nhưng người hát không hay.
5. Victor 40.143. A 1 và Victor 40.143. B.2.
« Trống quân Kiện anh Móm. »
Độc ca có trống nhịp theo.
Hát đúng mà không hay. Cuối mặt
thứ hai, khi đến câu chót người
hát lên giọng một bậc. Đó là do ý
riêng của người hát chứ không phải
trong lề lối trống quân.
6. Dĩa hát « Le chant du monde. » Số
L.D.Y 4046 mặt thứ hai Y.E.L. 636-45
mặt thứ nhì — bài thứ ba.
Giọng trống quân. — Lời mới.
Người hát hay. Ngoài tiếng trống
tiều cò thay tiếng nhịp trống quân
có đàn nhị (cò) và hồ (gáo).

7. Dĩa « Việt-nam Số 3175. » — P 20.244.
Trống quân đối đáp.
Hát đúng và hay. Đàn phụ họa: Sáo,
Nhị (Cò) và Nguyệt (Kim). Thế vào
tiếng trống quân có tiếng nhịp vào
thùng đàn kim.
Việt-nam Số 3176 — P 20.242.
Trước khi hát trống quân có một
đoạn ngâm Sa mạc.

— Quan họ (Tất cả các đĩa hát quan họ đều đúng và hay).

8. Dĩa hát « Le chant du monde » Số 1.
D.Y. 4046 mặt thứ nhất Y.E.L. 635-45
bài thứ nhì. « Thỏa nỗi nhớ mong »
quan họ (giọng hãm).
Độc ca có tiếng Sáo phụ họa.
9. Dĩa Le chant du monde L.D.Y.
4046 mặt thứ nhất.
Bài thứ ba! « Ngồi tựa mạn thuyền. »
(Trên nhãn đề là « Cáp nòn đợi đồ »
nhưng thật là bản « Ngồi tựa mạn
thuyền. » (Là giằng).
Độc ca — Sáo, Tam, Nhị (Cò), Hồ
(Gáo) và nhịp sanh phụ họa.
10. Dĩa hát « Le chant du monde » L.D.
Y. 4046 mặt thứ hai Y.E.L. 636-45.
Bài thứ nhất. « Trèo lên quán giốc »
(Quan họ).
Độc ca nam nữ — Sáo, Tam, Nhị
(Cò), Hồ (Gáo) và nhịp Sanh phụ
họa.
11. Dĩa hát « Le chant du monde » L.D.
Y. 4046 mặt thứ hai Y.E.L. 636-45.
Bài thứ hai. « Cáp nòn đợi đồ »
(Quan họ).
Độc ca. Nhị (Cò) Hồ (Gáo) và nhịp
sanh phụ họa.
12. Dĩa hát Việt-nam 3184 — P. 20245-19.
Quan họ. « Ngồi tựa mạn thuyền. »
Độc ca. Sáo, Nhị (Cò) và Nguyệt
(Kim) phụ họa.
Bắt đầu có ngâm mấy câu Sa mạc
rồi bắt qua quan họ bài « Ngồi tựa
mạn thuyền. »

Một điều mong mỗi :

Chúng tôi chỉ ghi lại những đĩa hát mà chúng tôi được nghe qua. Còn rất nhiều đĩa hát trong loại dân ca mà chúng tôi không biết số và chưa được nghe. Các bạn đọc có dịp nghe đĩa hát về các loại dân ca hoặc nhạc cổ Việt-nam, ghi tên đĩa số đĩa loại hát, người hát và đàn phụ họa cho chúng tôi thêm nhiều tài liệu thì chúng tôi rất cảm ơn.— Đề tiện việc sắp loại xin các bạn ghi như sau đây.

1. Hiệu đĩa.— (Béka, Asia, Columbia, Việt-nam v.v...)

2. Số đĩa (Numéro). Có 1 số đĩa và 1 số matrice. Xin ghi cả các số.

3. Tựa đĩa. (Thi dụ : Triệu-Tử đoạt Ấu chúa).

4. Loại. (Hát bội — Hát cải lương — Hò v.v...)

5. Tên người hát. Nếu không có tên trên nhãn thì các bạn nghe **mấy** giọng nam **mấy** giọng nữ.

6. Có Đàn gì ?

7. Đĩa đó ở đâu có ? (Đài Phát thanh, Tư nhân, hay ở trong một bảo tàng viện nào).

Chúng tôi xin cảm ơn các bạn trước.

Nói đúng chốt là trí, làm đến cùng là nhân

Tử-Lộ vận quần áo rất sang vào chào Không-Tử. Không-Tử nói :

— Do làm gì mà ngồng nghênh như thế ? Ôi, cái sông kia, bắt đầu phát ra từ Miên san, thì nguồn gốc chỉ có thể đầy được một chén. Kịp khi ra tới sông, nếu không có thuyền, và không kiềng sóng gió thì không có thể lội qua được. Đó há phải là nước ở hạ lưu nhiều ? Nay nhà người ăn vận sang trọng như thế, mặt mũi đầy đủ như thế, thì thiên hạ còn ai chịu bảo người những điều lầm lỗi nữa ?

Tử-Lộ ra, thay đổi quần áo, rồi lại vào ngay. Không-Tử bảo :

— Do, nhớ lấy, ta bảo cho người : Cố làm ra ở lời nói, ấy là hoa hòe, cố làm ra ở việc làm, ấy là khoe khoang. Ôi, ngoài mặt khôn mà không có tài năng, ấy là tiểu nhân vậy. Cho nên người quân tử cái gì biết thì bảo là biết, đó là cái chốt của sự biết ; cái gì không hay thì bảo là không hay, đó là tận cùng của sự làm. Nói đúng chốt là trí, làm đến cùng là nhân. Đã nhân lại trí, sao lại không đủ được ?

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

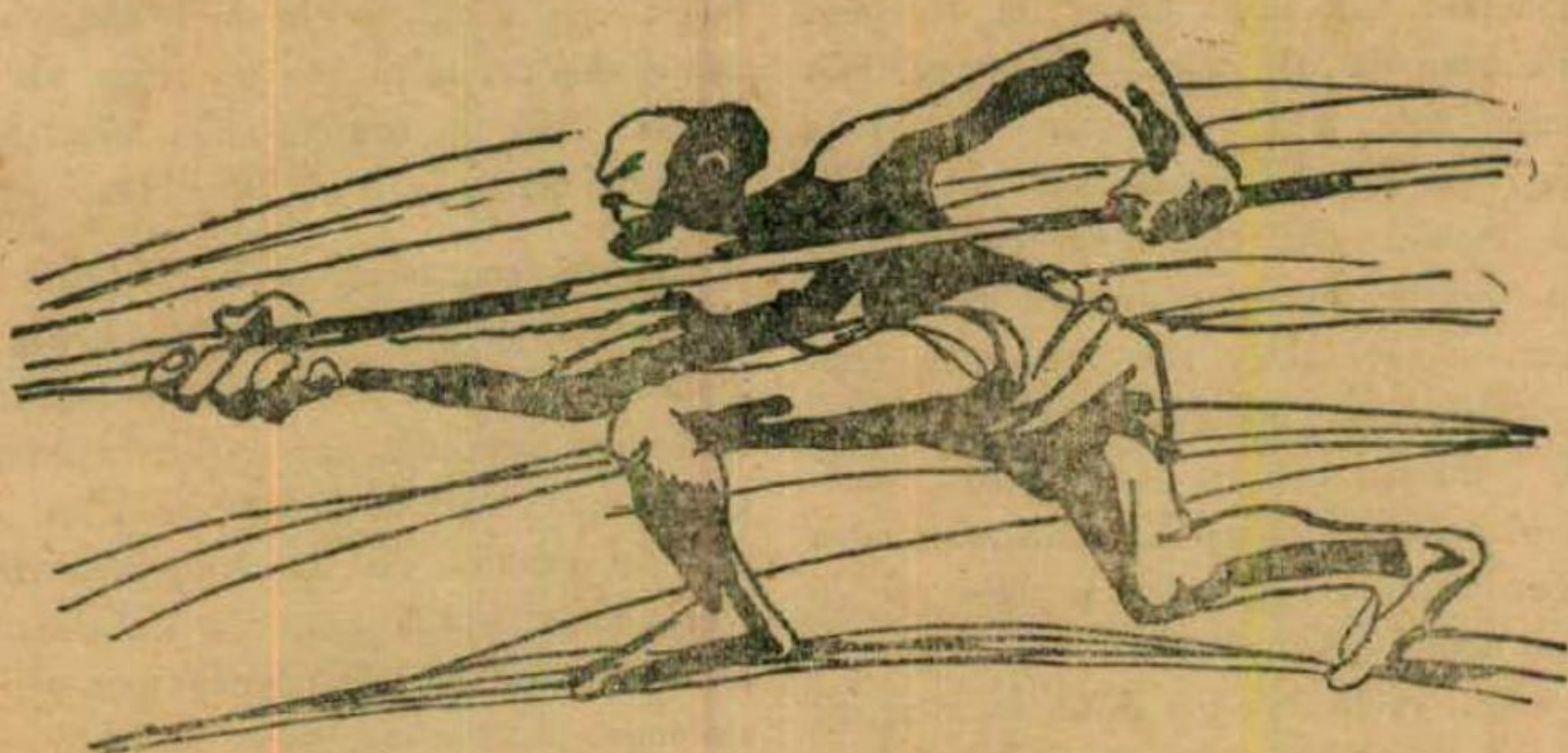
NHẠC JAZZ

Sóng cuộn trùng dương
Nhạc suối pha lê tan vỡ
Chảy ngập mùa thu chìm sương
Mi kinh thành, khép trên rèm cửa
Khu phố không lỗ lạnh cô đơn
Tiếng nhạc buồn đi lang thang
Lê trên bến tàu buồn tênh
Lũ người say men trùng dương
Gục bến xác tàu rỉ mồn

Vun vút nhạc lên
Cuồn cuộn triều dâng
Từng cột đèn cong cong
Nhịp tay nào lượn sóng
Mái nhà nức nở
Trong bức họa
Dâm nàng nhảy múa
Dáng vội vàng
Tuổi xanh
Máu lên nhịp
Môi hồng



Chiều ngủ lịm trong tiếng nhạc
Không gương day
Tay để mê
Nhu hương hờ
Màu đỏ hôm nay hấp tấp
Màu xanh ngày mai sáng tươi
Vũ trụ - Con tàu vui
Người - Thủy thủ yên đời
Ca hát trên biển cả
Gió tình thương lên rồi
Đi trên màu sắc
Nốt nhạc cơn bão lốc
Quán rượu nhỏ
Như con tàu say
Biết về đâu chiều nay...



MÚA GẬY VU'Ò'N HÒANG

(Tôi chân thành cảm tạ người đã làm cho
tôi nghĩ đến chuyện ông Năm Hên).

LƯU-NGHI

VÙNG Tam-châu có ấp Nura, ấp Bún. Dân cư kẻ cũng đến cả nghìn. Ruộng đồng kẻ cũng khá rộng. Nhưng, nói đến ấp Nura, ấp Bún là phải nói đến ông Năm Hên. Lễ thứ nhất : nhà ông Năm Hên gần liền với một ngôi chùa nhỏ thờ ông Quan Công, thờ Tam-Quốc. Lễ thứ hai : con gái ông Năm Hên hơn mười bảy cái xuân xanh, nổi tiếng đẹp nhất vùng. Còn lễ thứ ba : ông Năm Hên là người giỏi võ.

Cũng là dân làm ruộng dầu tắt mắt tối, có làm thì có ăn, không làm thì có thè dôi. Nhưng, dân cư trong vùng

vẫn kính nể ông Năm Hên, vì lẽ trong cái gia đình nghèo khó ấy, có cả tài lẫn sức.



NGÀY xưa, thời còn trai trẻ, ông Năm Hên làm nghề đốn củi trên rừng già. Cha mẹ ông là ai, không ai biết. Người ta chỉ biết rằng gã tiểu phu ấy có một sức mạnh phi thường, làm lụng cực nhọc, đem mồ hôi đổi lấy bát cơm. Gã nhập đoàn với những người đốn củi rừng già, như một gã thợ rừng tầm thường, bình dị.

Một hôm, từ khu rừng già lâu nay vẫn yên lành, bỗng xuất hiện một con mãnh hổ. Con mãnh hổ ấy bị đui một mắt, hung dữ vô cùng. Chỉ trong một khoảng thời gian vừa giáp một mùa trăng, con hồ đui ấy đã bắt mất những bốn người đốn củi. Thật là một tai họa. Cái tai họa tày trời đó làm hoang mang, khủng khiếp cả giới tiểu phu. Họ vào rừng, buổi sáng, không yên tâm như trước. Họ ra khỏi rừng, buổi chiều, mới biết rằng họ còn sống đến ngày mai. Chẳng mấy ai dám đi lẻ từng người, hay về muộn khi mặt trời đã chết. Hình ảnh con mãnh hổ hung dữ kia cứ đập chồn ngự trị trong cây rừng, suốt núi, làm cho mọi người mãi lo nghĩ đến cảnh chết bất đắc kỳ tử, thề xác bị xé ra từng mảnh, để lộ quạ đen đến rĩa lẫn từng lông tay, từng con mắt. Ai cũng rùng mình tưởng tượng một ngày nào không biết trước, khi phần hồn của họ đã phiêu diêu tận cõi hư vô, phần xác của họ chẳng được chôn liệm chu tất dưới một nấm mồ ấm áp.

Lo sợ thì vẫn lo sợ. Nhưng vào rừng đốn củi vẫn phải vào rừng đốn củi. Làm tiểu phu mà không đi củi thì lấy gì mà đòi bát cơm, manh áo !

Thế rồi, một trong những đoàn người đi củi, một buổi chiều kia, gặp con mãnh hổ chặn đường về. Mặt trời đã rụng sát chân mây. Chút nắng hoe vàng muốn nhạt màu trên những đầu cây lớn. Đoàn người phải tìm mọi cách thoát khỏi núi rừng trước khi trời tối. Nhưng con mãnh hổ, có lẽ đang khát máu và thêm mồi, cứ bám theo họ... rồi sau cùng vỗ lấy đoàn tiểu phu. Dù muốn, dù không, họ cũng phải

tự vệ. Cuộc xô sát thật là quyết liệt, kéo dài đến khi trời tối hẳn từ lâu. Kết quả : con mãnh hổ bị giết chết, một người đốn củi bị vỗ lòi cò họng, và hai người khác bị thương khá nặng. Một trong hai người ấy là gã Năm Hên.

Cái tin con mãnh hổ bị giết chết làm cho cả giới tiểu phu vui mừng không tả xiết. Sự vui mừng chan hòa với một niềm kính phục, kính phục người đã hạ sát được con ác thú. Người đó là Năm Hên. Từ ngày ấy trở đi, cái tên Năm Hên được truyền khẩu từ khu rừng này đến khu rừng khác. Và gã Năm Hên, người tiểu phu có sức mạnh phi thường, được gọi thêm một tên nữa : Năm Hên võ sĩ.

Năm Hên võ sĩ vẫn tiếp tục đời sống tiểu phu như cũ. Nhưng, không phải là một tên Năm Hên vô danh tiểu tốt trong đám người đốn củi khổ nghèo. Người ta nhắc đến tên gã như nhắc đến một vị thần linh đã cứu vớt đời sống trong giới tiểu phu khỏi cảnh ngặt nghèo, nguy khốn.

Năm Hên võ sĩ ít nhắc lại cái thành tích có một không hai trong khu rừng rộng lớn. Thỉnh thoảng, có người hỏi kỹ, gã mới nói qua loa rằng gã có học võ với một ông Thầy, ở một ngọn núi cao. Ông Thầy ấy tên gì ? Ngọn núi ấy ở đâu ? Không nghe Năm Hên nói tới rõ ràng. Có kẻ cho là Năm Hên dấu nghề. Hoặc giả chẳng có ông Thầy, chẳng có núi cao nào cả ? Nhưng dù Năm Hên có dấu nghề, hay Năm Hên có nói sai sự thật, Năm Hên vẫn được coi trọng như thường. Vì, gã tiểu phu tầm thường, bình dị ngày mới nhập đoàn, nay đã trở nên người thợ rừng tên tuổi ; mà đã là người có tên tuổi,

có chút thành tích về vang, đang giúp ích được mọi người thì chẳng mấy ai muốn vạch lá tìm sâu, manh tâm hạch sách chuyện nhỏ mọn.

Ai cũng muốn nhập đoàn cùng Năm Hên, ai cũng tỏ ra tốt lòng tốt bụng với gã cả. Kề cũng xứng đáng. Có Năm Hên vào rừng y như rừng già trở nên bình yên vô sự. Tựa hồ Năm Hên đã chế ngự được cả thiên nhiên và ác thú. Có người lại táo bạo nghĩ rằng dù có năm mươi con hồ xông ra, cũng chẳng đáng sợ một tí nào... Sự tin tưởng của mọi người đối với Năm Hên quả là vô bờ bến.

Nhưng, một ngày, rồi hai ngày, rồi năm ngày... nửa tháng, không thấy Năm Hên vào rừng đi củi. Nhiều người lấy làm lạ và lo âu, lo cho Năm Hên thì ít mà lo cho họ thì nhiều. Sau không bao lâu, giới tiểu-phu tìm hiểu và hiểu ra rằng: Năm Hên đã phải lòng một cô gái miền xuôi, và theo người con gái ấy xuống đồng ruộng. Nghe đâu Năm Hên thương yêu người con gái ấy nhiều lắm, và Năm Hên bị bắt buộc phải từ bỏ nghề đi củi giữa rừng già mới chịu cưới hỏi nên vợ nên chồng. Nghe chuyện ấy, có người giễu cợt:

— À, thì ra ái tình có sức mạnh hơn voi, hơn cọp. Ái tình đã chiến thắng Năm Hên.

Lời giễu cợt ấy thế mà thật, thật cho Năm Hên mà cũng thật cho nhiều người khác.

Có người hỏi:

— Ai biết nàng con gái ấy thế nào?

Có người đáp:

— Nàng con gái ấy đẹp như một nàng tiên, da trắng mịn như trứng gà bóc, mũi sọc dừa và có đôi má núm đồng tiền.

Lại có người hỏi:

— Thế Năm Hên theo người con gái ấy về đâu?

Lại có người đáp:

— Nghe đâu cả hai người xuôi về đồng ruộng vùng Tam-châu.

— Vùng Tam-châu ở đâu thế nhỉ?

— Đó là một vùng ruộng tốt, dân lành, cách khu rừng này chừng một ngày đường, qua cái đèo ông Gấm.

Giới tiểu phu chỉ biết chừng ấy chuyện về gã Năm Hên.

Biết đề tường nhớ một người đã giúp họ lòng tin mà an cư lạc nghiệp giữa nơi rừng sâu núi thẳm này. Chứ dù có luyến tiếc mười mươi đi nữa, gã Năm Hên cũng đã từ bỏ cái nghề đốn củi rồi. Người con gái đẹp như nàng tiên ở miền đồng ruộng đã cướp mất vị thần linh của họ.

Đối với núi rừng quen thuộc, đời tiểu phu của Năm Hên đã chấm dứt.



NHUNG, đời của Năm Hên lại bắt đầu trên đồng ruộng, vùng Tam châu. Cũng tầm thường, bình dị như ngày Năm Hên mới nhập đoàn đốn củi.

Một túp nhà mái lá, năm bảy sào ruộng hai mùa lúa chín, đôi vợ chồng son trẻ làm việc quần quật suốt ngày. Cuộc đời, tuy thế, cũng đẹp như một đêm trăng.

Túp lều của vợ chồng năm Hên dính liền với một ngôi chùa nhỏ, dựng lên từ lâu lắm do lòng tín ngưỡng của dân làng. Ngôi chùa ấy thờ Ngài Quan-Công. Cũng có Châu-Xương, Quan-Bình hầu cận hai bên. Toàn là thứ tượng nặn bằng đất sét, quét sơn màu. Nhưng, dân vùng Tam-châu, cả ấp Nưa ấp Bún đều đến lễ bái thường xuyên ngày rằm, mồng một. Họ tin rằng nhờ Ngài mà ấp trại bình an vô sự, mà lúa chín đầy đồng, mà ăn no, mặc ấm. Cái túp lều nhỏ mà vợ chồng Năm Hên đang ở chính là mái nhà của người chủ họ vợ Năm Hên. Ông này vốn làm ông từ giữ chùa từ mấy mươi năm về trước. Ông này chết đi. Người cháu họ thừa hưởng chút gia tài nhỏ mọn ấy.

Từ ngày Năm Hên về chung sống trong túp lều, gã mặc nhiên trở thành kẻ hương khói cho Ngài Quan - Công. Thực ra, cái chức từ giữ chùa, một ngôi chùa nhỏ như cái am chẳng lấy gì làm vinh dự. Lợi lộc không có là bao. Chẳng mấy ai tranh giành cho một. Năm Hên hay một người nào đó có hương khói cho Ngài Quan-Công, thì cũng chỉ là một kẻ giữ chùa không tên không tuổi. Chút thành tâm thiện tín đối với Thánh, Thần đâu có phải chuyện hiếm có trong dân gian đồng ruộng. Thành ra đôi vợ chồng Năm Hên sống an phận thanh bần với cái chức vụ nhỏ nhen ấy một thời gian lâu lắm. Rồi vợ Năm Hên sanh hạ một mụn con. Con gái, giống mẹ như khuôn đúc, càng lớn trông càng xinh. Mới chừng năm sáu tuổi mà đã mặn mà, sắc sảo. Chỉ phải một điều không được đẹp ý mọi người : ấy là cái tên của cô bé : Cái Tọ.

— ... Có hại gì. Người đẹp rồi tên cũng sẽ đẹp. Đặt cái tên xấu háy thế mà dễ nuôi.

Vợ chồng Năm Hên thường bảo mọi người như vậy.



RẦM tháng mười năm ấy, dân vùng Tam-Châu cúng lễ Ngài Quan-Công rất trọng thể. Gọi là cúng tạ Thánh Thần giúp họ được một mùa chiêm khá quá. Người làm ruộng ấp Nưa, ấp Bún đều có mặt vào lễ giờ Ngọ. Nào là chè, là chuối, là gà vịt, heo quay. Thực ra, họ đến đây trước là cúng Ngài, sau cũng là ăn một bữa cỗ ngon, như ngày Tết.

Túp lều của vợ chồng Năm Hên nhỏ quá, không chứa hết nhiều người. Nên Năm Hên đã đi mượn mười mấy cái nong to che thành một cái trại, làm rợp mát cả cái sân con và lén xuống một phần đám ruộng. Mười mấy cái nong khác lại vạt ra trên nền đất. Đó là bàn tiệc của người làm ruộng.

Lễ bái xong. Mọi người sửa soạn ngồi vào bàn tiệc.

Chợt nghe một tràn cười rộn rã vang dậy trước cửa ngôi chùa. Mọi người đều quay nhìn. Lúc bấy giờ, mọi người mới để ý đến gã thanh niên vạm vỡ ấy. Có người thấy gã đã đến từ lâu, ai cũng ngỡ gã là người trong vùng. Nhưng khi nhận mặt, thì hóa ra là một kẻ lạ.

Gã thanh niên ấy cao lớn, mạnh mẽ, ăn mặc tầm thường, đội nón lá, tay đeo một cái bọc vải nhỏ. Có người hỏi :

— Này, tại sao người cười như thế ?

Lại có người hỏi tiếp :

— Này, chứ người ở đâu đến đây, và đến có việc gì ?

Gã thanh niên ấy yên lặng một lát rồi trả lời :

— Tôi là kẻ qua đường, thấy các ông các bà lễ bái, tôi ghé lại xem. Tưởng là thờ cúng Thần, Thánh nào. Té ra, các ông các bà thờ ông Quan-Công. Ai lại đi thờ ông Quan-Công...

Rồi gã lại phá lên cười rần rật. Quả là ngạo mạn. Quả là coi thường cả thánh cả thần. Ông già, bà lão trở mặt nhìn gã, tức giận vô cùng. Mọi người vây quanh gã mà hỏi dồn :

— Này, chứ anh là ai mà dám xúc phạm đến Ngài ?

— Này, chứ anh là ai mà đến đây chê trách sự thờ cúng của chúng tôi ?

Gã thanh niên vẫn điềm nhiên, trả lời chậm rãi :

— Tôi không dám chê trách các ông, các bà. Nhưng, tôi là người ngay thẳng, tôi muốn nói chút sự tích ông Quan-Công cho các ông, các bà nghe chơi. Mà các ông, các bà muốn nghe thì tôi mới nói.

Có người đáp :

— Ừ, thì nói đi nghe thử nào ?

Gã thanh niên ấy nói :

— Tôi muốn nhắc lại cái thời Quan-Công phò nhà Hán. Thời đó, có hai kẻ nghịch thù là Ngô-Tôn-Quyền và Tào-Tháo. Quan-Công được phái ra chiếm giữ Kinh-châu, và có dịp là phải diệt cho được cả Tôn-Quyền và Tào-Tháo. Khổng-Minh có hỏi Quan-Công rằng: « Ngài giữ Kinh-châu bằng cách nào ? ». Quan-Công trả lời : « Ta giữ Kinh-Châu với binh lực

của ta. Binh lực của ta, nào ai thắng nổi ? » Khổng-Minh đáp : « Nếu quả vậy thì Ngài sẽ mất Kinh-Châu. Tôi xin có lời khuyên Ngài : Đông-hòa-Ngô, Tây-phật-Bắc-Ngụy, thì Ngài mới thắng được. » Quan-Công chỉ mỉm cười, tự tin ở sức mạnh quân binh.

Có người hỏi ngang :

— Thế có gì mà anh cười và dám xúc phạm đến Ngài ?

Gã thanh niên lại nói tiếp :

— Chuyện hay là ở đoạn sau... Trong lúc đó, Ngô-Tôn-Quyền cũng thấy rằng một mình e không đánh nổi cả hai bên, nên muốn cầu hòa với binh lực của Quan-Công. Ngô-Tôn-Quyền bèn cho Sứ-Thần đến Kinh-Châu xin yết kiến, tỏ ý muốn gả con gái của mình cho con trai của Quan-Công, để làm sui hai họ. Nhưng Quan-Công trả lời rằng : « Con ta là cốt cọp đâu có kết hôn với cốt chó. » Rồi đuổi Sứ-Thần của Ngô-Tôn-Quyền về.

Có người lên tiếng :

— Như vậy là chí lý chứ sao ?

Gã thanh niên vẫn điềm nhiên nói tiếp :

— Đó không phải chí lý với Tôn-Quyền. Nên Tôn-Quyền tức giận. Tức giận, nhưng biết rằng không đánh lại binh lực của Quan-Công. Tôn-Quyền phải dùng mưu khác.

— Mưu gì ?

— Tôn-Quyền đem tiền mua chuộc những tên quân canh gác những trạm phóng hỏa. Những trạm phóng hỏa này, dựng dọc con đường từ biên giới về đến Kinh-Châu, dùng để đốt lửa báo nguy khi địch quân muốn tiến đánh. Vì thế, Tôn-Quyền

đem binh mã tiến đến Kinh-Châu mà Quan-Công không hề hay biết. Quân sĩ của Quan-Công không kịp trở tay, bị thất trận nặng nề. Và Quan-Công bị Tôn-Quyển bắt sống, chặt đầu.

Có người chửi thăm :

— Quân vô thần vô thánh. Quân trời đánh thánh vật.

Gã thanh niên, hình như nghe lời mắng xia vào mình, chợt nghiêm nét mặt :

— Cũng có thần, có thánh, chứ sao lại không. Nhưng sao lại đi thờ cúng ông thần ông thánh kiêu căng đến mức đó ? Thần thánh gì mà lại hợm hĩnh, khinh người như thế ? Mất Kinh-Châu, bị chặt đầu là phải...

Trước lời nói ngang xẵng của gã thanh niên, ai cũng tức giận đến đỏ cả tròng con mắt. Mọi người vây quanh gã, định hành hung, để bảo vệ uy thể của Quan Ngải, vị thần linh đã phò hộ cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của họ qua bao nhiêu ngày tháng. Nhưng, ông Hương Nhung vội xen vào giữa đám đông, nói rộng mọi người, rồi nói nhỏ :

— Thôi thằng đó là thằng điên mà. Mặc hăn muốn nói thế nào thì nói. Này, hăn là thằng giỏi võ nhất vùng Khương-Mỹ đấy. Nói xuôi cho hăn đi nơi khác là hơn. Tránh voi có xấu mặt nào. Bà con nghe tôi đi.

Từ khi gã thanh niên ấy bắt đầu kể sự tích ông Quan Công, Năm Hên đã nghe rõ mồn một không sót một lời nào. Năm Hên cũng tức giận như mọi người. Hơn mọi người nữa là khác. Năm Hên là người hương khói cho Ngải Quan Công, không phải chỉ giữ gìn mấy cái tượng

bằng đất sét, mà chính Năm Hên đã tự đảm nhận trách nhiệm bảo vệ một vị thần che chở, phò hộ cho cả nghìn dân ấp Nura, ấp Bún. Lời xúc phạm của gã thanh niên kia như nước lá tát vào mặt mọi người ; riêng Năm Hên cảm thấy như tát thẳng vào mặt mình nhiều hơn. Đến khi nghe ông Hương Nhung tỏ ý giải hòa, chịu nhận nhục để tránh sức mạnh, Năm Hên đỏ phừng cả mặt, xông thẳng đến trước mặt gã thanh niên. Trong phút chốc, mọi người gian rộng cả ra, chừa một khoảnh đất trống. Trong khoảnh đất trống ấy chỉ còn lại hai người, nhìn nhau không nháy mắt. Năm Hên lên tiếng trích thượng :

— Này, đi chỗ khác mà ăn xàm nói tục. Cút đi.

Người thanh niên ấy nhếch mép cười ngạo mạn. Gã đặt cái bọc vải nhỏ xuống đất, quăng cái nón lá về đằng sau, vòng tay trước ngực :

— Chà đi đâu cả. Làm gì thì làm thử nào ?

Mọi người đều sợ hãi. Riêng ông Hương Nhung sợ hãi hơn hết cả. Ông chạy qua chạy lại, vẻ mặt hốt hoảng, lôi người này, kéo người kia, bảo mau mau vào can gián Năm Hên.

— Điên quá, điên quá... Hăn đánh chết Năm Hên bây giờ.

Trong vòng đất trống, trước cửa chùa, Năm Hên đã xáp chiến. Hai người hờm nhau, vồ nhau, đánh nhau từng ngón đòn chí tử. Mọi người chỉ biết đứng nhìn, lo âu, sợ hãi. Nhưng, về lo âu, sợ hãi dần dần dịu xuống, rồi dần dần bình thản... và cuối cùng, biến thành một nỗi

hân hoan, vui sướng. Vì Năm Hên thường cho gã thanh niên kia một trận đánh toi bời. Hân chỉ kịp nhặt vôi cái nón lá và bọc vải nhỏ, nhảy qua bờ ruộng thoát thân như... ông Quan-Công thất trận trong sự tích hân vừa kể.

Ông Hương Nhung thích chí quá, chỉ tay theo gã thanh niên, reo lên :

— Bắt lại, chặt đầu, chặt đầu...

Mọi người đều cười ồ, hưởng ứng câu bông đùa quá hợp thời, hợp cảnh.

Năm Hên yên lặng đi thẳng đến vại nước, rửa tay, phui qua loa bụi đất rồi thản nhiên mời mọi người... nhập tiệc.

Bữa cỗ trưa hôm ấy là bữa cỗ cúng tạ Ngài Quan-Công, mà cũng có ý nghĩa tán thưởng Năm Hên, mừng cho dân làm ruộng cả ấp Nura, ấp Bún.



CẢ một tháng sau, cả hai tháng sau, người ấp Nura ấp Bún vẫn còn nhắc đến chuyện Năm Hên. Người nhắc Năm Hên nhiều nhất là ông Hương Nhung. Không biết nghe ai nói, mà ông Hương Nhung biết cả chuyện Năm Hên giết cọp ngày trước. Ông đi từ làng trên xóm dưới, ca tụng mãi những ngón võ lạng lẹ như cung tên, đến sức mạnh phi thường, đến tài ba lỗi lạc của một Năm Hên từ xưa đến giờ chưa từng thấy. Mọi người nghe không nhàm tai. Ông Hương Nhung ngợi khen không chán miệng. Năm Hên không còn là một kẻ giữ chùa vô danh tiểu tốt, mà nghiêm nhiên trở thành một võ sĩ tẩm tiếng, vừa hương khói cho Ngài Quan-Công, vừa gìn giữ một cội rễ vững chắc cho lòng tin của cả

ngàn dân làm ruộng. Có nhiều trai tráng trong vùng tình nguyện đến xin làm đệ tử, thụ giáo vài ngón võ để phòng thân. Năm Hên vui lòng chỉ dạy. Năm Hên lại trở nên ông thầy dạy võ. Cả ấp Nura, ấp Bún, tiếng tăm của Năm Hên vang dội như cồn. Người ta biết Năm Hên như biết ông tiên-chỉ. Thật là một vinh dự.

Nhưng, qua năm sau, trời hạn,

Suốt cả mùa xuân, chỉ lấm tẩm vài hột mưa. Rét buốt như kim châm vào da thịt. Bắt đầu sang hạ, ánh nắng càng ngày càng gay gắt, như thiêu như đốt. Ruộng đất cứ khô rúm lại, rồi nứt toác ra. Lúa đồng xơ xác như đầu tóc người đau thương hân mới khỏi.

Ngày qua rồi ngày qua. Nắng chói vẫn là nắng chói. Ánh mặt trời tràn ngập cả ruộng đồng bốc lửa. Dân vùng Tam-Châu tát nước, khai mương quần quật suốt ngày đêm. Mà chất nước không đủ sức thấm xanh lòng cây lúa.

Vợ chồng Năm Hên và đứa con lên bảy tuổi làm lụng đầu tắt mặt tối, mà miếng ăn chỉ khoai sắn qua ngày. Mấy tháng sau, vợ Năm Hên lâm bệnh lao phổi, qua đời trong một đêm khuya hiu quạnh.

Cái tin ấy làm cho dân cư cả vùng Tam-Châu buồn ngơ ngẩn. Tội nghiệp cho người chết đã đành. Mà thương hại cho Năm Hên không phải là ít. Thương hại cho Năm Hên từ nay sống phận gà trống nuôi con.

Năm Hên buồn không tả xiết, khóc ngày khóc đêm, không ăn không ngủ.

Rồi bỗng một ngày kia, Năm Hên thu gọn chút đời sống nghèo nàn, dẫn con đi

dầu biệt tích. Năm bảy ngày sau, người ấp Nura mới biết. Nhưng, nào có ai biết Năm Hên đã trôi giạt đến nơi đâu.

Mọi người nhìn túp lều tranh hoang vắng, cảnh chùa không nhang khói, lòng buồn nghĩ đến Năm Hên. Người già thì tưởng nhớ đến một kẻ có lòng tin Thần Thánh. Người trẻ thì tưởng nhớ đến một ông thầy dạy võ, đã giết cạp ở rừng sâu. Và cả trẻ lẫn già đều tưởng nhớ đến cô con gái có nhan sắc mặn mà, mới lên bảy tuổi mà đã mồ côi mẹ.



GÃN mười năm qua.

Trong cái thời gian dài dằng dặc ấy, vùng Tam-Châu trải qua nhiều thiên tai địa ách, mà cũng có nhiều thời hưng thịnh. Vui có. Mà buồn cũng có. Nhưng, trong nỗi buồn vui lẫn lộn của cả nghìn dân làm ruộng vùng Tam-Châu, vẫn thiếu một cái gì. Khi lúa chín đầy đồng, khi lễ bái Ngài Quan Công, có người thương tiếc cha con Năm Hên, không có mặt để cùng vui hưởng. Còn khi gặp cảnh khó khăn, làm ăn thua kém, lại có người trách Năm Hên không ở lại để khói hương cho vị thần linh đã phù hộ làng trên xóm dưới. Lại có người băn khoăn tự hỏi : « Dù sao Năm Hên cũng đã là dân thực thụ trong làng, tại sao Năm Hên lại ra đi trong lúc xóm làng có thiên tai địa ách ? Dù vui buồn, dù suy thịnh, cùng nhau chia xẻ mới là phải lẽ, mới rõ là có chút nhân tình. Chứ ai lại bỏ đi trốn một mình. Cái gã Năm Hên này quả là đáng trách. »

Thâm tâm của Năm Hên có cố tình như thế không ? Nào ai biết. Người

vùng Tam-châu chỉ nhớ rằng cha con Năm Hên trở về ấp Nura vào một mùa chiêm thật khá. Gã Năm Hên ngày trước đã trở thành ông Năm Hên tóc muốn ngả màu. Còn cô con gái, Cái Tẹo, đã là một thiếu nữ xinh đẹp. Cũng màu da mịn trắng, cũng cái mũi sọc dừa, cũng đôi má núm đồng tiền. Cái Tẹo giống mẹ như khuôn đúc.

Năm Hên dựng lại túp lều gần xiêu vẹo, cạnh ngôi chùa nhỏ. Ngôi chùa vẫn còn đó, nhưng nghi, phượng, chân đèn, lư hương, và tượng Quan Ngải, đâu có thơm tất bằng thời Năm Hên đang lo hương khói.

Ông Năm Hên ngày nay quét dọn lại ngôi chùa, rào một khuôn vườn nhỏ, cũng làm ruộng như ngày trước, nhưng, làm qua loa có chuyện. Hình như Năm Hên ngày nay không đến nỗi nghèo khó như thời xưa. Đời sống có vẻ thanh nhàn hơn. Con người cũng có vẻ chững chạc hơn. Ông Năm Hên không quên đắp một hòn non bộ, có núi cao, có chùa đẹp, có ông tiên đánh cờ, có cả ông lão râu bạc ngồi câu bên bờ suối. Ngoài ra, ông Năm Hên còn trồng đủ thứ hoa, sớm sớm cũng bắt sâu, tỉa lá, chẳng khác nào một ông cụ phong lưu.

Người ấp Nura, ấp Bún đến thăm ông nhiều lắm. Ông già, bà lão thì nói chuyện Thánh Thần, mùa màng, gặt hái. Trai trẻ thì lăm la lăm lét nhìn trộm cô con gái. Tiếng tăm của Năm Hên tài ba lỗi lạc có tăng chứ không có giảm. Có người hỏi ông Năm Hên gần mười năm nay ông đã đi đến nơi nào. Ông Năm Hên chỉ trả lời ăm ăm ớ.

Người vùng Tam-châu muốn tìm hiểu,

cứ bàn ra tán vào, nhưng rồi chẳng ai biết chắc một điều gì.

Sau không bao lâu, bỗng có một tin đồn: ông Năm Hên múa gậy trong vườn nhà. Tin ấy do ông Hương Nhung loan báo khắp ấp trên, ấp dưới. Ông Hương Nhung nói rằng:

— Lạ thật! Ông Năm Hên chỉ múa gậy về ban đêm, múa một mình giữa khu vườn hiu quạnh. Chính mắt tôi đã trông thấy đến ba lần. Sự bất quá tam, tôi chắc không phải là chuyện chơi. Võ nghệ của ông Năm Hên ngày nay chắc phải cao cường hơn ngày trước. Ờ, ờ, tôi nhớ ra rồi... chắc ông Năm Hên đã lên núi cao học thêm nghề võ.

Ông Năm Hên có lên núi cao học thêm nghề võ hay không? Không ai biết chắc. Nhưng, điều mà người ấp Nura biết rõ là ông Năm Hên có múa gậy thật trong khu vườn vắng vẻ, ban đêm.

Nhưng điều mà dân cư vùng Tam-châu ngạc nhiên hơn hết là ông Năm Hên ngày nay ăn nói ba hoa hơn trước. Khi vui miệng, ông có thể nói cả một buổi chiều những chuyện thần linh tiên cảnh, những chuyện bốn mùa hoa nở, những chuyện võ nghệ cao cường. Ông Năm Hên cũng không quên nhắc đến người con gái xinh đẹp của ông. Theo lời ông, Cái Tẹo không phải chỉ đẹp người mà còn đẹp cả nét na, tâm tánh. Ông Hương Nhung thường ca tụng:

— Nhà ông Năm Hên thật có phước. Cha thì có tài, con thì có sắc. Nhà ông tiên chi không chắc đã sánh bằng.

Lời ca tụng ấy lọt tai những chàng trai trẻ. Nên, không biết bao nhiêu thanh

niên trong vùng kéo đến xin làm đệ tử ông Năm Hên, thành tâm học nghề võ thì ít, mà cố tình gần gũi Cái Tẹo thì nhiều. Kẻ có thâm ý rõ ràng hơn hết chính là gã Cà Tích.

Cà Tích là người ấp Bún, trông cũng bảnh trai, nhà cũng khá giả, và cũng là người giỏi võ trong vùng. Từ ngày Năm Hên đến nhập tịch ấp Nura, rồi đánh thắng tên võ sĩ khủng khủng ở làng Khương-Mỹ, Năm Hên đã cướp mất tâm tiếng của Cà Tích. Nhưng Cà Tích, lúc bấy giờ, đâu có nghĩ đến chuyện trau dồi võ nghệ; gã có một tật xấu: là thêm đàn bà, con gái. Ai có con gái để thương là phải coi chừng gã. Gã nói chuyện trời, mây, trăng, biển... nhưng rồi thế nào gã cũng lấy được lòng phái nữ.

Ngày nay, Cà Tích đến xin học võ ông Năm Hên, ai cũng biết gã chỉ muốn thăm dò ý tình của Cái Tẹo.

Ông Năm Hên nhận lời dạy võ cho mọi người, nhưng nhất định từ chối sự chỉ giáo về môn múa gậy. Ông Năm Hên thường nói với các môn đệ rằng:

— Các cậu còn trẻ nhỏ, hãy học nghề võ cho thông trước đã. Học cho hết những ngón võ của tôi đây cũng đủ hơn người rồi. Học làm gì đến môn múa gậy. Không nên.

Nghe ông Năm Hên nói, nhiều chàng trai tức muốn chết. Vì không được toại nguyện. Mà cũng vì cái lối khoe tài quá trống trải của ông thầy. Nhưng tức thì ráng mà chịu. Bỏ đi thì đâu có gần được người đẹp thường ngày. Cà Tích là một trong những chàng trai như thế.

Mùa trăng này giáp mỗi mùa trăng khác. Ông Năm Hên vẫn làm ruộng, vẫn trồng

bông, chơi hòn non bộ, và vẫn dạy võ cho trai tráng trong vùng. Ông Năm Hên mỗi ngày già thêm một chút, ba hoa nhiều hơn một chút, thỉnh thoảng nhắc lại chuyện giết cộc trên rừng. Và vẫn hương khói cho Ngài Quan-Công thành tâm thiện tín. Cô nàng Cái Tọ vẫn trẻ, vẫn đẹp, và đôi má vẫn núm đồng tiền duyên dáng.

Bỗng một hôm, lại có tin đồn. Tin đồn ấy cũng do ông Hương Nhung loan truyền từ ấp Nửa qua ấp Bún. Đồn rằng: Cả Tích đã dan díu với Cái Tọ, nhà ông Năm Hên. Thực ra, tin ấy đã bay thoáng thoáng từ lâu. Mọi người có nghe văng vẳng, chỉ trừ ông Năm Hên. Nhưng, mọi người không ngạc nhiên cho lắm. Có lẽ chẳng nữa cũng chỉ vì ông Năm Hên đã ca tụng tâm tánh đoan trang của cô con gái ông nhiều quá.

Mãi đến một hôm, ông Hương Nhung đánh bạo nói thẳng với ông Năm Hên điều ấy. Ông Năm Hên chỉ mỉm cười, thản nhiên đáp rằng:

— Không, con gái nhà tôi đâu có làm điều xằng bậy. Con tôi, tôi biết. Chẳng qua thiên hạ vui miệng nói chuyện tầm phào.

Nhưng, cái chuyện tầm phào ấy mỗi ngày càng thêm rõ. Có người nhất quyết có trông thấy Cả Tích dẫn Cái Tọ vào ruộng bắp của ông tiên chỉ. Và cũng có người nói chắc đã bắt gặp hai người tình tự trong chòi canh. Mấy cô con gái trong vùng thì cười khúc kha khúc khích, nói nhỏ với nhau rằng:

— Cái Tọ trông như muốn béo ở đằng bụng.

Sự thật có thể ví như cái dùi. Dù có dấu kín đến đâu rồi nó cũng lòi ra cho

người ta thấy. Lời đồn thăm vụng càng ngày càng lớn. Và tiếng cười khúc khích không bao lâu trở thành giễu cợt công khai. Mọi người không còn hồ nghi gì nữa. Chuyện Cả Tích và Cái Tọ đã rõ như ban ngày.

Nhưng, ông Năm Hên vẫn bình thản lạ thường. Ông vẫn không hề la mắng đứa con mất nết. Ông làm thỉnh tựa hồ không nghe, không thấy.

Đến một đêm kia, ông Năm Hên dò theo Cái Tọ. Ông thấy rõ ràng Cái Tọ đến gặp Cả Tích ở chòi canh, rồi hai người dẫn nhau vào ruộng bắp. Ông Năm Hên không làm thỉnh được nữa; ông nhảy vào túm cổ người con trai đã dụ dỗ con gái nhà ông. Cái Tọ chạy biến đi như con chuột. Trong ruộng bắp chỉ còn có ông Năm Hên và Cả Tích quần nhau, đấm đá.

Sáng hôm sau, cả làng trên xóm dưới đều hay biết cuộc đấm đá đêm vừa rồi trong ruộng bắp ông tiên chỉ. Người ta không lấy làm lạ về chuyện Cả Tích và Cái Tọ. Mà người ta ngạc nhiên nghe tin ông Năm Hên bị Cả Tích đánh bò la bò lết. Ông Hương Nhung ngạc nhiên hơn ai hết. Vì chính ông là người đã ca tụng nghề võ cao cường của ông Năm Hên vào bậc nhất. Võ nghệ của Cả Tích thì có thắm vào đầu. Thế mà sáng hôm ấy, gã nghênh ngang đi quanh khắp xóm, cứ lặp đi lặp lại:

— Ờ, cứ tưởng là lên núi cao học thêm võ nghệ cho cao cường, xuống đồng ruộng nhìn thiên hạ bằng phần tư con mắt. Múa gậy vườn hoang, dọa nạt ba thằng con nít.

Bạn trai trắng trong ấp Nura, uất vì ông Năm Hên chê là con trẻ, không chịu chỉ dạy cái môn múa gậy. Nay nghe sự đặc thặng của Cả Tích, thì cũng phụ họa vào :

— Thời oanh liệt của ông Năm Hên còn đâu nữa. Tre già thì măng mọc. Huống hồ thứ tre đã lỏng gốc thì tránh gió đi là hơn.

Mấy cô con gái thì chỉ nói đến chuyện cái bụng của Cái Tẹo. Đến bây giờ, vỡ lẽ ra, họ mới dám dùng tới lời chua ngoa, cay như ớt :

— Cái nết đánh chết cái đẹp. Gái đẹp mà chưa hoang, tính tình tang, tang tích tịch, cũng uồng cái má núm đồng tiền.

Ông Hương Nhung nghe bọn trẻ chế giễu, mỉa mai, không chịu đựng, Ông vội vã đến nhà ông Năm Hên. Khi cả xóm làng đổ lửa.

Đêm về tối mịt. Nhà ông Năm Hên leo lét ngọn đèn dầu trông như con mắt buồn ngủ. Khu vườn hẹp vắng hoe, không có bóng người múa gậy như những đêm trước. Ông Hương Nhung hơi e ngại,

đứng ngoài bờ rào mà nhìn. Ông thấy bóng một người con gái ngồi bên vại nước, ôm đầu khóc rấm ra rấm rức. Đó là Cái Tẹo. Còn ông Năm Hên đâu ? Ông Hương Nhung cố nhướn mắt nhìn mãi vẫn không thấy. Ông bước quanh ra phía sau chùa. Ông chợt nghe một tiếng thở dài. Nhìn kỹ mới nhận ra ông Năm Hên. Ông Năm Hên nằm trên tấm ván hẹp, quay mặt vào bàn thờ Ngai Quan-Công, tay phải vắt ngang trán. Trên bàn thờ, ngọn đèn bạch lập cháy gần hết, nghiêng nghiêng theo hơi gió, nhưng vẫn đủ sáng để soi tỏ khuôn mặt đỏ của Ngai Quan-Công. Bỗng nhiên, ông Hương Nhung nhớ lại đoạn cuối trong sự tích Quan-Công mà gã võ sĩ khùng khùng đã kể cho mọi người nghe, mười năm về trước. Ông lặng lẽ quay ra, lăm lúi đi trong đêm tối, và lầm bầm :

—... Mất Kinh-châu. Mất Kinh-châu là phải.

Con chó nhà ai không biết sủa lên một hồi dài, nghe rờn rợn.

LƯU-NGHI
10-58

★ Tôi ít khi thấy người ta phản nản lệnh ban ra khó thi hành, khi lệnh ban ra đã được chỉnh bị hẳn hoi.

Trái lại, khi thiếu sự chỉ huy cương quyết, những mối bất bình, công phần thường nổi lên một cách đáng sợ và tôi thường tự hỏi các tiền nhân ta (trong các cuộc cách mệnh) đã nhân danh tự do, cương quyết đòi hỏi cái gì, nếu không phải là đòi hỏi quyền được người ta chỉ huy mình một cách đúng đắn. (Cha Forestier)

★ Cái đại họa cho một thủ lãnh là e sợ mỗi khi phải nói và làm với tư cách thủ lãnh.

BÀI CA MAI SAU

Gửi Nguyễn-Hữu-Ngư

Hỡi nhỏ ta mơ làm Đế vương...
Đêm đêm thần ứng mộng phi thường.
Rằng mai sau sẽ trùm thiên hạ,
Bút thế ngồi gươm mở bốn phương...



Bầu men Đế Bá còn ngây ngất,
Chợt tỉnh... Đâu rồi? Tay vẫn không!
Tì đây lòng trai hàng thác mắc...
Nguyễn xoay vuốt hổ, võ lưng rồng.



Mai sau hề! Chừ đây phải chăng?
Mai sau hề! Ngày Mai phải chăng?
Ba mươi dư tuổi: vài trang sách,
Một vùng giai nhân kẻ song trăng...



Mai sau hề! Nào đâu lẽ ấy!
Sao sáng đầy trời, hoa phở lá nẩy;
Suối rung cung đàn, bướm múa cành xuân.
Vác bút lên đường hề! Dòng mơ vĩ đại.



Mai sau hề! Ngàn muôn xe giai phẩm,
Và áo lụa, và đôi môi, và cơm thơm
nếp tám.

Đừng bỏ nhau hề! Hỡi nhân thế tình ơi!
Đế Bá mà chi! Chỉ các anh cùng tôi..

Huế, đầu Thu, mậu-tuất (1958)

VŨ-HÂN
(Mai sau)

THU HỒN SÔNG NÚI

Tặng ba cố-nhân cùng mê thơ:
Minh-Đức, Bích-Khê và Lam-Giang.

Hãy nhập vào ta, nhập vào ta,
Hồn thơ ta sẽ rộng bao la...
Bao nhiêu sông núi về đây hết,
Thu sạch lương ngàn cả phần hoa.



Mây nước này duyên mới dây thề,
Bướm vườn cỏ nội thưở tương tri.
Này trăng e ấp máu e thẹn;
Liều dây tình trăng chớm chớm si...



Cây mở lòng ra đón cánh chim
Chờ sương phời phời đóa hoa sim,
Nai rừng so gạc lim dim đặng,
Tiếng nhận chân mây tiếng nhận tìm.



Cuồn cuộn trường giang lướt viễn du,
Thuyền mê theo nước, nước say thu
Thu trời đổ cả tương tư mộng,
Trắng xóa dòng sông cuốn tuyết mù.



Hồn nhẹ nghiêng về một thưở xưa,
Hoa nghiêng tìm gió chuyện say sưa
Người nghiêng tìm bóng trao thương nhớ,
Lòng trút lòng trao mấy chẳng vừa.



Ôi! Bướm hoa này một kiếp qua.
Thần giao còn vọng sóng âm ba,
Về đây một phút trong linh cảm,
Thơm ngát hồn ta biếc nguyệt tà.

NGUYỄN - PHAN - AN

CẨM-SẮT

KIỀU-YIÊU dịch

VƯƠNG-SANH, người huyện Nghi-thủy thuộc tỉnh Sơn-dông mồ côi từ thuở bé. Nhà nghèo khó, mà phong độ cao thượng, rõ ra một người thiếu niên đang hoàng chài chuốt. Phú ông họ Lan thấy thế đem lòng mến, gả con gái cho và hứa sẽ cất nhà giúp của cho con rể.

Thành hôn không bao lâu, ông cha qua đời. Các anh em vợ khinh chàng chẳng xứng, bà vợ lại càng bắc bực kiêu kì, luôn luôn cư xử với chàng như với đày tớ ! Riêng mình tận hưởng những món ngon vật lạ ; hễ chàng đến, thì dọn cơm rau nước lã, bẻ sậy để hút canh thay muống, bày trước mặt chàng. Chàng cố ăn nhẫn.



Năm mười chín tuổi, đi ứng thí đồn tử khoa, bị đánh rớt. Ở chợ quận về, nhằm lúc vợ không có dưới bếp, thấy trong nồi hầm dùi dê vừa chín tới, bèn đem xuống ăn. Vợ ở đầu bước vào, chẳng nói một tiếng, bưng nồi đi chỗ khác. Chàng xấu hổ quá, ném đĩa xuống đất mà rủa : « Gặp vợ thế này, thà chết còn hơn ! »

Vợ nổi xung, hỏi chừng nào chết, rồi liền trao cho một sợi dây, nói là

đề cho chàng tự tiện thất cồ. Chàng diên tiết lên, vớ lấy tô canh ném toạc trán người vợ.

Chàng ngậm hờn bước ra khỏi nhà, bụng bảo dạ thà chết cho rảnh nợ, bèn giấu sợi dây lưng trong áo, đi tuốt vào lũng sâu. Đến dưới một lùm cây, đương ngấm nghĩa chọn cành đề mắc sợi dây bỗng thấy lưng chừng bờ đất cao, lộ ra một chèo cùn.

Phút chốc, một tí nữ hiện ra, vừa nhác thấy, chàng, vội trở gót, thoáng mắt như một cái bóng. Vách đất cũng không có khe hở. Vốn biết là yêu quái, nhưng đã quyết tìm cái chết, nên chẳng chút gì sợ hãi, buông dây ngồi ngóng.

Một lát lại thò nửa mặt. Ai kia liếc nhìn một cái, thì rụt vào ngay. Sự nhớ hể gặp ma quỷ, nếu mà theo, ắt được thuốc uống cho chết. Bèn lượm đá khế đập lên vách mà rằng: « Bờ đất này nếu chui vào được, thì dám mong chỉ cho một nẻo. Đây chẳng phải là kẻ cầu vui, mà thật là cầu chết, » Hồi lâu không tiếng gì. Chàng lại nói nữa, thì bên trong lên tiếng: « Như quả cầu chết, xin tạm lui về đi, tối lại cũng được ». Âm thanh du dương như tiếng ong bay là lướt. Chàng rằng: « Vậy cũng được », rồi ngồi đợi tối.

Chẳng bao lâu, sao trời rộ mọc. Bờ đất bỗng đâu biến thành nhà cao rộng, mở êm hai cánh cửa. Chàng bước lên tam cấp đi vào. Mới đi vài vũ (1 vũ = 0,80m) có khe nước cuộn cuộn chảy ngang, giống như suối ấm. Thọc ngón tay thử, thấy nóng như nước sôi, mà chẳng biết sâu cạn cỡ nào. Ngỡ là quỷ

thần khéo đưa tới chỗ chết, bèn nhảy ùm xuống, nóng thấu hai lần áo, da thịt nhừc buốt tưởng chừng như muốn rã. May sao không chìm. Lặn ngụp hồi lâu, dần dần quen nóng, hết sức bơi lội vớ chụp, cuối cùng ngoi lên được bờ phía nam. Toàn thân may chẳng bị phỏng chỗ nào cả.

Đi một dỗi, vờ trông thấy nhà cửa lập lòe ánh đèn, rào bước tiến lên. Bỗng có chó dữ, vụt xông ra, táp rách áo, cắn toạc vớ. Quờ quạng kiếm đá đề ném, chó mới chịu lui một chút. Lại có bầy chó khác ồ đến muốn sủa, con nào con nấy lớn bằng con bê. Trong cơn nguy cấp, tí nữ bỗng bước ra, nạt chó trở vào mà rằng: « Người cầu chết đã lại đó sao? Cô chủ nhà này xót chàng gặp bước khốn khổ, sai thiếp đưa chàng vào tận « ồ yên vui ». Từ rày không còn hoạn nạn nữa. » Ầ khêu đèn, dẫn đường, hé mở cửa sau, âm thầm đi tới. Đến một ngôi nhà, ánh nến lòe ngang cửa sổ, thưa rằng: « Chàng hãy tự tiện vào, thiếp xin đi. »

Chàng bước vào phòng, nhìn quanh bốn phía, thì ra đã về nhà mình. Lật đặt quày ra, gặp u già là người phục dịch vợ mình. U già nói « Kiểm trọn ngày nay, cậu đi đâu mất đất? », kéo chàng trở vào. Vợ chàng, trán quần khăn đề rít thương tích, tươi cười bước xuống giường rước chồng mà rằng: « Vợ chồng đùa giỡn với nhau hơn một năm trời, giờ lại nhìn chẳng ra sao? Em đã biết lỗi rồi. Anh phải mang lấy tiếng chê cười hư không, mà em thì bị thương thật sự. Vậy dù có giận nhau, chắc cũng nguôi được ít nhiều đó chứ. »

Bèn thò tay xuống đầu giường lấy ra hai thoi vàng, nhét vào ngực áo chàng, mà nói: « Từ rày về sau, cái ăn cái mặc thầy đều để cho anh định liệu, anh chịu không? » Chàng không nói gì, vút vàng xuống đất, đi một mạch ra cửa cái, đâm đầu chạy mất. Định bụng lại vào lũng sâu, để gõ cửa ngôi nhà cao rộng.

Ra tới đồng vắng, thấy người tì nữ đi lững thững đằng xa, hình như đương kêu đèn. Chàng vừa tắt tả chạy theo vừa gọi giật lại, đèn mới đứng yên. Lúc đuổi kịp, tì nữ nói: « Kìa! sao chàng lại trở ra đây, để phụ lòng trắc ẩn của cô chủ. » Chàng rằng: « Tôi chỉ cầu chết chớ nào có ý mong được cùng em chung sống sót. Cô chủ nhà cao cửa rộng; ở dưới mặt đất chắc cũng phải cần dùng người, tôi nguyện phục dịch cho cô chủ, chớ quả tình không lấy điều được sống làm vui. »

Tì nữ nói: « Chết vui cũng không sao bằng sống khổ. Ý định của chàng, lắm lạc biết bao nhiêu. Trong nhà thiếp ở, không có công việc gì khác hơn là đào kinh, quét rác, nuôi chó, khuân thầy. Làm không tròn phận sự, thì bị lắt tai, cắt mũi, gọt giò, xén gót. Chàng nhắm sức làm nời hay không? » Đáp rằng: « Đủ sức. » Rồi cùng bước vào cửa sau.

Chàng hỏi: « Công việc trong nhà là những gì đâu? Em vừa nói là khuân thầy. Vậy chớ xác chết đâu mà nhiều đến bậc ấy? » À rằng: « Cô chủ vốn là người từ thiện, bắt chước ông trưởng giả thành Xá - vệ bên Ấn - độ ngày xưa, lập « Cấp cô độc viên » cho Phật có nơi yên ổn mà thuyết pháp, nay cũng lập vườn, gọi là « Cấp-cô-viên », để đón các ma bắt đặc kì tử,

vất vương khắp cửu u, không nơi nương tựa, gom về đó mà nuôi. Ma có rất nhiều đến hàng nghìn. Ngày nào có kẻ tử vong, thì phải khiêng đi chôn. Xin mời chàng đi xem qua một lượt. »

Một lát sau đến một cái cửa lớn, đề ba chữ « Cấp cô viên ». Vào thì thấy nhà cửa ngồn ngang, mùi hôi tanh nồng nặc tur bề. Các ma trong vườn thấy ánh đèn đồ xô lại rất đông, kẻ dứt đầu, người cụt cẳng, không đủ gan mà dòm. Chàng ngoảnh mặt muốn bỏ đi, lại thấy thầy ma nằm sóng sượt ở chân tường; bước lại gần xem, thấy thịt lòi máu dính bê bết. À nói: « Đã nửa ngày mà chưa khuân đi, nên bị chó rủa. »

Rồi liền kêu chàng dời đi chỗ khác, chàng tỏ vẻ ghê tởm. À bèn nói: « Như chàng làm không nời, xin hãy trở về chốn cũ mà hưởng thú yên vui. » Chàng bắt đặc dĩ, gắng gượng vực đem đi chỗ khuất nẻo mà bỏ. Rồi van à giùm khéo léo can thiệp, sao cho chàng khỏi cái ô uế của những tử thi. À hứa chịu.

Đến gần một gian nhà, à bảo: « Ngồi đây đi. Để thiếp vào nói chuyện đó. Công việc nuôi chó có phần nhẹ nhàng hơn. Thiếp rán lo cho người ta được việc, ý cũng mong được người ta báo đáp. »

Đi một lát, chạy ra nói: « Lại đây! Lại đây. Cô chủ ra rồi. »

Chàng đi theo vào, thấy bốn bên phòng lớn đều treo lồng thắp đèn sáp. Có một thiếu nữ ngồi gần vách phía trong, người đẹp độ hai mươi tuổi. Chàng sụp xuống phía dưới thềm. Thiếu nữ liền bảo tì nữ kéo dậy mà rằng: « Người nho sanh này

đuôi chó sao đủ sức. Nên cho ở gian phía tây coi bộ sò. » Chàng mừng thầm, lại quỳ xuống mà cảm ơn. Thiếu nữ nói : « Ông trông có vẻ chất phác thành thật, có thể chăm lo việc ấy được. Nếu đề sai xuyền, thì tội ấy quyết là không nhẹ đâu ». Chàng vâng vâng dạ dạ.

Tì nữ dẫn chàng sang căn phía tây. Thấy kèo, vách thấy đều sạch sẽ, rất mừng, ngỏ lời cảm ơn ả. Bấy giờ mới hỏi qua tông tộc của thiếu nữ, thì ả nói : « Cô chủ tiểu tự là Cầm Sát, chính là con gái của hầu tước họ Tiết ở huyện Đông hải. Thiếp tên là Xuân-Yến. Sớm tối như có căn dùng cái gì, xin cứ cho thiếp hay ». Tì nữ lui ra, rồi mang nào áo, giày, nào mền, nệm lại sắp đặt trên giường. Chàng mừng được yên nơi.

Hừng sáng thức dậy sớm coi sóc công kia việc nọ, và biên sò ma. Bao nhiêu kẻ ăn người ở trong nhà đều đến thăm chàng không sót. Họ đem rượu và thịt khô đến biếu rất nhiều, chàng sợ sanh điều hiềm nghi, nên từ khước tất cả. Ngày hai bữa cơm, đều do trong nhà dọn ra. Cô chủ xét thấy chàng thanh liêm, đặc biệt tặng chàng khăn nhơ sanh và y phục mới. Hễ có tường phạm gì cần trao gởi, đều cậy tay Xuân-Yến cả.

Tì nữ có chiều phong vận lắm. Lúc đã quen thân, ả thường khi liếc mắt đưa tình. Chàng khẩn khẩn lo giữ mình, chẳng một phút nào dám đề sa ngã, chỉ giả bộ ngu ngơ.

Cứ thế trên hai năm trời. Sự thưởng cấp nhiều gấp đôi số lương đã định. Thế mà chàng vẫn một mực cần trọng như trước.

Một đêm đương ngủ, nghe gian nhà trong có tiếng kêu la, vội vàng thức dậy, rút dao xông ra, thấy ánh đuốc rực trời. Bước vào nhìn lên, thì ra trong sân lúc nhúc kẻ cướp. Đầy tớ hoảng sợ đã lần trốn cả. Có một tên đầy tớ nắm tay chàng rủ cùng chạy nạn, chàng không chịu, lên đi bôi lọ mặt mũi và nay nịch gọn ghẽ, rồi trà trộn vào bọn cướp mà hô to lên : « Không cần gì làm kinh động cô chủ họ Tiết. Chỉ nên lo vơ vét tiền của, đừng bỏ sót lại cái gì cả. »

Lúc ấy gian nhà nào cũng đầy kẻ cướp đương sục sạo tìm Cầm - Sát mà chẳng được. Chàng biết là cô chưa bị bắt, bèn lên vào cửa sau, một mình cố lực tìm. Gặp một bà lão lom khom núp, mới hay cô chủ cùng với Xuân-Yến đã vượt tường rào tự bao giờ rồi.

Chàng cũng trèo qua tường, thấy chủ tớ cùng núp trong xó tối. Chàng nói : « Chỗ này trốn gì được ». Cô chủ nói : « Tôi chẳng còn sức đâu mà lội đi được nữa. » Chàng bèn bỏ dao, cõng cô ta, chạy chừng hai ba dặm (1 dặm = 576m), rồi hơi ra ướt cả mình, mới hay đã vào sâu trong thung lũng, bèn đặt nàng xuống đất ngồi nghỉ cho đỡ mỏi vai mình.

Bỗng một con hồ từ đâu chạy lại, chàng khiếp đảm, nhưng định thì thể cự lại. Hồ đã ngoạm thiếu nữ. Chàng vội vàng chụp lấy tai hồ, chuyển hết sức bình sanh giang thẳng cánh tay thọc mạnh vào miệng hồ, cố ý thể mạng cho Cầm-Sát. Cọp diên tiết, buông thiếu nữ ra, tấp lấy cánh tay chàng, giập kêu răng rắc. Một khúc tay gãy rơi xuống đất, rồi cọp bỏ chạy đi.

Cô chủ khóc mà rằng : « Rõ khổ cho ông ! rõ khổ cho ông. » Trong khi hoảng vía chàng chưa hay đau đớn, chỉ biết máu tuôn như nước chảy lênh láng, cạy tì nữ xé vạt áo băng bó giùm chỗ đứt. Cô chủ ngăn lại không cho, cúi xuống tìm khúc tay gãy, tự mình chấp nối lại giùm, rồi bó lại.

Phương đông dần rạng, mới cùng đi chậm rãi trở về. Bước lên nhà, thấy như bãi đất hoang. Lúc trời đã sáng bạch, tở gái u già mới dần dần họp lại đủ mặt. Cô chủ thân hành sang gian nhà phía tây, hỏi thăm đau nhức thế nào. Còi băng ra, thì xương tay đã dính liền lại. Bèn lấy thuốc mang sẵn theo mình ra, rịt vào vết thương, rồi mới đi.

Kể từ đó càng trọng chàng, cất đặt bất luận những gì chàng hưởng dụng đều phải đồng đẳng với của nàng. Lúc cánh tay lành hẳn, nàng thiết tiệc rượu trong nội thất để ủy lạo chàng. Mời chàng ngồi, chàng khiêm nhượng ba lần, rồi cuối cùng ngồi ghé một góc ghế. Nàng nâng chén, như để nhường tân khách, hồi lâu mới nói : « Thân thiếp đã gởi lên mình chàng, nên lòng riêng những ước đem phận hèn phó thác vào tay ai mãi mãi, nhưng không người môi giới, đành nén thẹn thùng mà tự hiến vậy. » Chàng bàng hoàng nói : « Tôi thọ ân cô đã nhiều, đâu có nát thân này cũng chưa đủ báo đáp. Nhưng làm như lời vừa nói là trái với thân phận, sợ sấm sét cao xanh sẽ không đề đời cho. Quả tình chẳng dám tuân mệnh. Ví phỏng có lòng thương người trong cảnh chưa gia thất, thì cho được cùng tì nữ, cũng đã quá lắm rồi. »

Một hôm chị cả của nàng là Diêu-Đài đến chơi. Người đẹp, độ bốn mươi

tuổi. Tối lại, cho mời chàng vào buồng. Diêu-Đài bảo ngồi mà rằng : « Tôi từ nghìn dặm lại đây, để đứng làm chủ hôn cho em gái tôi. Đêm nay có thể cho nó sum họp cùng người quân tử. » Chàng lại đứng lên, nhắc lại lời từ khước. Diêu-Đài chợt bảo đem rượu ra. Khiến hai người đối chén lẫn nhau. Chàng cố từ chối, Diêu-Đài giục lấy tự tiện trao đổi. Chàng bấy giờ sụp quỳ xuống đất tạ tội, đỡ lấy chén rượu mà uống cạn.

Lúc Diêu-Đài đã ra, nàng nói : « Thừa thật cùng chàng, thiếp vốn là tiên nữ, vì phạm lỗi mà bị đày. Thiếp tự nguyện ở dưới mặt đất quy tụ các oan hồn lại mà nuôi, để chuộc tội đối với thượng đế. Hôm nọ bị lũ thiên ma đến cướp phá, thành ra có cái duyên nương tựa vào mình chàng. Thiếp mời chị cả thiếp ở xa về đây làm chủ hôn đám gả, mà cũng là đề lo việc nhà này giùm thiếp, cho tiện việc theo chàng về bên ấy. »

Chàng kính cẩn nói : « Sống dưới mặt đất, lạc thú vô cùng. Chớ trong nhà tôi, thì có người vợ dữ. Với lại nhà cửa chật hẹp cái thế xem ra khó mà lo liệu cho sự tà vạy này hóa thành tròn vẹn lâu dài được. » Nàng cười khế, chỉ bảo là không hại gì. Lúc đã say, họ cùng nhau rút vào phòng, sự hoan luyện lên đến chỗ cùng cực.

Qua mấy hôm, nàng bảo chàng : « Cuộc sum họp ở cõi âm không thể nào kéo dài được. Xin mời chàng tính gấp chuyện trở về. Chàng thu xếp việc nhà xong, tự khắc thiếp sẽ đến với chàng. »

Nàng dắt ngựa trao cho chàng, mở cửa kêu ra đi. Bức vách khép chặt lại. Chàng cỡi ngựa vào xóm. Thôn nhân ai

nấy đều kinh hãi. Về đến cửa cái, thấy trong nhà sáng rực.

Trước đó, lúc chàng bỏ ra đi, vợ chàng nhả hai anh của y lại, định đem việc đánh đập kia mà thưa chàng lên quan. Đợi mãi đến chiều tối, không thấy chàng về, họ mới đi. Có kẻ bắt gặp giày chàng đánh rơi dưới rãnh nước, ngờ chàng đã chết.

Thế rồi hơn một năm qua biệt vô âm tín. Có người chủ hiệu buôn ở huyện Thiềm thuộc tỉnh Hà-Nam, cậy mai gả thiếu phụ họ Lan. Người ấy đến ngay nhà chàng đề vui vầy cùng vợ chàng. Chỉ nội nửa năm, cắt thêm nhà ngang dãy dọc. Người chủ tiệm đi ra ngoài lo việc buôn bán, tại mua thiếp đem về. Từ đó trong nhà không yên. Thêm nổi nhiều khi luôn mấy tháng người điếm chủ vắng bật không về.

Chàng dò hỏi rõ sự do, tức giận quá. buộc ngựa ngoài ngõ mà vào. Gặp u già ngày trước. U già kinh hãi, sụp quì xuống đất. Chàng quờ mắt hỏi lâu, rồi bảo dẫn chàng đi ngay đến phòng vợ. Lục tìm y, thấy đã lền đầu mất. Rồi bắt gặp y ở hàng ba phía sau, tự treo cổ mà chết rồi. Bèn sai người khiêng y về nhà họ Lan. Xong gọi người thiếp ra, độ mười tám mười chín, phong tư cũng khá lắm. Bèn cùng ả xum vầy.

Ông chủ hiệu buôn cậy người trong xóm đến xin trả thiếp lại cho y. Người thiếp van nài tha thiết không chịu đi. Chàng làm đơn, định thưa người kia về tội giết nhà đoạt vợ. Chủ hiệu chẳng dám hó hé gì nữa, thu dọn cửa hàng dời đi sang miền tây.

Chàng đương đem dạ hồ nghi Cầm-Sắt quên lời ước. Một tối, giữa lúc cùng người thiếp uống rượu, bỗng có tiếng ngựa xe ai đậu trước cửa. Thì ra nàng đến. Nàng chỉ giữ một mình Xuân-Yến, còn bao nhiêu đều bảo đi về ngay. Bước vào phòng, thì người thiếp đứng lên chấp tay vái chào. Nàng nói : « Dì ấy có tướng

sanh con trai, có thể chịu khổ thay thiếp. » Liền đi lấy cùn găm, châu bảo đem cho ả. ả đưa hai tay nhận lãnh, rồi đứng đó hầu hạ. Nàng kéo ngồi xuống, cùng nhau cười nói vui vẻ.

Hồi lâu nàng nói : « Tôi say rồi, chỉ muốn đi ngủ thôi. » Chàng cũng bỏ giày mà lên giường. Bấy giờ người thiếp mới đi ra. Khi vào buồng mình, thì chàng đã nằm trên giường, lấy làm lạ, quay lại nhìn lên vào phòng nàng, thấy nến đã tắt,

Chàng chẳng đêm nào là chẳng ở buồng người thiếp. Một đêm, người thiếp thức giấc, lén nhìn vào phòng Cầm-Sắt, thấy chàng với nàng đương cùng nhau nói nói cười cười. Lấy làm quái lạ về sự ấy, vội trở gót về định mách chàng hay, nhưng trên giường không có ai cả. Sáng ra, nói nhỏ riêng cho chàng nghe, thì ra chính chàng cũng không hay biết gì ráo, chỉ biết rằng có lúc thì ở phòng cô chủ, có lúc lại ngủ ở phòng tì nữ. Chàng dặn người thiếp hãy giấu kín điều quái dị ấy.

Lâu ngày tì nữ cũng có mang. Cầm-Sắt chừng như không biết. Thoạt một hôm ả lên giường cũ, thấy sanh khó. Nhưng chỉ kêu : « Cô ơi ! » cô chủ bước vào, là thai ra ngay. Ấm giờ lên, thì ra con trai. Rồi cắt rún, đặt nó vào lòng ả, cười bảo rằng : « Cần gì đẻ con cho lắm. Nhiều, phải san xẻ lòng yêu thương, thêm khó. » Từ đó về sau, tì nữ không sanh nữa. Còn người thiếp, thì sanh năm trai hai gái.

Ở ba mươi năm trời Cầm-Sắt đôi khi về thăm nhà, ra đi trở lại đều là ban đêm. Một hôm dẫn Xuân-Yến cùng đi, mà chẳng quày lại. Còn chàng thì đến năm tám mươi tuổi, bỗng một đêm kia dật lão bộc ra đi, mãi cũng không trở về.

BỒ-TÙNG-LINH

(1640-1715)

Bản dịch của KIỀU-YIÊU

TÀI NGOẠI SẦU

Các bạn đã đọc bài thơ « Thu-phong-oán » và đã biết tài văn-nghệ của Chiêu-Quân thế nào. Nhưng chưa đủ, các bạn còn phải đọc thêm bài « Tài ngoại sầu » này nữa, là bài đồn ti bà của nàng đề biết rõ tâm sự người con gái nhà Hán khi phải đi sang làm vợ vua Hung-nô, mặc dù là ở ngôi chính cung hoàng hậu.

T. B.

NGUYỄN-VĂN của CHIÊU-QUÂN

BẢN DỊCH của THÁI-BACH

Ngã bản Hán gia tử,
Tương thích Thuyền vu đình.
Tử quyết vị cập chung!
Tiền khu dĩ kháng tình.
Phác ngự thê lưu ly,
Viên mã bi thả mình.
Ai uất thương ngũ nội.
Khấp lệ thấp chu anh.
Hành hành nhật dĩ viễn;
Toại thảo Hung-nô thành.
Duyên ngã ư khung lũy;
Gia ngã Yên-chi danh.
Thù loại phi sở an.
Tuy quý phi sở vinh.
Vô đoan kiến lãng nhục.
Đối chi tâm thả kinh.
Sát thân lương bất dị;
Mặc mặc dĩ cầu sinh.
Cầu sinh diệc hà liêu;
Tích tư thương phần danh,
Nguyên giả phi hồng dực,
Thừa chi dĩ hà chinh.
Tích vi chấp trung ngọc,
Kim vi phần thượng anh.
Triều hoa bất túc hoan,
Cam dữ thu thảo tình.
Truyền ngữ hậu thế nhân.
Viễn giả nan vi tình!

Ta là con gái Hán gia,
Một đi ở mãi cùng nhà Thuyền vu
Quê hương thăm thăm mặt mũi,
Càng nhìn càng thấy bóng thu xa vời.
Đôi hàng lệ chứa chan rơi;
Chạnh nghe tiếng ngựa hí ngoài cửa viên.
Sầu này biết thuở nào yên,
Giải khăn hồng mãi ướt mềm giọt châu.
Nỗi niềm biết gửi về đâu,
Giàu sang ấy có biết nào là vĩnh.
Nghĩ mình mình lại thương mình,
Vì ai nên nỗi sự tình thăm thương?
Thác đi chưa phải là đường,
Sống thời khôn nỗi đoan trường gỡ ra.
Sự này ai biết cho ta?
Oán kia nhớ mẹ xót xa nỗi lòng!
Ước sao aung cánh chim hồng,
Cho lên được chốn tit mừng bay vượn.
Trước là ngọc quý trong rương,
Giờ ra đom đóm trên tường vách phấn.
Thân ối, thân hỡi là thân!
Đã cam chịu với số phần cỏ hoa.
Tình kia nghĩa nợ xa xa,
Đời sau để mấy ai mà biết cho!...

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

acétate (acetas) :

(T,N) : Thố toan diêm.

(V) : a-xê-tát.

acétification :

(T) : Thố hóa.

(V) : Hóa chua, — hóa thành a-xê-tát.

acétimètre :

(T) : Thố toan định lượng kế.

(N) : Thố toan kế.

(V) : Máy đo độ chua.

acétimétrie :

(T,N) : Thố toan định lượng pháp.

(V) : Phép đo độ chua.

acétonémiant (Hormone) :

(V) : Kích tố a-xê-tô-nê-mi-ăng.

acétonémie :

(T) : Bính đồng huyết.

(N) : phiên âm.

(V) : a-xê-tôn huyết.

acétonémique : x. c. Vomissements
acétonémiques.

acétonurie :

(T) : Bính đồng niếu.

(N) : phiên âm.

(V) : — A-xê-tôn niếu.

— Đái ra A-xê-tôn.

A.C.G. : viết tắt của chữ Angiocardiographie.

ac-globuline : xem chữ Accélérine.

achalasie (achalasia) :

(T) : Thắt thắt hoãn tính.

(N) : Quát ước cân thực đạo đẳng
kính luyến.

(V) : Chứng khếp sai lúc, — chứng
thắt không đúng lúc.

achalasie du cardia :

(T,N) : Phân môn kính luyến.

(V) : Chứng thắt đầu vị, — đầu dạ.

- Achalme** (Bacille d') : Bắc-xi A-san-mơ.
(T) : Vị toan khuyết pháp.
(V) : Diễm toan khiếm pháp chứng.
- Achard, Foix et Mouzon** (Syndrome d') : Hợp chứng A-sa, Phoa và Mu-dzông.
(V) : Chứng thiếu vị toan ; thiếu chấ chua.
- acheilie** (achélie, achilie, acheilia) :
(T) : Vô thần.
(N) : Khâu thần khiếm như.
(V) : Tật thiếu mỗi.
- acheiria** : (xem chữ : achirie)
(T) : Vô thủ.
(N) : Tiên thiên tính thủ khiếm như.
(V) : Tật thiếu bàn tay.
- acheiropodia** :
(T) : Vô thủ túc.
(N) : Tiên thiên tính thủ túc khiếm như.
(V) : Tật thiếu chân tay.
- Achille** (tendon d') : Gân gót. (xem chữ : Tendon d'Achille.)
- achillobursitis** (achillobursite) :
(T) : Căn kiện nang viêm.
(V) : Viêm bao gân gót.
- achillodynie** :
(T) : Căn kiện thống.
(V) : Chứng đau gân gót.
- achillorrhaphy** (achilloraphie) :
(T) : Căn kiện phùng thuật.
(V) : Thuật nối gân gót, nhíp gân gót.
- achillotomie** : (achillotenotomie)
(T) : Căn kiện thiết đoạn thuật.
(V) : Thuật cắt gân gót.
- achirie**, (achirus, acheirus, achiral fetus) :
(T) : Vô thủ ky thai.
(N) : Tiên thiên tính vô thủ nhi.
(V) : Quái thai không tay.
- achlorhydrie**, (anachlorhydrie, gastric anacidity) :
(T) : Nhũ gia, — đầu tiên.
(N) : — Hữu mao bộ khuru chần.
- achlorhydropepsie** :
xem chữ : Achylie.
- achloroblepsie** (achloropsie) :
(T) : Lục sắc manh.
(V) : Bệnh mù lục.
- achlys** :
(T) : Giác mạc bạc ế.
(N) : Giác mạc hỗn trọc.
(V) : Bệnh giác mạc mờ đục.
- acholie** :
(T) : Vô đảm chấp.
(N) : Đảm chất phân bí khiếm như.
(V) : Chứng thiếu mật, hết mật.
- acholie pigmentaire** :
(N) : Phấn tiện đờm chấp khuyết như.
(V) : Chứng thiếu sắc tố trong mật.
- acholurie** :
(T) : Vô đờm, sắc tố niếu.
(N) : Vô đờm chấp hoàng đờm niếu tính.
(V) : Chứng thiếu đờm sắc tố trong nước đái.
- achondrodystrophie hypoplastique** :
Bệnh thiếu sụn đầu xương.
- achondroplasie** :
(T) : Nhuyễn cốt phát dục bất toàn.
(N) : Nhuyễn cốt hình thành bất toàn.
(V) : — Bệnh ngắn xương (chân tay) ;
— Bệnh ngắn sụn.
- achor** :
(T) : Nhũ gia, — đầu tiên.
(N) : — Hữu mao bộ khuru chần.

— Đầu bộ chủng bào chân.

(V) : Bệnh chốc đầu, — bệnh tiền.

achorion (trichophyton) :

(T) : Mao quần thuộc, — Phát tiền quần thuộc.

(N) : Hoàng tiền quần.

(V) : Trùng bệnh⁹ hoàng tiền.

achroacyte :

(xem chữ : Lymphocyte).

achroacytose : x. c. Lymphocytose.

achroma :

(T) : Sắc tố khuyết pháp.

(N) : Sắc tố khiếm pháp, — Vô sắc.

(V) : Không màu, — thiếu màu ;
— mất màu.

achromachia (achromatia) :

(T) : Thán phát, — Phát bạch.

(N) : Bạch mao, — bạch phát.

(V) : Bệnh tóc bạc.

achromacyte (achromatocyte) :

(T) : Vô sắc hồng huyết cầu.

(N) : Thoát sắc xích huyết cầu.

(V) : Hồng cầu phai.

achromasie (achromatopsie) :

(T) : Sắc tố khuyết pháp, — Nhiễm sắc tính khuyết pháp.

(N) : — Sắc tố khiếm pháp.
— Sắc manh.

(V) : — Sự mất màu sắc, — mất sắc tố.
— Sự mù sắc, — bệnh mù sắc.

achromate :

(T, N) : Sắc manh giả.

(V) : Người mù sắc.

achromatocyte : x. c ; Achromacyte.

achromatopsie : x. c. Achromasie.

achromatosis : x. c. Achromie.

achromaturie :

(T, N) : Vô sắc niếu.

(V) : Nước giải không màu ; không màu niếu.

achromie (achromatosis, achromia) :

(T) : Sắc tố khuyết pháp.

(N) : Sắc tố khiếm pháp chứng.

(V) : Chứng da mất màu, — da bạc màu.

achromie congénitale :

(N) : — Tiên thiên tính sắc tố khiếm pháp chứng.

— Bạch tử (albinisme).

(V) : Chứng bạch tạng.

achromie parasitaire :

(N) : Ký sinh trùng tính sắc tố thoát xuất.

(V) : Bệnh mất màu da vì ký sinh trùng.

achromie unguéale : (leuconychie) :

(T) : Bạch giáp bệnh.

(N) : Trảo giáp bạch ban chứng.

(V) : Chứng móng tay bạc màu.

achromodermie : (leucodermie) :

(T) : Bì phu sắc tố khuyết pháp.

(N) : — Bạch ban, — bạch bì ban.
— Bạch điển ban.

(V) : Bệnh bạch ban, — da hóa trắng.

achromotrichie :

(T) : Mao phát thoái sắc.

(N) : Mao phát sắc tố khiếm pháp chứng.

(V) : Chứng lông tóc phai màu, — bạc màu.

achromotrichie nutritionnelle :

(N) : Doanh dưỡng bất túc tính bạch phát.

- (V) : Bệnh tóc bạc vì thiếu doan **hachymia** (achymosis, achymose) :
dưỡng.
- achromycine** : (x ; c. : Tétracycline) :
(T) : Vô sắc mai tổ.
(N) : Mai tổ không màu.
- achroodextrine** :
(T) : Tiêu sắc hồ tinh.
(N) : Phiên âm.
(V) : A-cơ-rô-đếch-tơ-rin.
- achrooglycogénurie** : Chứng đái ra
chất A-cơ-rô-gơ-li-cô-gien.
- achylanemia** (anemia achylica) :
(T) : Nhũ mi khuyết pháp tính bản
huyết.
(N) : Vị dịch phân bí khiếm pháp tính
bản huyết.
(V) : — Chứng thiếu vị dịch trong
huyết.
— thiếu nhũ mi huyết.
- achylie** (achylia, achylosis) :
(T) : Nhũ mi khuyết pháp, — Tiêu
hóa dịch khuyết pháp.
(N) : Nhũ mi khiếm pháp, — Phân bí
dịch khiếm pháp.
(V) : — Chứng thiếu nhũ mi, — thiếu
tiêu dịch.
- achylie gastrique** (achylosis gastrica).
(T) : Vị dịch khuyết pháp.
(N) : Vị dịch phân bí khiếm pháp.
(V) : Chứng thiếu vị dịch.
- achylie pancréatique** :
(N) : Thúi dịch phân bí khiếm pháp.
(V) : Chứng thiếu thúi dịch.
- achylique** (achilous) :
(T) : Vô nhũ mi.
(N) : Vô, nhũ mi chứng giả.
(V) : Thiếu nhũ mi.
- acide** :
(T, N) : Toan.
(V) : Toan, — Chua, — a-sít.
- acid fast** :
(T) : Nại toan tính.
(N) : Kháng toan tính.
(V) : Tính chống toan, — tính chịu
toan.
- acid proof** : x. c. : acid fast.
- acidémie** :
(T) : Toan huyết.
(V) : Chứng huyết toan.
- acidifère** :
(N) : Toan sinh.
(V) : Sinh toan, — sinh a-sít.
- acidifiable** : Có thể thành toan, thành
a-sít.
- acidifiant** : Cho tính chất a-sít, — làm
chua.
- acidification** :
(T) : Toan hóa.
(N) : Toan bại.
(V) : Sự hóa toan, hóa a-sít.
- acidifier** :
(T, N) : Toan hóa.
(V) : Hóa toan, hóa a-sít, — làm
chua.
- acidimètre** :
(T) : Toan định lượng khí.
(N) : Toan định lượng kể.
(V) : Máy đo toan.

(Còn tiếp)

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

« Hưng ! » Cô ngẩng lên và đứng dậy.
« Quỳ ! » Cô lại quỳ xuống.
« Khấu thủ ! » Cô lại cúi đầu.
« Tái khấu thủ ! » Cô lại cúi đầu.
« Tam khấu thủ ! » Cô lại cúi đầu ba lần.

Man-Ni mơ mơ, hồ hồ, làm theo lời xướng của người tán lễ, một cách hoàn toàn cơ giới, nhưng, tuy vậy, nàng cũng hiểu rằng, nàng đương hành lễ trước bàn thờ của tổ tiên, và chỉ có mỗi một mình nàng thôi, chứ tân lang không có ở bên nàng. Cũng vì vậy mà nàng không quỳ ở chính giữa chiếu mà quỳ né về bên phía hữu, còn cái đệm kê đầu gối, để ở phía tả chính là chỗ của chú rể vậy.

Xong cuộc tế tổ, tới việc lạy cha mẹ chồng. Hai ông bà Tăng-văn-Phác mặc lễ phục đúng với quan tước, ngồi nghiêm trang, ở hai cái ghế bành kê ở giữa sảnh đường. Người bạn nương dắt cô dâu đến trước chiếu và người tán lễ lại xướng đề cho cô dâu làm lễ.

Cứ đằng thẳng ra, nếu chú rể không ngọạ bệnh thì, sau khi lạy cha mẹ chồng, cô dâu đứng về phía tây, chú rể đứng ở phía đông, và hai người vái nhau. Trong trường hợp này, nghi thức đó đã

phải bỏ đi. Bây giờ cô dâu chỉ hướng về phía bà mai, hai tay cầm hai mép áo rồi cúi đầu chào ; chào bà mai rồi, chào Quế-Cô, cùng tất cả anh chị em bên nhà chồng. Ai nấy đều đáp lễ lại.

— Cuối cùng, để hoàn tất cuộc lễ, người tán lễ liền đọc lời chúc tụng hai vị tân nhân :

« Bách niên hảo hợp ! Ngũ thế kỳ xường ! »

Trong khi đó, ban âm nhạc lại khởi tấu, pháo lại nổ, người bạn nương đi kèm bên cô dâu ; theo sau, có Tuyết-Hoa, và Tiểu-Lạc đi hầu ; họ đi lên trên cái thảm đỏ đã trải sẵn để đưa cô dâu về « động phòng ». Còn bà thân mẫu của cô dâu, không phải chính thức dự lễ, đã dời về phòng của bà để yên nghỉ.

Man-Ni đi thông thả, bước một ; nàng nhìn lại tất cả cái cảnh tượng u tĩnh mà mới có mấy ngày trước đây, nàng sống ở đó thì nay đối với nàng, nó cơ hồ như đã xa cách hàng mấy mươi năm trời đằng đằng.

Khi nàng đặt chân lên cái bậc thềm thì màu đỏ và màu vàng trong phòng làm nàng choáng loạn cả mắt. Trên tường, vách, đều phủ kín những câu

đối, những bức chường, toàn bằng vóc, nhiều, màu đỏ ối, với những chữ « song hỉ » thêu bằng kim tuyến, rồi, bàn, ghế, cái gì cũng phủ bằng vóc, bằng đoạn đồ tía; cả cái thảm ở dưới đất cũng một màu rực rỡ đó. Trên cái bàn, kê ở chính giữa phòng, có đặt một cái lư trầm, một đôi bình hoa và một đôi đèn nến; trên đèn, có cắm hai cây hồng lạp, mà ngọn đương cháy tỏ. Mùi hương trầm, mùi khói pháo tỏa ra mờ mịt làm cho nàng ngáy ngất cả người.

Khi cử hành lễ bái tổ thì Tăng phu-nhân và Quế-Thư phải đề cho một người vú già săn sóc Bàn-A, vì cả Tuyết-hoa cũng phải sắm sửa đề ra sảnh đường đón dâu. Trong các đám cưới khác, tất cả tân khách đều theo cô dâu kéo ủa cả vào tân phòng, nhưng, Tăng-phu-nhân phải dự bị sẵn đề mời khách ra cả phòng khách, thoái thác rằng sợ tân lang mệt, chứ, ai cũng hết sức tránh, không được nói đụng tới mấy tiếng: « bệnh », hay « ốm » « đau ». Như vậy, chỉ có người bạn nường, rồi đến Tuyết-Hoa, Tiểu-Lạc, là những người không thể đứng được, được vào thôi; sau nữa, là Mộc-Lan, Mạc-Sầu và Diêu-phu-nhân; Diêu-phu-nhân cũng có ý muốn, nhân dịp, xem xem bệnh tình của Bàn-A ra sao?

Bàn-A nằm ở trên giường, mình đắp một cái chăn mới màu hồng. Thỉnh thoảng, cậu cũng có đề ý tới sự thay đổi ở trong buồng; nào người ta đốt trầm, người ta thắp hai cây nến lên; người ta tấp nập, đi đi, lại lại; vì thế cậu càng thấy mệt thêm; cậu mệt cho đến nỗi, không dám nghĩ tới việc thay quần áo mới cho cậu, vì e cậu bị lạnh.

Tuyết-Hoa vào nói cho cậu biết, kiệu hoa đã tới và đương cử hành lễ bái tổ. Nói xong, chị lại xin đi. Cậu lại thêm thiếp ngủ đi; một khắc sau, bỗng âm nhạc nổi dậy, pháo nổ liên thanh, cậu sức tỉnh lại, cậu mơ hồ, không rõ cậu đã ngủ đi bao nhiêu lâu, và làm sao, mãi, chưa thấy cô dâu tới? Lúc đó, người vú già mới lại lay chân cậu và nói tân nường đã tới. Cậu, nhân đó, mới tỉnh hẳn.

Cậu nhận ra tân nường đi vào với người bạn nường. Cô đã bỏ hẳn cái mạng đỏ che mặt đi. Cô ngơ ngác nhìn mà không nhận ra căn phòng, vì nay nó đã cải biến tất cả.

Người bạn nường dắt cô dâu lại bên giường và đề cô ngồi đó. Bàn-A chống hai tay, chực ngồi dậy, nhưng Quế-Cô vội vàng ngăn lại, nên cậu lại nằm xuống, thở hồn hển. Sau khi chúc tụng câu:

« Loan phượng hòa minh ! »

Người bạn nường nói: « Cứ theo lệ thường thì tân lang và tân nường đối diện nhau hành lễ, nhưng, nay, có thể đề một mình tân nường hành lễ, cũng được... » Man-Ni y theo, đứng dậy, hai tay cầm hai mép áo, hướng về phía Bàn-a, cúi đầu, làm lễ. Xong, cô lại ngồi ghé vào thành giường, nghiêng nghiêng chứ không đối diện với cậu.

Chú rề cứ nằm yên, chẳng nói, chẳng rằng, mà cũng không tìm ra được một lời nào đề khai mào. Còn cô dâu, cũng yên lặng, trong lòng lấy làm khoan thư, vì đã vừa hoàn thành được một việc, mà bấy nay, nó choán hết tâm não cô; tuy vậy, cô cũng không thể nói được

sự hài lòng đó ra. Bao nhiêu nỗi lo âu, e ngại đã tiêu tan hết và cô thấy kể ra cũng chẳng có gì là khó khăn mà phải tốn hết đến bấy nhiêu tâm cơ. Cô ngồi nhìn quanh mình, không có ai, là người lạ mặt, và toàn thị những người thân yêu, quen thuộc cả, thứ nhất Mộc-Lan, người bạn kim-lan chí thiết; Mộc-Lan nhìn cô, môi nở một nụ cười đầy thân ái; cô cười đáp lại. Ngay đến cả cái tân phòng này, nó chẳng « tân » một li nào, đối với cô; quả cô không thấy ngỡ ngàng, thẹn thùng như người ta thường kể chuyện về các cô dâu mới khác, các cô dâu thông thường.

Mộc-Lan, một lát sau, đứng lên, lại bên giường, hướng về phía hai tân nhân, ngỏ lời chúc mừng; các người khác có mặt ở đó cũng bắt chước làm theo.

Bà mẹ Mộc-Lan cũng tiến tới bên giường và hỏi căn kẽ về bệnh tình của Bàn-A. Lúc ấy Bàn-A cũng khá tỉnh táo, cậu nhận ra bà ngay và chào bà bằng một giọng nhọc mệt, yếu ớt. Cậu đã cố gắng mới nói được vài câu ngắn ngắn với Diêu-phu-nhân; như vậy, cậu làm cho các người hiện diện vừa an tâm, vừa hân hoan.

Diêu-phu-nhân nói tiếp: « Bàn-A à, tôi mừng cậu nhá!... Cậu có được một tân nương hiền tuệ, như thế, tức là cái vận khí của cậu, sẽ nhờ vào cái vận khí may mắn của tân nương mà bệnh tình của cậu nhất định sẽ mau thuyên giảm!... »

Man-Ni không dám nhìn thẳng vào mặt Bàn-A; nàng đợi cho tới khi Diêu-phu-

nhân nói với cậu, nàng mới, chú thị đến cái người mà chung thân hạnh phúc của nàng, nàng đã đem gởi vào trong tay. Cái trách nhiệm của nàng bây giờ là làm làm sao cho cậu chóng khỏi, chóng lành mạnh; trong thân tâm của nàng, nàng thấy rất an tĩnh vì từ nay, trở đi, cậu là riêng của nàng, nàng có thể đem hết tâm lực ra để bảo đảm tất cả những sự an cần, tử tế, mà bấy hay, cậu đã thi thố với nàng và gia đình nàng. Nhưng nếu trái lại, cậu không bình phục được, thì quả thật, cả cái cuộc sống của nàng thế là hết, không còn mấy may hi vọng gì nữa!

Bàn-A khẽ đáp lời Diêu-phu-nhân bằng một giọng mệt mỏi, yếu ớt: « Con xin đa tạ thái thái... con đã làm... thái thái... nhọc lòng vì con... đề... khi nào... khỏi bệnh, con sẽ xin... đến tạ... lỗi... » Cậu chống tay, muốn ngồi lên. « ... cho tôi ngồi dậy! ... »

Tất cả đều nói: « Ấy chớ! ấy chớ! Thôi, cậu đừng có ngồi dậy làm gì. »

— Cứ theo tục lệ thì cô dâu và chú rể, khi vào tân phòng mỗi người phải mời nhau một chén rượu, gọi là chén rượu « hợp cần » cũng là, cả đôi phải ăn hết một cái tim lợn đã nấu sẵn, như vậy, đề tượng trưng rằng: phu thê đã cùng nhau « vĩnh-kết » sự « đồng-tâm ». Các nghi thức khác có thể tình giảm đi được, chứ cái lễ đó, không thể bỏ được. Bởi vậy, khách nhân đều đi ra cả, để cho cô dâu, chú rể làm lễ hiệp cần. Tuyết-Hoa mang một cái kỷ thấp chân, đề lên trên giường rồi đem các vật cần dùng bày sẵn ra. Không một người nào lạ được ở trong phòng lúc này. Người bạn nương có ý muốn ở

lại đề hộ, nhưng Quế-cô không nghe, rồi cô ân cần quay dặn tân nương rằng, ăn và uống đây là một thứ hình thức để làm phép vậy thôi, nên, chỉ cho chú rể nhắm nhấp qua, gọi là có, là được.

Sau đó, các người ra hết và cửa phòng được khép lại.

Man-Ni thấy gương ngẹn quá; tim nàng đập mạnh, mặt nàng nóng bừng bừng, nàng không biết làm gì, nói gì, bây giờ. Bàn-A giơ tay ra, nàng cũng từ từ chia tay mình ra; cậu mệt nhọc cầm lấy tay nàng, và nói; với một nụ cười héo hắt: « Muội-muội!... Từ nay, em không còn chạy trốn... được nữa... nhá! »

« Bàn-kha à, giá anh có đuổi em, em phục thị anh, anh phải cố cho chóng khỏi đi nhá...! Em nói thiệt, cho đâu phải làm gì để anh chóng bình phục, em cũng xin vâng tất cả... Ví dụ, cầu phải thức suốt ngày, đêm, để anh mau lành mạnh, em cũng không dám từ nan! »

« Muội-muội ạ, anh tức quá, không thể ngồi dậy được, để cùng với em, hành lễ, đây này, em coi, anh mệt quá!... đi thôi. » Giọng cậu cứ yếu, yếu dần, như sắp hết cả hơi.

« Thôi, anh chờ giới ý, kéo nó thêm một... anh ạ! »

« Thế là... các việc xong rồi, hả em? »

« Vâng, thưa anh xong rồi, và hoàn hảo cả. »

« Muội - muội ơi!... anh làm em của

anh nhọc quá nhỉ »

« Không, thưa anh, có gì đâu, anh cứ yên tâm, các việc đều được như ý cả. »

Nàng phải đứng lên vì cái kỷ nó vướng và vì tại cái mũ phượng nó vừa nặng, vừa có những sợi chân chỉ nó lỏng thông xuống trước mắt, rất vướng vất. Nàng đi lại sát bên cậu, rót rượu ra hai cái chén, đưa cho cậu một cái; nàng nói: « Liệu anh có cầm được vững không? » Cậu hơi run tay nhưng cố cầm lấy. Nàng cũng nhắc chén của mình lên, nhấp môi xong, thì để xuống, rồi vội vàng đỡ lấy cái chén của cậu.

Nàng dùng cái thìa, xắn lấy một miếng quả tim, múc một tí nước dùng, rồi đưa cho cậu; bắt đồ, cậu vừa tụt người xuống, nước đồ chan hòa cả ra chiếc chén mới; nàng nhìn xuống, cả lễ phục của nàng cũng bị hoen ướt; Nàng hoang mang bỏ cái thìa xuống bát rồi đi lấy khăn lau.

« Thôi để em múc cho anh!... » Nàng liền nhích cái kỷ lại gần cậu hơn, rồi lại xắn thịt quả tim và đưa vào miệng cho cậu. Cậu nói: « Em hãy cẩn trước đi một nửa đã kia!... » Nàng chiều ý cậu, cắn một ít, còn dư, thì đưa vào miệng cho cậu.

« Em ạ, từ nay trở đi, anh muốn, chỉ mỗi một mình em, em săn sóc anh thôi, nhá! » Nàng âu yếm nhìn cậu...

Như thế hôn lễ đã hoàn tất vậy.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG IX

Địa chỉ mới của Tòa soạn BÁCH KHOA
160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAIGON

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Chúng tôi là một nhóm giáo sư chuyên nghiệp, tin tưởng ở thiện chí, kinh nghiệm, nhiệt huyết và nghĩa vụ của mình nên sáng lập ra trường TAN-PHƯƠNG với:

Mục đích: giúp vào sự phát triển và phổ biến giáo dục của Chính phủ Cộng-hòa Việt-nam.

Tôn chỉ: chấn chỉnh học phong theo tinh thần mới:

NHÂN BẢN — DÂN TỘC — KHAI PHÓNG

Ban Cố vấn và Giáo ban

Quốc văn — Sử-Địa:

Ô.Ô. Bình-Nguyên-Lộc
Đồng-Tuy
Đỗ-Thiệu
Hư-Chu
Nguyễn-Hiến-Lê

Nguyễn-Hữu-Ngư
Nguyễn-Lương-Hưng
Nguyễn-Thùy
Phan-Ngô
Tạ-Ký

Thiên-Giang
Bà Tùng-Lông
Trần-Đình-Sung
Vũ-Ký
Lê-Thương

Pháp — Anh văn:

Ô.Ô. Bùi-Thường
Hoàng-Xuân-Chi
Huỳnh-Hòa

Lê-Văn-Lương
Lê-Vân

Bà Công-Tôn Nữ-Đức
Vũ-Phương

Toán Lý Hóa Vạn vật:

Ô.Ô. Bùi-Ngọc-Mai
Bùi-Văn-Giai
Đỗ-Trợ

Lương-Duyên-Trinh
Nguyễn-Khai

Nguyễn-Nhật-Thăng
Trần-Kim-Thạch

Âm nhạc — Hội họa — Nữ công:

Ô.Ô. Dương-Minh-Hòa
Lê-Thương

Minh-Tuyền

Bà Vân-Trang

Đặc biệt: « Nhóm bạn trẻ em Việt-Nam » làm cố vấn cho

ban **Mẫu-giáo.**

Cô TRẦN-THỊ-HÀNG: Tốt-nghiệp Tân-học-đường nước Bỉ (Belgique), từng thực-tập tại những trường Mẫu-giáo lớn Âu-châu; nguyên hiệu-trưởng trường Mẫu-giáo *Sancta-Lucia*.

Cô HỢP-PHỐ

: Hiện điều-khiển các lớp Tân-giáo-dục của *Ấu-trĩ-viện* tỉnh Gia-dịnh.

Cô TRẦN-THỊ-KIM-THẢO: Giáo-viên các trường Mẫu-giáo *Sancta-Lucia*, *Thévenet*.

Cô THOẠI-NGUYỄN

(Nguyễn-Thị-Thoại-Dung): Nguyên hiệu-trưởng trường Mẫu-giáo *Họa-Mi*, giáo-viên *Tơ-Vàng* (1945-46) *Aurore*, Nguyễn-Hiến-Lê (từ 1952).

Những bài đã nhận được :

Sự tiến triển của văn-ngệ V.N. (Hy-Văn). Tác phẩm cuối cùng (Nguyễn-Ngọc-Thạch). Thử tìm xuất xứ bài vọng-cổ (Nguyễn-Tử-Quang). Người Mỹ đòi khảo sát thần kinh các nghị sĩ của họ (Trần - Lệ - Lang). Nên đề người trẻ trung hay kẻ có tuổi ở các địa vị quan trọng ? (Bảo Thắng), Thơ Thanh - Trung - Tử. Thống nhất thoại (Nguyễn-Tương-Như).

Người quân Tử (Phạm-Ngọc-Nhiệm).

Tất cả những bài trên đây, chúng tôi đương xem ; sẽ xin trả lời lần lần trên mục hộp thư này.

Cô Hoài - Thanh : Rất tiếc không đăng được truyện ngắn « Đợi ». Mong cô gửi thêm cho những sáng tác khác sâu sắc hơn.

Ô. Trần - Hữu - Trí : (Gia - định). Đã nhận được thư ông. Cuốn sách ông biên soạn có thể có giá trị. Nhưng trong một tạp chí không thể đăng lần lần tất cả các chương trong cuốn sách được vì lẽ dài quá và, riêng trong trường hợp của ông, thì nghiêng về chuyên môn quá. Ông có thể lựa chọn trong mỗi chương phần nào đặc sắc nhất và viết thành một hai bài gửi về cho chúng tôi.

Ô. Duy-Lượng : Rất tiếc không đăng được « Nhớ ».

Em Nguyễn - Kim - Hoàn : Rất cảm động nhận được thư em. « Bơ vơ », « Người anh chiến binh », « Một kiếp người » ý và lời sáo lăm. Em nên chọn những đề tài nào mà mình thấy rung cảm thành thực và cố gắng nữa đi.

Ô. Lương-Tài : Đã nhận được thư ông và đã chuyển lại ông B.N.L. và N.N.I. — Rất tiếc không đăng được « Thi và thi nhân » và « Qua đèo ngang » vì không ý kiến, không có gì mới lạ. Mong đợi thêm những bài khác nữa của ông.

Diệu-Thanh : Đã nhận được « Dao động » và « Lạc hương đêm tàn » Sẽ đăng : « Dao động » trong những số tới.

Ô. Nguyễn - Quang (Hòa-hưng Sài-gòn) : Trân trọng cảm tạ nhiệt tình của ông đối với Bách-khoa. « Một vài quan niệm về thi ca » rất tiếc không đăng được vì nhiều đoạn ý kiến thiên lệch quá và bố cục của toàn bài cũng không được rành mạch.

Ô. Nguyễn - Văn - Xứng : (Cần-thơ). Rất cảm tạ những lời khen tặng và cảm tình đặc biệt của ông đối với Bách-khoa. Tiếc rằng không đăng được « Cây thuốc cứu » vì có tính cách chuyên môn quá và cách viết hợp với lối biên soạn thành sách chứ không hợp với một bài báo.

Ô. Hoàng - Lê - Văn : Rất tiếc không đăng được : « Đẹp màu tin yêu » mong đợi ông những sáng tác khác.

Ô. Ngát-Phủ-Thơ « Gởi một người em » ý không có gì mới mẻ, mà sự phản nộ, căm thù trong bài thơ giả-tạo quá.

Ô. H. V. (Huê) : Mấy bài ông gửi, chúng tôi chỉ có thể đăng : « Con trâu đi cày » — Bài biên khảo không phải là xã luận, ý không có gì mới lạ mà lại dịch ở sách Pháp nhiều quá.

HỘP THƯ

Ô. Ph. - Hoàng - Long : Rất hoan nghinh sự hợp tác của ông và mong đợi ông những bài biên khảo về « Địa cầu vật lý học » hay khoa học.

Ô. ô. Ngọc-Quỳnh, Duy-Vũ, Vi-Lô : Rất tiếc không đăng được : « Khi anh ra đi » « Mưa bay » « Gặp gỡ ».

Ô. Nguyễn - Văn - Hậu : Đã nhận được thư, sách, và bài của ông. Đa tạ thịnh tình của ông đối với Bách-khoa — Hai bài về tài liệu lịch sử và kỹ thuật hành văn chúng tôi sẽ đăng lần lần trên Bách-khoa trong những số tới.

Ô. ô. Hoàng-Khanh, Trần-Trọng-Nhự, Thương-Nguyệt, Trúc-Phong, Định-Giang, Măng-Phú : Rất tiếc không đăng được : « Trôi dạt », « Biên giới », « Bơ vơ » — « Chiêm bao » — « Sao em chữa về » — « Đối cảnh mưa ngâu » — « Phương » — « Thu, Tình thương ».

BẢO MỜI

Chúng tôi vừa nhận được :

- Tập-San khoa học kỹ thuật từ số 1 đến số 9 do B. S. Trần-Văn-Du gửi tặng. Tập-san khoa học kỹ thuật do hội Khoa học kỹ thuật Việt-nam chủ trương nhằm mục đích « phổ biến về khoa học thuần túy cũng như khoa học thực hành » trong có những bài nghiên cứu giá trị của các cây bút khoa học danh tiếng. Trân trọng cảm ơn B. S. Trần-Văn-Du và xin ân cần giới thiệu « Tập-san khoa học kỹ thuật » với bạn đọc thân mến.

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được :

- Tiếng bên trời : Thi phẩm của Hà-Liên-Tử do tác giả gửi tặng gồm gần 30 bài thơ theo thể thơ Tự do. Sách dày 72 trang giá 20\$.
- « Contribution à l'étude des colonies Vietnamiennes en Thailand » của ông Bùi-Quang-Tung. trích đăng trong tạp chí « France Asie » số 148 (9-58).
- Nước Việt-nam trên con đường suy vong (1858-1884) của Ô. Bùi-Quang-Tung.
- Trăm thương của Ô. Bùi-Quang-Tung khảo soạn. Các sách trên đây đều do tác giả gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và xin ân cần giới thiệu với đọc giả thân mến.

Những bài rao trước trên trang Bách-Khoa trong những số tới :

Những bài rao trước không phải là sẽ đăng ngay trong số kế tiếp, mà chỉ là sẽ đăng lần lần trong những số tới đây tùy theo sự sắp xếp của bộ biên tập. Vậy trân trọng mong bạn đọc và các bạn gửi bài hiền cho đề khỏi trông đợi.

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

Hộp thư Bách - Khoa

Cùng các bạn gửi bài :

Trân trọng xin nhắc lại đề quý bạn lưu ý những thể lệ thông thường về việc gửi bài đăng trên Bách-Khoa như sau :

- Bài gửi đăng, xin viết một mặt, và viết rõ ràng.
- Nếu có hình vẽ gửi kèm, xin vẽ bằng mực đen đề tiện làm bản kẽm.
- Những bài không đăng, tòa soạn sẽ không trả lại bản thảo.
- Dưới mỗi bài, ngoài bút hiệu, xin viết thêm tên thực cùng địa chỉ hiện tại đề tòa báo tiện liên lạc, gửi tiền nhuận bút hoặc báo biểu.
- Mỗi bài gửi đến Bách-Khoa, xin đừng đồng thời gửi tới các báo khác. Nếu thấy Bách-Khoa chậm đăng hoặc vì một lẽ gì mà tác giả đòi ý kiến muốn gửi sang báo khác xin tin lại cho Tòa soạn Bách-Khoa rõ, đề Bách-Khoa khỏi đăng trùng bài với các đồng nghiệp, có nhiều điều bất tiện.

GIÁO - DỤC PHỔ - THÔNG

**Bán nguyệt-san xuất bản vào những ngày
mồng 1 và 15 mỗi tháng**

Chủ nhiệm : PHẠM-QUANG-LỘC

với 3 đặc-điểm

- *Tài-liệu chính-xác và độc-đáo về văn-học bổ ích chung cho những ai tha thiết đến vấn đề văn-học nước nhà.*
- *Biên-khảo công phu về âm-nhạc, khoa-học, luật-học căn yếu.*
- *Sáng-tác hấp-dẫn lành-mạnh.*

Bộ biên tập

- | | |
|-------------------|---------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Hiền |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Nguyễn-Trường-Sơn |
| — Giang-Tân | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Hoài-Khanh | — Phạm-Quang-Lộc |
| — Cô Hợp-Phố | — Phùng-Bá-Khanh |
| — Huy-Sơn | — Thái-Bạch |
| — Kiềm-Đạt | — Cô Thoại-Nguyên |
| — Cô Kim-Thảo | — Võ-Liệu |
| — Kim-Tuấn | — Bà Vân-Trang |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Vũ-Đăng |

Giá mỗi số : 8\$ — Sáu tháng (12 số) : 90\$ — Một năm (24 số) : 180\$

— Thư từ, bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8, Ngô-Đức-Kể — Sài-gòn.

— Tiền bạc, ngân phiếu, xin đề tên : Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.

Giải thưởng Tác-phẩm Kinh-tế

NGHIỆP-ĐOÀN XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Trụ-sở tại số 69, đường Tự-do — SAIGON

Điện-thoại số: Saigon 443

I.— Mục đích: Nghiệp-đoàn Xuất-nhập-cảng Việt-nam cấp các giải thưởng sau đây cho những tác-phẩm thuộc về kinh-tế, thương-mãi và công kỹ-nghệ v.v...

Đối với những tác-phẩm nào đã xuất-bản rồi thì từ 1-1-1958 được dự thi, còn xuất-bản trước 1-1-1958 thì không được dự.

II.— Hình thức: Mỗi tác-phẩm phải dài ít nhất là 30 trang giấy đánh máy 21×27, đánh theo lối thường (1 interligne) và phải gởi đến 6 bản.

III.— Kỳ hạn: Ngày 31-12-1958, lúc 17 giờ 30 chiều thì khóa sỏ, đúng ngày 31-3-1959 sẽ tuyên-bố kết-quả và phát các giải thưởng.

IV.— Ban chấm thi: Ban chấm thi sẽ được loan báo thành-phần đúng ngày 31-3-1959 trên các báo luôn với kết quả.

V.— Bản quyền tác - giả: Bản quyền tác-phẩm dự thi, dù được giải hay không, đều thuộc quyền sở - hữu tác - giả.

VI.— Các giải thưởng: Giải thưởng gồm có:

— Giải nhất	: 15.000\$00
— Giải nhì	: 10.000,00
— Giải ba	: 5.000,00
— Giải khuyến khích	: 3.000,00
— Giải —	: 3.000,00

Một giải thưởng đặc-biệt trị giá là 10.000\$00 sẽ dành riêng cho tác-phẩm hay nhất với đề-tài « Những phương-pháp chấn-hưng nền kinh-tế quốc-gia Việt-nam hiện-tại ».

Ngoài sáu giải thưởng trên, sẽ có những phần thưởng khác bằng tiền bạc hay phẩm-vật do đoàn - viên Nghiệp - đoàn Xuất - nhập - cảng Việt-nam ủng-hộ.

T. M. Ban Quản-trị

Chủ-tịch

NGUYỄN-XUÂN-NHẮN

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur
- SAIGON -

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON:
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

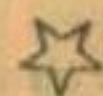
29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

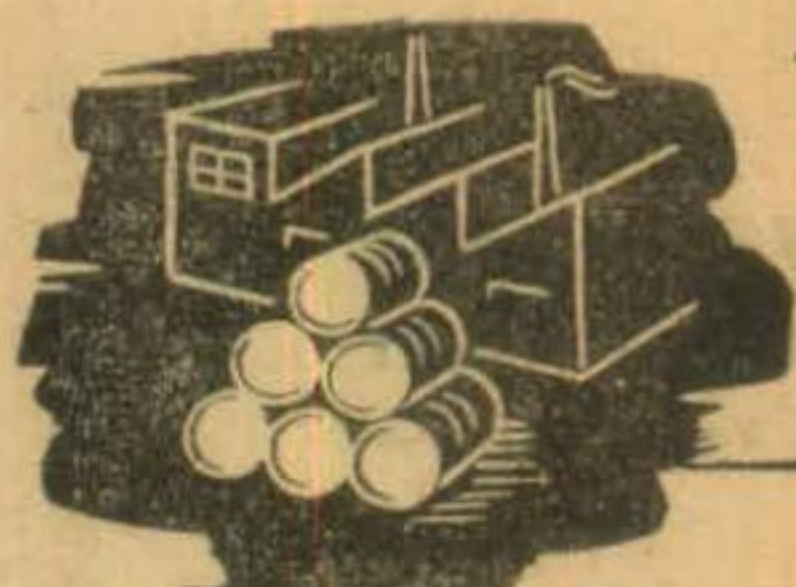
Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

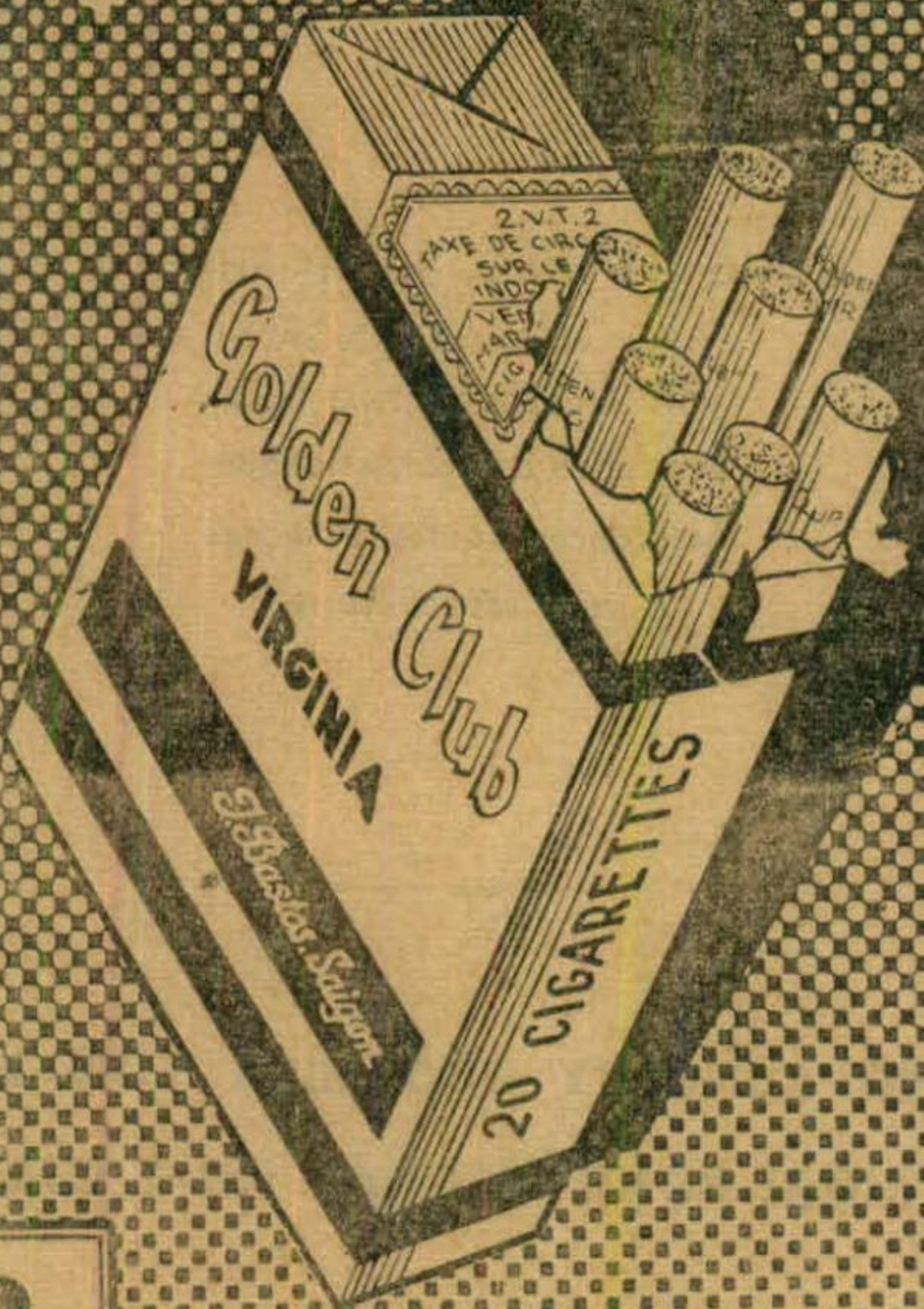


→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

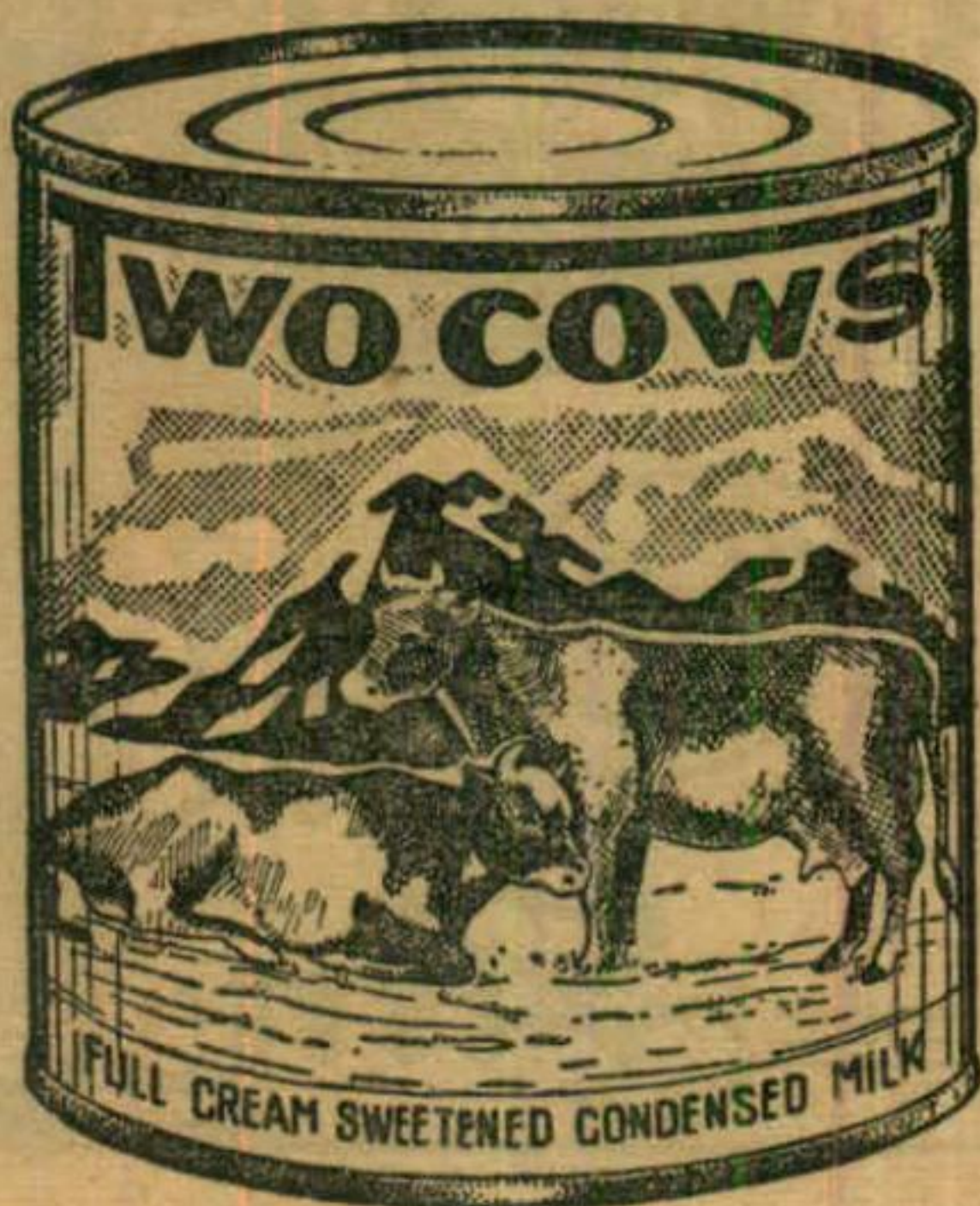


Đừng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
 et des Allumettes
 (SIFA)

346, Bến Văn-Đồn
 Đ. Thoại 21.950
 Đ. Tín Forestière

SỮA ((HAI CON BÒ))



Được
Viện PASTEUR
SAIGON

chứng nhận là một
 thứ sữa có đủ chất
 bổ cho trẻ em dùng

ENCORE UNE FOIS... 1958 - 1959

M. G. M. AU SOMMET

Avec joie et fierté

nous vous présentons

notre production 1958-59 (SUITE)

L'ARBRE DE VIE

RAINTRÉE COUNTY

Montgomery Clift, Elisabeth Taylor

Eva Marie Saint

LE FIER REBELLE

THE PROUD REBEL

Alan Ladd, Olivia de Havilland

Dean Jagger, David Ladd

LA CHATTE SUR UN TOIT BRULANT

CAT ON A HOT TIN ROOF

Elisabeth Taylor, Paul Newman,

Burl Ives Jack Carson

LE VOYAGE

THE JOURNEY

Yul Brynner, Deborah Kerr,

Robert Morley

LA MAYA NUE

THE NAKED MAJA

Ava Gardner, Anthony Franciosa

LE TRÉSOR DU PENDU

THE LAW & JAKE WIND

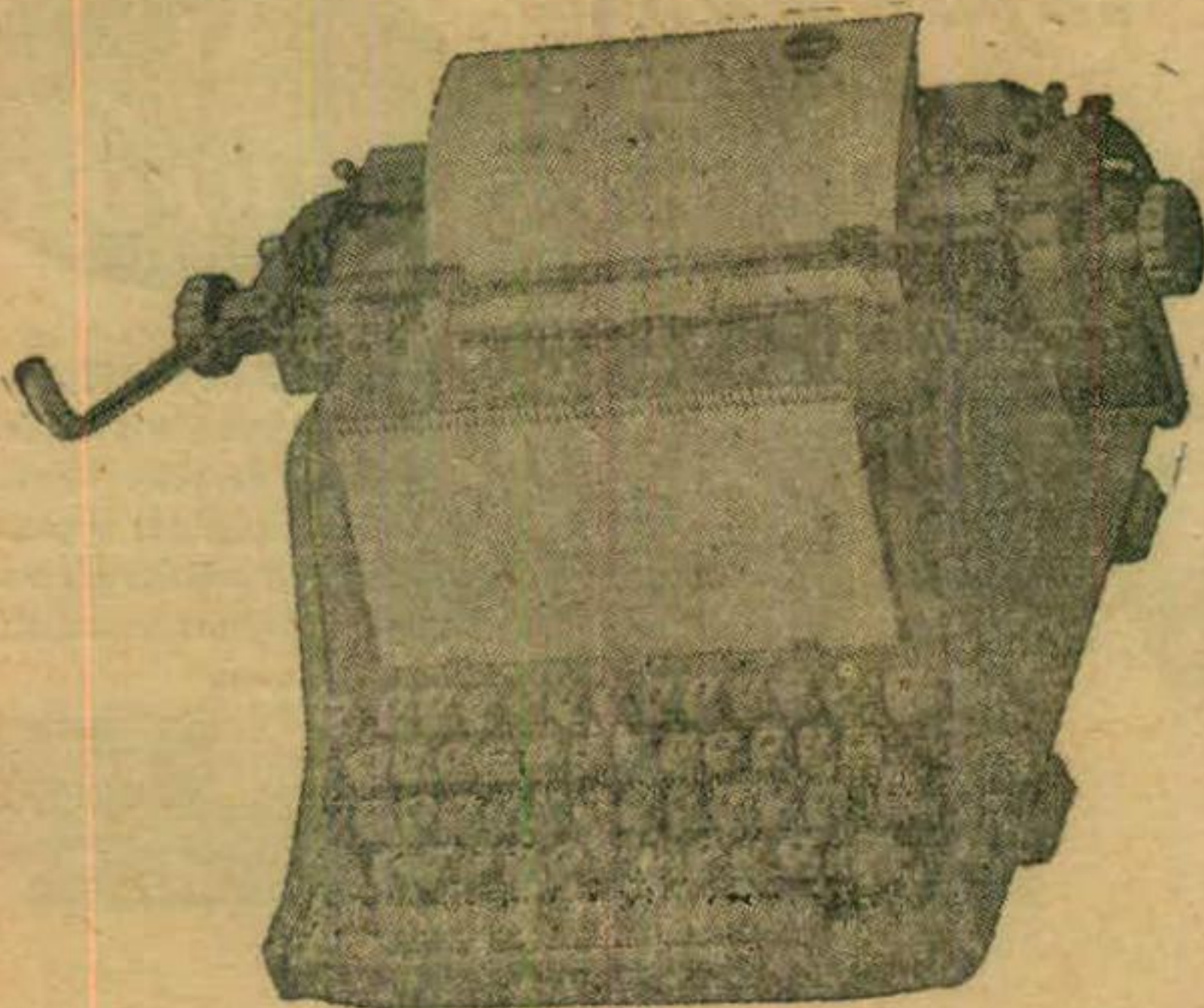
Robert Taylor, Richard Widmark,

Patricia Owens

(À SUIVRE)



MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RÈ LẠI TỐT — BÁN ST VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYEN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

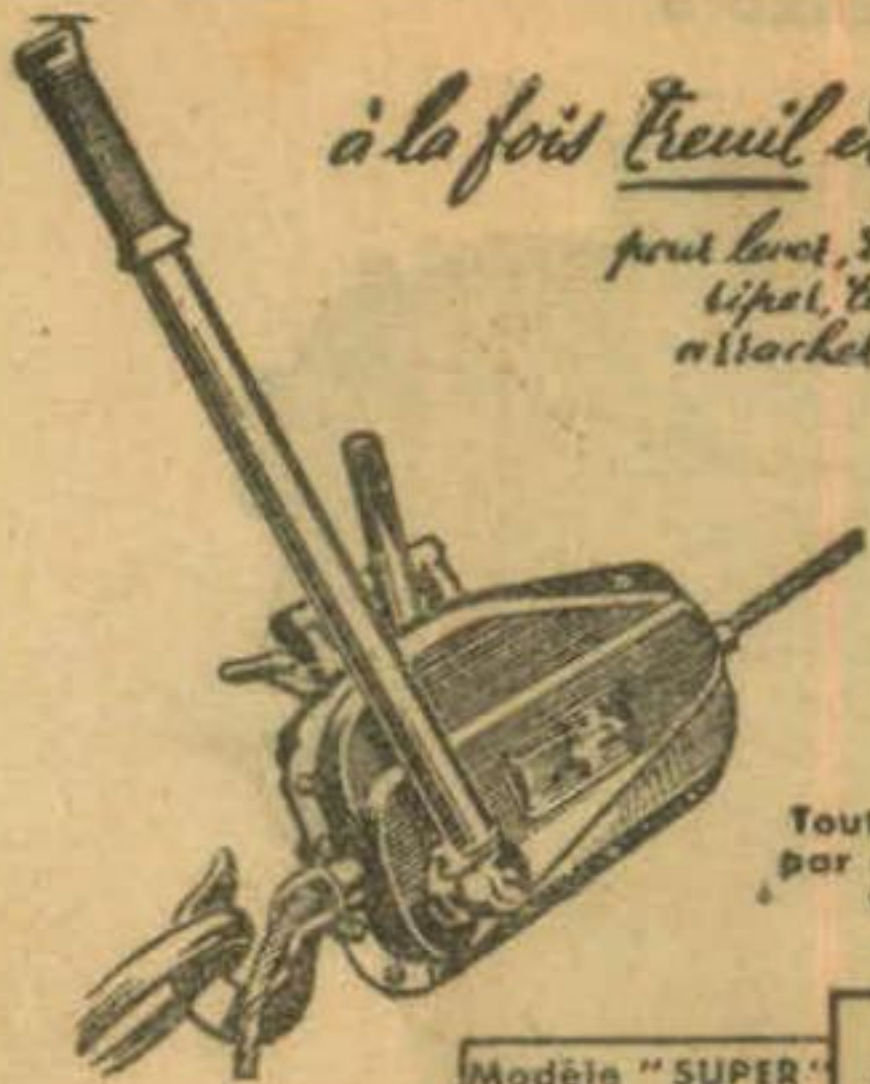
Vapad

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH
CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**
9, Pham - hồng - Thái — SAIGON

điện thoại - 21.670



à la fois freuil et palan!

*pour lever, tirer,
lifter, tendre
attacher etc.*

Toutes forces
par mouflage
facile



- 1) Portatif.
- 2) Mise en bellerie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 16 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

*Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous le
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00